

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2234 /TTr-UBND

Quảng Bình, ngày 25 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027;

UBND tỉnh kính trình HDND tỉnh thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 như sau:

A. Đề nghị HDND tỉnh thông qua số liệu dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025.

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

1.1. Dự toán tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025: 6.937.000 triệu đồng, bằng 113,7% so với dự toán năm 2024, giảm 0,4% so với ước thực hiện năm 2024 và tăng 6,6% dự toán trung ương giao, trong đó:

- Thu nội địa: 5.487.000 triệu đồng, bằng 102% so với dự toán năm 2024, tăng 2% so với ước thực hiện năm 2024, tăng 8,5% so với dự toán trung ương giao.

- Thu thuế xuất nhập khẩu: 1.450.000 triệu đồng, bằng 207% dự toán 2024, giảm 8,3% số ước thực hiện năm 2024 và bằng dự toán trung ương giao. ✓

- Thu chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang: 445.700 triệu đồng.

1.2. Tổng thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 10.226.145 triệu đồng, tăng 19% so với dự toán 2024.

1.3. Thu vay lại Chính phủ năm 2025: 346.000 triệu đồng để thực hiện chương trình dự án đầu tư của tỉnh theo hiệp định ký kết đã được Chính phủ phê duyệt.

Như vậy, tổng thu ngân sách nhà nước 2025 là: 17.954.845 triệu đồng

Trong đó: Ngân sách địa phương được hưởng: 16.200.395 triệu đồng

2. Dự toán chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 là: 16.200.395 triệu đồng, trong đó:

a) Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 14.378.112 triệu đồng, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 3.146.234 triệu đồng;
- Chi thường xuyên: 10.877.110 triệu đồng;
- Chi dự phòng ngân sách: 353.769 triệu đồng;
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng;

b) Chi trả nợ gốc và lãi vay đến hạn: 141.100 triệu đồng;

c) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương 1.681.183 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm).

B. Đề nghị HĐND tỉnh thông qua phương án phân bổ ngân sách địa phương.

I. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán năm 2025.

1. Đề nghị tiếp tục thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách địa phương theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh. Riêng thuế bảo vệ môi trường thực hiện phân chia điều chỉnh theo Nghị quyết của Quốc hội, 60% phân chia cho NSĐP (tỉnh Quảng Bình tỷ lệ phân chia là 100%), 40% điều tiết về NSTW;

Đối với khoản thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước thực hiện tỷ lệ điều tiết theo quy định tại Nghị quyết 64/2018/QH14 ngày 15/6/2018 của Quốc hội cho năm 2023 và ổn định trong giai đoạn 2023-2025; Đối với giấy phép do cơ quan trung ương cấp, thực hiện phân chia 70% cho ngân sách trung ương, 30% cho ngân sách địa phương; Đối với giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp,

thực hiện để lại 100% số thu cho ngân sách địa phương. Điều tiết ngân sách tỉnh hưởng 100% đối với phần ngân sách địa phương được hưởng.

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022. Căn cứ dự toán thu, chi năm 2025, xác định lại số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho các địa phương năm 2025 theo nguyên tắc đảm bảo mặt bằng chi tối thiểu theo định mức phân bổ theo Nghị quyết 14/2021/NQ-HĐND. Các địa phương số thu ngân sách địa phương hưởng thấp hơn dự toán 2023 thì được bù số bổ sung cân đối để đảm bảo chi cân đối không thấp hơn dự toán 2023.

3. Dự toán chi thường xuyên năm 2025 đã tính toán đầy đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ do Trung ương và HĐND tỉnh ban hành có hiệu lực đến thời điểm 01/01/2025.

4. Về số thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông: Trung ương đã bố trí 85% cho Bộ Công an, 15% số thu trên địa bàn được bổ sung có mục tiêu cho các địa phương để chi cho các lực lượng của địa phương tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, không thực hiện hỗ trợ cho công an địa phương. Tỷ lệ phân bổ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 5 Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 ban hành quy định một số nội dung chi, mức chi phục vụ cho công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình: phân bổ cho các lực lượng của tỉnh: 70%, các lực lượng tại các địa phương 30%.

5. Về phương án phân bổ dự toán:

5.1. Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh

- Bố trí đủ kinh phí tiền lương và chi hoạt động, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, đặc thù cho các cơ quan, đơn vị theo định mức quy định tại Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND.

- Bố trí đủ dự toán trả nợ gốc và lãi vay đến hạn phải trả trong năm 2025, số tiền 141,1 tỷ đồng, trong đó trả gốc đến hạn 74,6 tỷ đồng, trả nợ phí và lãi vay 56,2 tỷ đồng.

- Đối với chi phí thanh toán hạ tầng tạo quỹ đất: thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất. UBND tỉnh bố trí dự toán thanh toán hoàn ứng chi phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất tại ngân sách cấp tỉnh số tiền 320 tỷ đồng. Đối với ngân sách cấp huyện, giao cho các địa phương bố trí dự toán.

- Đối với sự nghiệp giáo dục – đào tạo: Bố trí dự toán đủ quỹ lương, định mức chi hoạt động và các chế độ chính sách do Trung ương và HĐND tỉnh ban hành và có hiệu lực đến ngày 01/12/2024; bố trí kinh phí thực hiện một số đề án, chương trình theo quy định của ngành giáo dục; chương trình hành động số 04/TU của Tỉnh ủy; bố trí kinh phí mua sắm, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới trường lớp học theo Nghị định 138/2024/NĐ-CP;

- Bố trí tăng dự toán chi chung đại hội ngày lễ để phục vụ lễ Đại hội Đảng, Đại hội thể dục thể thao và các ngày lễ lớn khác với số tiền 50 tỷ đồng;

- Bố trí dự toán chi chung nguồn mua xe để mua mới xe chuyên dùng và xe dùng chung số tiền 20 tỷ đồng;

- Bố trí kinh phí đủ vốn sự nghiệp đối ứng thực hiện 03 CTMTQG: 61 tỷ đồng.

- Bố trí dự toán kinh phí mua sắm, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới tài sản công theo Nghị định 138/2024/NĐ-CP số tiền 80 tỷ đồng.

- Bố trí đủ kinh phí thực hiện các Nghị quyết do HĐND tỉnh ban hành: 397 tỷ đồng, gồm:

+ Các nghị quyết ngành giáo dục: Nghị quyết hợp đồng giáo viên theo ND 111/2023/NĐ-CP: 104 tỷ đồng (trong đó đã giao dự toán cho các trường 6 tháng đầu năm theo Nghị quyết 193/NQ-HĐND ngày 11/07/2024); Nghị quyết học bổng học sinh dân tộc thiểu số: 24,9 tỷ đồng; Nghị quyết hỗ trợ học sinh Lào 9 tỷ đồng;

+ Các nghị quyết ngành nông nghiệp: 24 tỷ đồng

+ Các nghị quyết về an ninh quốc phòng: 95 tỷ (lực lượng an ninh cơ sở, dân quân tự vệ,...)

+ Kinh phí Hỗ trợ hàng tháng đối với cán bộ bán chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố: 50 tỷ

+ Các nghị quyết về an sinh xã hội: 81 tỷ (chính sách thăm hỏi dịp tết, mua thẻ bảo hiểm y tế, khen thưởng huy hiệu đảng, trợ cấp huy hiệu đảng, ..).

+ Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 77/2024 ngày 25/10/2024 về quy định mức hỗ trợ đối với nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản: 10 tỷ

- Bố trí kinh phí thực hiện chuyển đổi số từ nguồn vốn sự nghiệp: 20 tỷ đồng.

- Bố trí kinh phí tiền lương và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng theo Nghị định 111/2023/NĐ-CP từ nguồn ngân sách địa phương đối với số biên chế hiện có và tăng lương 30% theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: trong đó khối

các cơ quan cấp tỉnh tính đủ quỹ lương thực tế, gồm điều chỉnh tăng lương và hỗ trợ chi hoạt động theo định mức 50% so với định mức chi hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức tương ứng theo từng sự nghiệp, số tiền dự toán bố trí là 40 tỷ đồng; đối với khối huyện hỗ trợ lương thực tế gồm điều chỉnh tăng lương, hỗ trợ chi phí hoạt động đảm bảo mức tối thiểu 25%, số tiền hỗ trợ tương ứng là 29 tỷ đồng.

- Hỗ trợ kinh phí cho Làng trẻ em SOS, số tiền 3,383 tỷ đồng: Từ 01/01/2025 Tổ chức Làng trẻ em SOS quốc tế dừng hỗ trợ đối với 06 làng trẻ em SOS, trong đó có Làng trẻ SOS Đồng Hới. Trong thời gian đàm phán, thống nhất giữa Bộ Lao động –Thương binh và Xã hội với SOS Quốc tế về việc chuyển đổi mô hình tổ chức, quản lý, hoạt động của các đơn vị thuộc hệ thống SOS Việt Nam, để bảo đảm nguồn kinh phí nuôi dưỡng các cháu đang sinh sống và học tập tại làng trẻ em SOS Đồng Hới, Bộ Lao động –Thương binh và xã hội đề nghị tỉnh hỗ trợ kinh phí số tiền 3,383 tỷ đồng. Mức hỗ trợ được xác định trên cơ sở định mức quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và khung hỗ trợ đang áp dụng với các đối tượng có hoàn cảnh tương tự tại các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh đã được bố trí kinh phí thực hiện.

5.2. Đối với dự toán chi ngân sách các huyện, thành phố, thị xã:

a) Bổ sung kinh phí tăng lương cơ sở theo ND 73/2024/ND-CP, bao gồm quỹ tiền thưởng 10% lương ngạch bậc: 1.673 tỷ đồng, đồng thời chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2024 còn dư sang năm 2025 (gồm ước tăng thu năm 2024) 163 tỷ đồng để đảm bảo nhu cầu tăng lương.

b) Tăng bổ sung kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương và HĐND tỉnh ban hành có hiệu lực đến ngày 01/01/2025, trong đó đã bao gồm kinh phí khen thưởng đối với đảng viên được tặng huy hiệu Đảng.

c) Hỗ trợ kinh phí chi trả tiền lương tăng thêm theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang cho đối tượng hợp đồng theo ND 111/2023/NĐ-CP cho khối hành chính, theo nguyên tắc tăng 30% mức lương hiện hưởng đối với số biên chế hợp đồng hiện có với số tiền 29 tỷ đồng. Riêng kinh phí thực hiện hợp đồng cho khối sự nghiệp giáo dục đã bổ sung 6 tháng theo Nghị quyết số 193/NĐ-CP; 6 tháng còn lại sẽ bổ sung có mục tiêu sau khi Nghị quyết giao biên chế hợp đồng theo ND 111/2023/NĐ-CP năm học 2025-2026 có hiệu lực.

d) Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất trường học, đạt chuẩn quốc gia, đạt tiêu chí trường học đối với tiêu chí 150 triệu/trường và 300 triệu/trường đăng ký đạt chuẩn năm 2025 với số tiền 101 tỷ đồng.

đ) Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ thuộc sự nghiệp kinh tế (chính trang đô thị, xử lý môi trường, nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới, sửa chữa tài sản công,...) cho các địa phương tính theo định mức 2% chi cân đối thường xuyên, riêng 02 huyện Minh Hóa, Tuyên hóa hỗ trợ 2,5% chi thường xuyên cân đối: 91.200 triệu đồng.

e) Hỗ trợ kinh phí duy trì phần mềm ứng dụng CNTT ngành tài chính: 3,9 tỷ đồng;

g) Hỗ trợ kinh phí vận hành Quảng trường, trang trí các ngày lễ lớn, nhiệm vụ vệ sinh môi trường, chăm sóc công viên cây xanh, vận hành hệ thống điện, tiền điện chiếu sáng, trang trí trên địa bàn TP Đồng Hới năm 2025: Quảng trường Bác Hồ với nhân dân Quảng Bình được chuyển giao từ Sở Văn hóa thể thao cho UBND Thành phố Đồng Hới quản lý và vận hành, do đó kinh phí vận hành, trang trí các ngày lễ lớn chưa được bố trí trong định mức chi cân đối. Mặt khác những năm gần đây quá trình đô thị hóa ngày càng tăng, các dự án do UBND tỉnh và các nhà đầu tư hoàn thành bàn giao cho Thành phố quản lý, vận hành. Do đó chi phí vận hành quản lý điện, dịch vụ môi trường,... tăng so với định mức chi cân đối. Do đó UBND tỉnh đề nghị hỗ trợ tăng thêm cho UBND thành phố Đồng Hới số tiền 15 tỷ đồng;

h) Hỗ trợ kinh phí cho UBND huyện Quảng Trạch chính trang đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V: Với mục tiêu xây dựng đô thị loại V, hiện nay huyện Quảng Trạch còn tiêu chí chính trang đô thị chưa đạt, 02 năm vừa qua tình hình thị trường bất động sản trầm lắng, nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất hạn chế, do đó huyện chưa đủ nguồn lực thực hiện Đề án xây dựng đô thị. Để hỗ trợ UBND huyện Quảng Trạch hoàn thành các tiêu chí đô thị loại V trong năm 2025, UBND tỉnh đề nghị hỗ trợ tăng sự nghiệp kinh tế cho huyện với số tiền 20 tỷ đồng.

k) Hỗ trợ kinh phí cho Thị xã Ba Đồn thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TU: Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 13/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phân đấu xây dựng thị xã Ba Đồn đạt tiêu chí đô thị loại III thuộc tỉnh vào năm 2026 theo đó giải pháp thực hiện chỉ đạo ngân sách tỉnh cần có sự tập trung ưu tiên cho thị xã Ba Đồn xây dựng, nâng cấp đô thị và đầu tư từ 01-02 công trình trọng điểm theo tiêu chí đô thị loại III. UBND tỉnh trong thời kỳ ổn định ngân sách đến năm 2025: Tăng nguồn lực đầu tư cho UBND thị xã Ba Đồn

từ số bổ sung dự toán từ ngân sách tỉnh cho ngân sách thị xã thông qua các nguồn thuộc dự toán ngân sách tỉnh, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn lực hợp pháp khác. Do đó, đề nghị hỗ trợ tăng cho thị xã Ba đồn kinh phí thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TU với số tiền 65 tỷ đồng để thực hiện xây dựng các công trình trọng điểm và tạo điểm nhấn, tuyến phố văn minh, nâng cấp đô thị thị xã nâng cấp hạ tầng vùng cồn bãi.

l) Hỗ trợ kinh phí triển khai Đề án phát triển hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin: Ngày 14/10/2022, UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 2796/QĐ-UBND về việc Phê duyệt Đề án “Phát triển hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022 - 2025”. Đề án ban hành với mục tiêu phát triển mới, chuyển đổi hệ thống đài Truyền thanh cơ sở dựa trên ứng dụng Công nghệ thông tin - viễn thông cùng với xây dựng hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh nhằm hiện đại hóa, số hóa thông tin, đổi mới phương thức cung cấp thông tin, nâng cao chất lượng hoạt động theo hướng chủ động, kịp thời, chính xác và hiệu quả; Mục tiêu cụ thể đến năm 2025: Phần đầu 100% xã, phường, thị trấn được đầu tư lắp đặt, chuyển đổi, nâng cấp đài truyền thanh cơ sở ứng dụng CNTT-VT.

Theo báo cáo của Sở TTTT, tính đến đầu tháng 10/2024 trên địa bàn tỉnh có 149/151 xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh cơ sở, trong đó có: 93/149 xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT; 56/149 xã, phường, thị trấn có hệ thống đài truyền thanh công nghệ cũ (không dây FM, có dây). Hiện nay nhu cầu đầu tư lắp đặt, nâng cấp hệ thống đài truyền thanh cơ sở tại các huyện, thành phố, thị xã để đảm bảo đạt mục tiêu của Đề án là 29,4 tỷ. Tuy nhiên vì đề án ban hành giữa thời kỳ ổn định ngân sách, đến nay các địa phương chưa đủ nguồn lực để bố trí kinh phí thực hiện đề án để đạt được mục tiêu. Do đó để đảm bảo thực hiện mục tiêu của Đề án, UBND tỉnh đề nghị hỗ trợ một phần kinh phí để các huyện, thành phố, thị xã thực hiện nhiệm vụ phát triển hệ thống Đài truyền thanh ứng dụng CNTT với số tiền 11,6 tỷ đồng tương ứng 40% nhu cầu kinh phí.

m) Hỗ trợ kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, định giá đất, hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án 06 và chuyển đổi số, hỗ trợ kinh phí sắp xếp đơn vị hành chính: số tiền 14,85 tỷ đồng, đây là các nhiệm vụ chi mới phát sinh do chính sách thay đổi, đề nghị hỗ trợ các địa phương một phần kinh phí thực hiện nhiệm vụ. ✓

II. Đề nghị HDND tỉnh thông qua phương án phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025

Phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 theo từng lĩnh vực và chi tiết cho từng Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các địa phương chi tiết theo Phụ lục số 2,3,4 kèm theo.

1. Dự toán ngân sách cấp tỉnh

1.1. Tổng thu ngân sách cấp tỉnh: 7.708.502 triệu đồng, trong đó:

Tổng thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng: 7.347.543 triệu đồng, trong đó:

- Thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng theo phân cấp: 2.927.172 triệu đồng;

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 3.791.872 triệu đồng;

- Thu từ nguồn vay lại Chính phủ: 346.000 triệu đồng.

- Thu chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang: 282.499 triệu đồng;

Gồm:

+ Chuyển nguồn tiết kiệm chi năm 2024 chuyển sang để thực hiện các chính sách do HDND tỉnh ban hành, nhu cầu thực hiện các chính sách do HDND tỉnh ban hành khoảng 376 tỷ đồng, nguồn tiết kiệm chi năm 2023 đã chuyển nguồn sang năm 2024 để thực hiện các chính sách do HDND tỉnh ban hành là 391 tỷ đồng, đến nay đã sử dụng hết 198,983 tỷ đồng, số còn lại chưa sử dụng là 184,057 tỷ đồng, đề nghị chuyển nguồn để bố trí kinh phí thực hiện các chính sách năm 2025.

+ Chuyển nguồn tiền thu sử dụng đất để thanh toán chi phí hạ tầng các dự án tạo quỹ đất, số tiền 98,442 tỷ đồng: khoản thu tiền sử dụng đất để thanh toán chi phí hạ tầng đã nộp vào ngân sách nhà nước, điều tiết 100% ngân sách tỉnh hưởng đến nay còn dư và chưa bố trí dự toán chi để thanh toán chi phí hạ tầng, do đó đề nghị chuyển nguồn để giao dự toán chi thanh toán chi phí đầu tư hạ tầng cho các dự án tạo quỹ đất với số tiền 98,442 tỷ đồng.

1.2. Tổng chi ngân sách cấp tỉnh: 7.347.543 triệu đồng

a. Chi cân đối ngân sách: 5.525.260 triệu đồng, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 1.654.021 triệu đồng

- Chi thường xuyên: 3.676.188 triệu đồng

- Chi dự phòng ngân sách: 194.051 triệu đồng

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng

b. Chi trả nợ gốc và lãi vay: 141.100 triệu đồng

c. Chi từ nguồn TWBSCMT: 1.681.183 triệu đồng
(Chi tiết tại Phụ lục số 03 và các phụ lục 3.1 đến 3.8 kèm theo)

2. Dự toán ngân sách cấp huyện:

- Tổng thu ngân sách địa phương được hưởng: 8.852.851 triệu đồng, trong đó:

Thu từ các khoản thu NSDP được hưởng: 2.255.377 triệu đồng

Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 6.434.273 triệu đồng

- Thu chuyên nguồn năm trước chuyển sang: 163.201 triệu đồng

- Tổng chi ngân sách cấp huyện: 8.852.851 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 1.492.212 triệu đồng

- Chi thường xuyên: 7.200.921 triệu đồng

- Chi dự phòng ngân sách: 159.718 triệu đồng

(Chi tiết tại Phụ lục số 4a, 4b kèm theo)

3. Phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các CTMTQG

Căn cứ số kinh phí Trung ương giao, tình hình triển khai thực hiện các chương trình MTQG năm 2024 và nhu cầu kinh phí của năm 2025 của các đơn vị, các Sở ngành, địa phương; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phương án phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện các CTMTQG xây dựng nông thôn mới như sau:

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Tổng kinh phí thực hiện chương trình: 70.146 triệu đồng, gồm:

- Vốn Ngân sách Trung ương: 35.073 triệu đồng;

- Vốn ngân sách địa phương: 35.073 triệu đồng.

(Phụ lục 05 kèm theo)

III. Đề nghị HĐND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán mua sắm tài sản, trang thiết bị, kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các công trình.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 138/2024/NĐ-CP) quy định: "Đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực

hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương."

Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP quy định: "*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương*".

Đối với dự toán năm 2025, UBND tỉnh kính trình HDND tỉnh tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán mua sắm tài sản, trang thiết bị, kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các công trình, với số tiền 274.175 triệu đồng, gồm:

1. Nguồn sự nghiệp giáo dục – đào tạo: 105.000 triệu đồng;
 2. Nguồn Chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo Chương trình hành động 04-TU và kế hoạch 463 của UBND tỉnh: 28.500 triệu đồng;
 3. Kinh phí mua sắm cải tạo, nâng cấp tài sản công – sự nghiệp kinh tế: 80.000 triệu đồng;
 4. Kinh phí cải tạo, nâng cấp tài sản – sự nghiệp môi trường: 18.291 triệu đồng.
 5. Kinh phí cải tạo, nâng cấp khu kinh tế: 13.384 triệu đồng.
 6. Kinh phí sửa chữa duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều: 14.000 triệu đồng.
 7. Kinh phí mua sắm sự nghiệp y tế: 15.000 triệu đồng.
- (Chi tiết tại Phụ lục số 3.2;3.3;3.4;3.7;3.8 kèm theo)*

IV. Đề nghị HDND tỉnh giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung trong dự toán chi ngân sách năm 2025:

Tại Nghị quyết này, UBND tỉnh chưa trình HDND tỉnh giao dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định rõ đơn vị thực hiện và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền. Tổng nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ giao cho UBND tỉnh giao chi tiết khi đủ điều kiện giao dự toán là 990.015 triệu đồng, bao gồm:

1. Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội: gồm kinh phí hỗ trợ ngư dân theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg 320.136 triệu đồng, kinh phí bảo vệ rừng thuộc chương trình lâm nghiệp 98.640 triệu đồng, kinh phí thực hiện chính sách thuộc sự nghiệp giáo dục 63.430 triệu đồng, kinh phí thực hiện các chế độ bảo trợ xã hội 86.293 triệu đồng, ...Các khoản kinh phí này đã có nội dung và

định mức chi theo quy định của Chính phủ hoặc HĐND tỉnh và sẽ được tổng hợp hỗ trợ cho các đối tượng khi có phát sinh.

2. Kinh phí chi chung các sự nghiệp: quản lý nhà nước 110 tỷ (đợt xuất hành chính 30 tỷ, đại hội ngày lễ 50 tỷ, đoàn ra đoàn vào 10 tỷ, mua xe 20 tỷ); sự nghiệp giáo dục 30 tỷ (dề án ngoại ngữ 10 tỷ, chương trình đổi mới thay sách 20 tỷ); vốn quy hoạch và chi phí hạ tầng, kinh phí thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất 51 tỷ, chi hỗ trợ đợt xuất khác 35 tỷ,... là các khoản mục kinh phí chưa giao nhiệm vụ, chưa xác định cụ thể đơn vị thực hiện.

Do vậy để kịp thời bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I triển khai nhiệm vụ sau khi đã xác định rõ đơn vị thực hiện và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND tỉnh báo cáo và trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cho UBND tỉnh xem xét, quyết định giao bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán cấp I khi phát sinh nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các nguồn kinh phí nêu.

(Chi tiết tại Phụ lục số 3.9 kèm theo theo)

Với dự toán thu, chi và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 như trên, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn DBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TM. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Phong Phú

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025(Kèm theo Tờ trình số **2234** /TTr-UBND ngày **25** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện 2024	Dự toán 2025		So sánh		
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương	DTDP 2024	ƯTH 2024	DTTW 2025
A	PHẦN THU								
	Tổng thu NSNN (I+II+III)	14.903.229	15.083.210	15.879.817	17.077.145	17.954.845	119,0%	113,1%	105,1%
	<i>Trong đó: NSDP được hưởng</i>	<i>13.952.409</i>	<i>14.049.090</i>	<i>14.061.517</i>	<i>15.335.586</i>	<i>16.200.395</i>	<i>115,3%</i>	<i>115,2%</i>	<i>105,6%</i>
I	Thu tại địa bàn (1+2)	6.070.000	6.101.960	6.962.000	6.505.000	6.937.000	113,7%	99,6%	106,6%
1	Thu cân đối ngân sách	5.370.000	5.370.000	5.380.000	5.055.000	5.487.000	102,2%	102,0%	108,5%
1.1	Thu DNNN TW	175.000	175.000	171.000	170.000	170.000	97,1%	99,4%	100,0%
1.2	Thu DNNN ĐP	90.000	90.000	128.000	112.000	112.000	124,4%	87,5%	100,0%
1.3	Thu từ DN đầu tư nước ngoài	145.000	145.000	120.000	130.000	130.000	89,7%	108,3%	100,0%
1.4	Thu từ khu vực kinh tế NQD	882.000	882.000	928.000	920.000	920.000	104,3%	99,1%	100,0%
1.5	Thu thuế trước bạ	245.000	245.000	260.000	245.000	245.000	100,0%	94,2%	100,0%
1.6	Thuế SD đất phi NN	12.000	12.000	15.000	15.000	15.000	125,0%	100,0%	100,0%
1.7	Thu tiền thuê đất	130.000	130.000	303.000	130.000	130.000	100,0%	42,9%	100,0%
1.8	Thuế thu nhập cá nhân	225.000	225.000	248.000	240.000	240.000	106,7%	96,8%	100,0%
1.9	Thu phí, lệ phí	235.000	235.000	290.000	255.000	255.000	108,5%	87,9%	100,0%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>35.300</i>	<i>35.300</i>	<i>28.000</i>	<i>29.000</i>	<i>29.000</i>	<i>82,2%</i>	<i>103,6%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>199.700</i>	<i>199.700</i>	<i>262.000</i>	<i>226.000</i>	<i>226.000</i>	<i>113,2%</i>	<i>86,3%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>Trong đó: Phí BVMT đối với KTKS</i>	<i>43.000</i>	<i>43.000</i>	<i>57.000</i>	<i>58.000</i>	<i>58.000</i>	<i>134,9%</i>	<i>101,8%</i>	<i>100,0%</i>
1.10	Thu tiền sử dụng đất	2.600.000	2.600.000	2.270.000	2.048.000	2.480.000	95,4%	109,3%	121,1%
1.11	Thuế bảo vệ môi trường	315.000	315.000	265.000	465.000	465.000	147,6%	175,5%	100,0%
	<i>- Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	<i>126.000</i>	<i>126.000</i>	<i>106.000</i>	<i>186.000</i>	<i>186.000</i>	<i>147,6%</i>	<i>175,5%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>- Thu từ hàng hóa SX trong nước</i>	<i>189.000</i>	<i>189.000</i>	<i>159.000</i>	<i>279.000</i>	<i>279.000</i>	<i>147,6%</i>	<i>175,5%</i>	<i>100,0%</i>
1.12	Thu khác ngân sách	185.000	185.000	216.000	185.000	185.000	100,0%	85,6%	100,0%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>77.000</i>	<i>77.000</i>	<i>85.600</i>	<i>75.300</i>	<i>75.300</i>	<i>97,8%</i>		<i>100,0%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>108.000</i>	<i>108.000</i>	<i>130.400</i>	<i>109.700</i>	<i>109.700</i>	<i>101,6%</i>	<i>84,1%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa</i>	<i>20.900</i>	<i>20.900</i>	<i>14.600</i>	<i>19.700</i>	<i>19.700</i>			
1.13	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	37.000	37.000	52.000	37.400	37.400	101,1%	71,9%	100,0%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>13.600</i>	<i>13.600</i>	<i>20.000</i>	<i>16.500</i>	<i>16.500</i>	<i>121,3%</i>		<i>100,0%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>23.400</i>	<i>23.400</i>	<i>32.000</i>	<i>20.900</i>	<i>20.900</i>	<i>89,3%</i>	<i>65,3%</i>	<i>100,0%</i>
1.14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14.000	14.000	23.000	14.000	14.000	100,0%	60,9%	100,0%
1.15	Thu Xổ số kiến thiết	75.000	75.000	83.000	82.000	82.000	109,3%	98,8%	100,0%
1.16	Thu tiền sử dụng khu vực biển	3.000	3.000	2.700	2.600	2.600			100,0%
1.17	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng 100%	2.000	2.000	5.300	4.000	4.000	200,0%	75,5%	100,0%

Số TT	Chi tiêu	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện 2024	Dự toán 2025		So sánh		
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương	DTĐP 2024	UTH 2024	DTTW 2025
2	Thu từ XNK	700.000	700.000	1.582.000	1.450.000	1.450.000	207,1%	91,7%	100,0%
3	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ		31.960						
II	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.591.329	8.591.329	8.591.329	10.226.145	10.226.145	119,0%	119,0%	100,0%
1	Bổ sung cân đối	4.864.703	4.864.703	4.864.703	4.962.003	4.962.003	102,0%	102,0%	100,0%
2	Bổ sung có mục tiêu từ NSTW	2.946.675	2.946.675	2.946.675	3.059.830	3.059.830	103,8%	103,8%	100,0%
3	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	779.951	779.951	779.951	2.204.312	2.204.312			
III	Vay lại Chính phủ	241.900	241.900	178.467	346.000	346.000	143,0%	193,9%	100,0%
IV	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		148.021	148.021	12.891	445.700		301,1%	
	PHẦN CHI			688.894	0	0			
	TỔNG CHI NSDP (A+B+C+D)	13.952.409	14.049.090	13.372.623	15.335.586	16.200.395	115,3%	121,1%	105,6%
A	Tổng chi cân đối (I+II+III+IV)	10.887.034	12.037.786	11.765.408	12.134.656	14.378.112	119,4%	122,2%	118,5%
I	Chi đầu tư phát triển (1+2+3)	3.276.825	3.081.043	2.808.665	2.825.330	3.146.234	102,1%	112,0%	111,4%
1	Chi xây dựng cơ bản	3.276.825	3.081.043	2.808.665	2.825.330	3.146.234	102,1%	112,0%	111,4%
1.1	Vốn tập trung trong nước	443.225	443.225	398.903	443.230	443.230	100,0%		100,0%
1.2	Vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp		22.008	19.807		25.844			
1.3	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	2.600.000	2.382.210	2.143.989	2.048.000	2.343.060	98,4%		114,4%
1.4	Chi đầu tư từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất 2022								
1.5	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	75.000	75.000	67.500	82.000	82.000			100,0%
1.6	Chi đầu tư từ nguồn vay lại Chính phủ	158.600	158.600	178.467	252.100	252.100	159,0%	141,3%	100,0%
II	Chi thường xuyên	7.393.932	8.647.816	8.647.816	9.069.731	10.877.110	125,8%	125,8%	119,9%
1	Chi SN kinh tế		1.392.835	1.392.835		1.621.352	116,4%	116,4%	
2	Chi SN Giáo dục - Đào tạo	3.695.456	3.695.456	3.695.456	4.654.505	4.905.117	132,7%	132,7%	105,4%
3	Chi SN Y tế, dân số và gia đình		624.838	624.838		779.646	124,8%	124,8%	
4	Chi SN Văn hóa-TTDL		87.293	87.293		122.059	139,8%	139,8%	
5	Chi SN khoa học và công nghệ	25.909	31.856	31.856	26.622	34.080	107,0%	107,0%	128,0%
6	Chi SN phát thanh- Truyền hình		41.569	41.569		55.994	134,7%	134,7%	
7	Chi đảm bảo xã hội		580.244	580.244		813.006	140,1%	140,1%	
8	Chi QLHC-Đảng, Đoàn thể		1.629.023	1.629.023		1.872.905	115,0%	115,0%	
9	Chi ANQP địa phương		248.921	248.921		339.503	136,4%	136,4%	
10	Chi khác ngân sách		52.636	52.636		140.258	266,5%	266,5%	
11	Chi hoạt động môi trường		163.144	163.144		193.190	118,4%	118,4%	
12	Dự phòng hụt thu cân đối		100.000	100.000		0			
III	Chi dự phòng ngân sách	215.277	307.927	307.927	238.595	353.769	114,9%		148,3%
IV	Chi bổ sung quỹ DTTC	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	100,0%	100,0%	100,0%

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện 2024	Dự toán 2025		So sánh		
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương	DTĐP 2024	ƯTH 2024	DTTW 2025
B	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ		31.960			0			
C	Chi trả nợ gốc và lãi vay	118.700	118.700	118.700	141.100	141.100	118,9%	118,9%	100,0%
E	Chi vốn chương trình mục tiêu	2.946.675	1.860.644	1.488.515	3.059.830	1.681.183	90,4%	112,9%	54,9%
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.205.510	1.205.510		1.277.238	1.277.238			
2	Bổ sung thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	1.086.031			1.378.647				
3	Bổ sung vốn thực hiện các CTMTQG	655.134	655.134		403.945	403.945			

TỔNG HỢP PHÂN BỐ THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN NĂM 2025(Kèm theo Tờ trình số: 2234 /TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chi tiêu	Dự toán 2024	Dự toán 2025		
			Tổng số	Trong đó	
				Cấp tỉnh	Cấp huyện
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	15.083.210	17.954.845	7.708.502	9.800.643
I	Tổng số thu NSDP trên địa bàn	6.070.000	6.937.000	3.570.630	3.366.370
1	Thu cân đối ngân sách	5.370.000	5.487.000	2.120.630	3.366.370
2	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	700.000	1.450.000	1.450.000	
II	Thu bổ sung từ Ngân sách cấp trên	8.591.329	10.226.145	3.791.872	6.434.273
III	Thu tiền vay	241.900	346.000	346.000	
IV	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ	31.960	0	-	
V	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	148.021	445.700	282.499	163.201
B	Ngân sách địa phương được hưởng	14.049.090	16.200.395	7.347.543	8.852.851
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp	5.119.180	5.182.550	2.927.172	2.255.377
2	Thu bổ sung từ Ngân sách cấp trên	8.591.329	10.226.145	3.791.872	6.434.273
3	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ	31.960	0	-	
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	148.021	445.700	282.499	163.201
5	Thu vay để bù đắp bội chi	158.600	346.000	346.000	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II)	14.049.090	16.200.394	7.347.543	8.852.851
I	Chi cân đối NSDP (1+2+3+4)	12.037.786	14.378.111	5.525.260	8.852.851
1	Chi đầu tư phát triển	3.081.043	3.146.234	1.654.021	1.492.212
a	Vốn tập trung trong nước	443.225	443.230	266.000	177.230
b	Vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp	22.008	25.844	25.844	
c	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	2.382.210	2.343.060	1.028.077	1.314.982
-	Chi phí đầu tư hạ tầng các dự án tạo quỹ đất	274.000	320.635	320.635	
-	Bổ sung vốn DT XDCB	2.108.210	2.022.425	707.442	1.314.982
d	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	75.000	82.000	82.000	
e	Chi đầu tư từ nguồn vay lại Chính phủ	158.600	252.100	252.100	
2	Chi thường xuyên	8.647.816	10.877.109	3.676.188	7.200.921
2.1	Chi SN kinh tế	1.392.835	1.621.352	1.009.567	611.785
2.2	Chi SN Giáo dục - Đào tạo	3.695.456	4.905.117	1.049.909	3.855.208
2.3	Chi SN Y tế	624.838	779.646	400.276	379.371
2.4	Chi SN Văn hóa-TTDL	87.293	122.059	79.159	42.900
2.5	Chi SN khoa học	31.856	34.080	34.080	
2.6	Chi SN phát thanh- Truyền hình	41.569	55.994	35.122	20.872
2.7	Chi đảm bảo xã hội	580.244	813.006	161.807	651.199
2.8	Chi QLHC-Đảng, Đoàn thể	1.629.023	1.872.905	650.765	1.222.140
2.9	Chi ANQP địa phương	248.921	339.503	121.744	217.759
2.10	Chi khác ngân sách	52.636	140.258	43.650	96.608
2.11	Chi hoạt động môi trường	163.144	193.190	90.110	103.080
2.12	Dự phòng hụt thu cân đối	100.000	0	-	
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	
4	Chi dự phòng ngân sách	307.927	353.769	194.051	159.718
II	Chi trả nợ gốc và lãi vay	118.700	141.100	141.100	
III	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ	31.960	0	-	
IV	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.860.644	1.681.183	1.681.183	

PHỤ LỤC 2.1
DỰ TOÁN CHI TIẾT THANH TOÁN CHI PHÍ HẠ TẦNG
CÁC DỰ ÁN TẠO QUỸ ĐẤT

(Kèm theo Tờ trình số **2234** /TTr-UBND ngày **25** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng

DVT: triệu đồng

STT	Tên dự án	Số tiền
I	Trung tâm PTQĐ Sở TN&MT làm chủ đầu tư	166.183
1	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam đường Lê Lợi, phường Đức Ninh Đông, TP Đồng Hới	13.000
2	Dự án khu dân cư phía Bắc đường Lê Lợi, phường Bắc Nghĩa, TP Đồng Hới	6.300
3	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới	36.000
4	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Tây Bắc Phan Bá Vành, phường Bắc Nghĩa, TP Đồng Hới	19.000
5	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Lý Thái Tổ, phường Bắc Nghĩa, TP Đồng Hới	26.000
6	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam đường Tạ Quang Bửu, phường Nam Lý, TP Đồng Hới	46.000
7	Dự án tạo quỹ đất cụm dân cư Tổ dân phố 3, phường Nam Lý, TP Đồng Hới	7.500
8	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư Tỉnh lộ 2, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	1.000
9	Dự án khu đô thị Sa Động, xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới	2.198
10	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông đường Phùng Hưng, phường Đồng Phú, TP Đồng Hới	3.660
11	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư Đức Sơn phía Tây Bắc đường Lê Lợi, xã Đức Ninh, TP Đồng Hới	2.121
12	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư Đức Sơn phía Tây Bắc đường Nguyễn Đăng Giai, xã Đức Ninh, TP Đồng Hới	2.500
13	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông đường Hà Huy Tập, Tổ DP6, phường Bắc Nghĩa, TP Đồng Hới	531
14	Dự án Tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường F325, Tổ dân phố 9, phường Bắc Lý, TP Đồng Hới	373
II	Sở Xây dựng làm chủ đầu tư	123.900
1	Dự án khu dân cư phía Tây đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới	22.900
2	Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư ven sông Lệ Kỳ dọc theo tuyến đường 36m, phường Đức Ninh Đông, TP Đồng Hới	80.000
3	Khu dân cư phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	1.000
4	Dự án khu dân cư phía Tây Nam đường Trương Pháp, xã Quang Phú, TP Đồng Hới	20.000
III	Ban QLDA ĐTXD CTDD&CN tỉnh làm chủ đầu tư	10.552
1	Dự án khu dân cư tại Trung tâm hành chính phường Đức Ninh Đông, TP Đồng Hới	10.552
IV	Ban quản lý Khu kinh tế làm chủ đầu tư	20.000
1	Dự án khu đất ở Đông Hưng, xã Quảng Đông, Khu kinh tế Hòn La	20.000
	TỔNG CỘNG	320.635

PHỤ LỤC SỐ 2.2

**GIAO CHI TIẾT KẾ HOẠCH VAY TỪ NGUỒN VAY LẠI CỦA CHÍNH PHỦ VÀ
KẾ HOẠCH TRẢ NỢ NĂM 2025**

(Kèm theo Tờ trình số: **2234** /TTr-UBND ngày **15** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đvt: Triệu đồng

S/tt	Tỉnh, thành phố	Tổng rút vốn	Trả nợ trong năm	Trả nợ gốc	Trả nợ lãi (phí)
	TỔNG CỘNG	252.100	141.100	74.556	56.233
(1)	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở		4.062	3.928	134
(2)	Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị, tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (ADB)	131.648	21.539	12.720	8.819
(3)	Dự án Hiện đại hóa Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (WB)		3.234	2.835	399
(4)	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Đồng Hới		31.299	11.440	19.859
(5)	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ tăng trưởng toàn diện khu vực GMS- GDII	26.793	2.464	2.464	
(6)	Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới	93.659	62.342	36.254	26.088
(7)	Dự án phát triển nông thôn bền vững vì người nghèo (Đã kế thúc vay)		0		
(8)	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập		2.229	1.981	248
(9)	Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương		3.621	2.935	686
(10)	Dự phòng		10.311		

PHỤ LỤC SỐ 03

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÁC ĐƠN VỊ CẤP TỈNH NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số: 2234 /TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
	TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	3.136.853	1.177.629	1.959.225	3.676.188	1.519.454	2.156.735
	TỔNG SỐ CHI THƯỜNG XUYÊN	3.136.853	1.177.629	1.959.225	3.676.188	1.519.454	2.156.735
A	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	549.562	344.525	205.038	650.765	436.909	213.856
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	292.892	256.310	36.582	363.417	323.169	40.248
1	Sở Lao động -TBXH	7.274	6.874	400	10.801	9.091	1.710
2	Sở Nông nghiệp & PTNT	8.000	7.850	150	10.213	10.063	150
3	Chi cục chăn nuôi, thú y tỉnh	4.328	4.028	300	8.685	8.385	300
4	Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật	2.241	2.241	0	3.052	3.052	0
5	Chi cục Phát triển nông thôn	2.387	2.387	0	3.314	3.314	0
6	Chi cục Thủy lợi	2.604	2.604	0	3.358	3.358	0
7	Chi cục Kiểm lâm	55.905	54.405	1.500	69.865	68.065	1.800
8	Chi cục thủy sản	5.865	5.015	850	7.433	6.583	850
9	Ban Dân tộc	5.088	3.488	1.600	5.177	4.377	800
10	Sở Nội vụ	10.132	9.482	650	12.557	12.007	550
11	Ban Tôn giáo	3.572	2.248	1.324	4.344	2.923	1.421
12	Thanh tra Tỉnh	11.471	7.071	4.400	12.723	8.723	4.000
13	Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	18.507	18.507	0	21.704	19.704	2.000
14	Văn phòng UBND tỉnh	20.314	20.114	200	23.663	23.163	500
15	Trung tâm phục vụ hành chính công	2.862	1.414	1.448	3.179	1.731	1.448
16	Sở Y tế	6.590	6.090	500	7.824	7.624	200
17	Sở Văn hóa & Thể thao	5.565	5.365	200	7.340	7.140	200
18	Sở Du lịch	2.772	2.772	0	3.821	3.821	0
19	Sở Khoa học - Công nghệ	5.719	5.719	0	7.612	7.612	0
20	Sở Công thương	6.970	6.820	150	8.125	7.975	150
21	Sở Xây dựng	6.388	5.838	550	7.567	7.017	550
22	Thanh tra xây dựng	1.498	1.358	140	2.294	1.794	500
23	Sở Tư pháp	10.599	5.149	5.450	10.795	6.895	3.900
24	Sở Tài chính	15.059	13.289	1.770	17.963	16.029	1.934
25	Sở Kế hoạch- Đầu tư	9.423	8.973	450	12.182	11.647	535
26	Sở Giáo dục - Đào tạo	8.681	8.631	50	11.281	11.231	50
27	Sở Tài nguyên & Môi trường	9.523	9.523	0	12.298	12.298	0
28	Sở Giao thông - Vận tải	8.673	6.473	2.200	10.856	8.656	2.200

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
29	Thanh tra Sở Giao thông - Vận tải	2.412	2.412	0	3.159	3.159	0
30	Ban An toàn giao thông	409	309	100	517	417	100
31	Sở Ngoại vụ	4.645	2.845	1.800	5.663	3.763	1.900
32	Sở Thông tin và Truyền thông	13.470	4.670	8.800	16.878	6.078	10.800
33	Chi cục dân số KHHGĐ	4.000	2.800	1.200	4.686	3.486	1.200
34	Ban quản lý khu kinh tế	5.407	5.307	100	6.393	6.293	100
35	Đại diện BQL tại Khu kinh tế Cha	1.907	1.757	150	2.650	2.500	150
36	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	2.635	2.485	150	3.448	3.198	250
II	<u>ĐẢNG</u>	107.445	52.529	54.916	121.651	70.352	51.298
1	Ban Tổ chức tỉnh ủy	9.232	5.928	3.304	10.541	7.281	3.261
2	Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	11.828	6.385	5.443	13.441	8.686	4.755
3	Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy	7.997	6.080	1.917	9.937	8.055	1.882
4	Ban Dân vận tỉnh ủy	5.866	4.277	1.590	8.398	5.820	2.578
5	Ban Nội chính tỉnh ủy	6.722	4.627	2.095	8.180	6.221	1.959
6	Văn phòng tỉnh ủy	29.303	11.791	17.512	30.903	14.899	16.003
7	Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh	6.311	4.731	1.580	7.663	6.303	1.360
8	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	7.901	4.642	3.258	8.707	7.423	1.284
9	Báo Quảng Bình	22.284	4.067	18.217	23.881	5.663	18.217
III	<u>ĐOÀN THỂ</u>	49.226	35.686	13.540	55.697	43.387	12.310
1	Tỉnh đoàn	5.920	4.520	1.400	6.176	4.776	1.400
2	Hội Nông dân	5.019	4.419	600	6.177	5.577	600
3	Đoàn Khối doanh nghiệp	460	310	150	565	415	150
4	Hội cựu chiến binh	2.831	2.521	310	3.287	2.977	310
5	Hội liên hiệp phụ nữ	5.597	4.797	800	7.212	6.462	750
6	Đoàn Khối cơ quan tỉnh	471	321	150	597	447	150
7	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	10.887	5.687	5.200	9.409	5.609	3.800
8	Hội văn học nghệ thuật	1.274	1.274	0	1.868	1.668	200
9	Hội liên hiệp thanh niên	937	257	680	440	360	80
10	Hội nhà báo	1.176	776	400	1.638	1.038	600
11	Hội làm vườn	693	583	110	971	891	80
12	Liên minh hợp tác xã	1.934	1.834	100	2.814	2.214	600
13	Hội đông y	534	534	0	688	688	0
14	Hội doanh nghiệp tỉnh Quảng bình	696	546	150	960	810	150
15	Hội Luật gia	763	533	230	845	695	150
16	Hội Khuyến học	1.103	633	470	1.302	832	470
17	Hội người cao tuổi	855	505	350	1.014	664	350
18	Hội người mù	868	868	0	1.137	1.137	0
19	Liên hiệp hội KHKT	672	572	100	924	824	100
20	Hội Hữu nghị	482	442	40	650	580	70
21	Hội chữ thập đỏ	3.016	2.516	500	3.578	3.078	500
22	Hội nạn nhân chất độc da cam	533	483	50	687	637	50
23	Hội cựu thanh niên xung phong	390	340	50	524	474	50

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
24	Hội bảo trợ người tàn tật & TE mờ côi	614	414	200	734	534	200
25	Hỗ trợ Công đoàn	1.500	0	1.500	1.500	0	1.500
IV	<u>CÁC KHOẢN CHI CHUNG</u>	<u>100.000</u>	<u>0</u>	<u>100.000</u>	<u>110.000</u>	<u>0</u>	<u>110.000</u>
1	Mua xe	20.000	0	20.000	20.000	0	20.000
2	Đoàn ra, đoàn vào	10.000	0	10.000	10.000	0	10.000
3	Dại hội, ngày lễ, kinh phí Đại hội Đảng các cấp, Đại hội thể dục thể thao	40.000	0	40.000	50.000	0	50.000
4	Chi đột xuất hành chính khác	30.000	0	30.000	30.000	0	30.000
B	<u>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TAO</u>	<u>783.343</u>	<u>430.094</u>	<u>353.248</u>	<u>1.049.909</u>	<u>564.419</u>	<u>485.490</u>
I	<u>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC</u>	<u>588.486</u>	<u>375.659</u>	<u>212.827</u>	<u>819.169</u>	<u>495.833</u>	<u>323.336</u>
1	Chi chung phục vụ quản lý ngành	20.700	0	20.700	20.700	0	20.700
2	Quản lý dạy nghề (Sở Lao động)	400	0	400	400	0	400
3	Các khoản chi khác	160.387	0	160.387	258.065	0	258.065
3.1	SN giáo dục khác	24.392	0	24.392	30.000	0	30.000
3.2	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội thuộc sự nghiệp giáo dục	0	0	0	63.430	0	63.430
3.3	Kinh phí mua sắm, nâng cấp, cải tạo, xây mới cải tạo tài sản công	57.000		57.000	105.000		105.000
3.4	Kinh phí hợp đồng lao động theo NĐ 111	78.995	0	78.995	59.635	0	59.635
4	<u>Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục</u>	<u>403.006</u>	<u>373.186</u>	<u>29.820</u>	<u>534.673</u>	<u>493.021</u>	<u>41.651</u>
4.1	Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh	23.988	10.827	13.161	31.934	14.326	17.608
4.2	Trường THPT Minh Hóa	9.867	9.297	570	13.136	11.980	1.157
4.3	Trường THPT Tuyên Hóa	10.363	10.098	266	14.025	13.636	389
4.4	Trường THPT Lê Trực	11.306	10.825	481	14.982	14.291	691
4.5	Trường THPT Phan Bội Châu	9.375	9.252	123	11.948	11.535	413
4.6	Trường THPT Lương Thế Vinh	17.165	17.029	136	23.057	22.730	327
4.7	Trường THPT Lê Hồng Phong	14.050	13.926	124	18.676	18.412	264
4.8	Trường THPT Quang Trung	15.616	15.416	201	20.608	20.368	240
4.9	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	11.898	11.764	134	15.567	15.337	229
4.10	Trường THPT Lê Lợi	9.037	8.912	125	12.575	12.164	412
4.11	Trường THPT Lê Quý Đôn	16.283	16.141	142	20.913	20.630	283
4.12	Trường THPT Hùng Vương	9.914	9.600	314	12.936	12.608	328
4.13	Trường THPT Trần Phú	11.804	11.535	269	15.223	14.847	376
4.14	Trường THPT Nguyễn Trãi	12.657	12.299	359	17.273	17.030	243
4.15	Trường THPT Ngô Quyền	12.275	12.030	245	16.016	15.569	446

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
4.16	Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	33.670	27.673	5.997	43.758	36.803	6.954
4.17	Trường THPT Đào Duy Từ	17.537	17.090	446	23.676	22.742	935
4.18	Trường THPT Đồng Hới	11.563	11.346	217	16.011	15.625	386
4.19	Trường THPT Phan Đình Phùng	15.680	15.416	263	20.717	20.371	346
4.20	Trường THPT Ninh Châu	12.660	12.500	161	17.321	17.185	136
4.21	Trường THPT Quảng Ninh	10.881	10.727	153	14.979	14.755	224
4.22	Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh	7.327	7.197	130	9.852	9.673	179
4.23	Trường THPT Lê Thủy	13.679	13.421	258	18.270	17.842	428
4.24	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	10.389	10.032	357	13.837	13.367	470
4.25	Trường THPT Trần Hưng Đạo	13.075	12.550	525	17.068	16.239	829
4.26	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	13.992	13.708	284	18.749	18.158	590
4.27	Trường THPT & THCS Hóa Tiến	10.793	7.981	2.812	14.176	9.857	4.319
4.28	Trường THPT & THCS Bắc Sơn	7.431	7.114	318	10.459	9.598	861
4.29	Trường THPT & THCS Việt Trung	10.327	10.147	180	12.981	12.829	152
4.30	Trường THPT & THCS Trung Hóa	8.542	7.994	548	10.858	10.110	748
4.31	Trường THPT & THCS Dương Văn An	9.861	9.340	521	13.093	12.406	687
5	Hình thức giáo dục khác	3.993	2.473	1.520	5.331	2.811	2.520
5.1	Trung tâm thanh thiếu niên Bắc Trung Bộ	1.122	1.002	120	1.220	1.100	120
5.2	Nhà văn hóa thiếu nhi Quảng Bình	2.871	1.471	1.400	4.111	1.711	2.400
II	SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO	194.856	54.435	140.421	230.740	68.586	162.154
1	Trường Đại học Quảng Bình	48.907	26.268	22.639	57.899	34.521	23.378
2	Trung tâm GDTX tỉnh	1.269	1.269	0	1.614	1.614	0
3	Trường Chính trị Quảng Bình	9.462	6.785	2.677	13.297	10.420	2.877
4	Trường cao đẳng nghề Quảng Bình	1.866	1.866	0	931	931	0
5	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh (Sở LĐ)	2.489	1.789	700	3.072	2.372	700
6	Trường cao đẳng y tế	8.103	6.645	1.458	8.072	6.648	1.424
7	Trung tâm huấn luyện & thi đấu TDTT	13.880	3.186	10.694	15.134	4.140	10.994
8	Trung tâm DVVL Thanh niên	1.366	866	500	1.192	692	500
9	Trung tâm trợ giúp pháp lý	4.633	3.633	1.000	5.827	4.827	1.000
10	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và hỗ trợ nông dân - phụ nữ Quảng Bình	2.128	2.128	0	2.421	2.421	0
11	Sự nghiệp đào tạo Y tế	1.000	0	1.000	1.000	0	1.000

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
12	Sự nghiệp đào tạo thuộc Sở GD - ĐT	1.500	0	1.500	1.500	0	1.500
13	Liên minh HTX	500	0	500	800	0	800
14	Đào tạo lại	3.000	0	3.000	3.000	0	3.000
15	Đào tạo cán bộ quân sự cơ sở và các đối tượng, đào tạo cán bộ quân sự cấp xã	13.408	0	13.408	13.408	0	13.408
16	Đào tạo nhân lực các DN vừa và nhỏ	600	0	600	600	0	600
17	Kinh phí thực hiện chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông	20.000	0	20.000	20.000	0	20.000
18	Đề án Nâng cao năng lực dạy và học ngoại ngữ	10.000	0	10.000	10.000	0	10.000
19	Chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo Chương trình hành động 04-TU và kế hoạch 463 của UBND tỉnh	20.000	0	20.000	35.000	0	35.000
20	Kinh phí đào tạo chính sách ngành Tài chính	1.400	0	1.400	1.300	0	1.300
21	Đào tạo huấn luyện dự bị động viên	29.195	0	29.195	34.523	0	34.523
22	Nâng cao kỹ năng sống cho người mù (Hội người mù)	150	0	150	150	0	150
C	SỰ NGHIỆP Y TẾ	326.638	279.814	46.823	400.276	362.644	37.632
I	Các đơn vị thuộc Sở y tế	306.136	276.875	29.261	396.276	362.644	33.632
1	Bệnh viện đa khoa Minh Hóa	9.652	9.652	0	12.631	12.631	0
2	Bệnh viện đa khoa Tuyên Hóa	8.218	8.218	0	10.564	10.564	0
3	Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh	6.392	6.392	0	7.270	7.270	0
4	Bệnh viện đa khoa Lệ Thủy	8.418	8.418	0	12.707	12.707	0
5	Bệnh viện Y dược cổ truyền và chăm sóc sức khỏe cán bộ	0	0	0	3.086	3.001	85
6	Bệnh viện mắt	6.235	6.235	0	5.163	5.163	0
7	Trung tâm y tế huyện Minh Hóa	26.078	25.105	973	34.300	33.251	1.049
8	Trung tâm y tế huyện Tuyên Hóa	27.910	26.621	1.289	36.625	35.337	1.288
9	Trung tâm y tế huyện Quảng Trạch	25.188	23.887	1.301	32.739	31.439	1.300
10	Trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	21.205	20.138	1.067	28.004	26.937	1.067
11	Trung tâm y tế huyện Bố Trạch	39.322	37.593	1.729	51.228	49.513	1.715
12	Trung tâm y tế thành phố Đồng Hới	20.556	19.509	1.047	26.358	25.310	1.048
13	Trung tâm y tế huyện Quảng Ninh	22.230	21.182	1.048	29.017	27.970	1.047
14	Trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	35.218	33.771	1.447	46.684	45.258	1.426

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
15	Trung Tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	5.399	4.399	1.000	6.593	5.593	1.000
16	Trung tâm giám định y khoa pháp y	4.145	3.975	170	5.399	5.232	167
17	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	25.469	21.779	3.690	29.357	25.467	3.890
18	Văn phòng Sở y tế	2.500	0	2.500	2.500	0	2.500
19	Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm	700	0	700	700	0	700
20	Vốn đối ứng các Dự án y tế	1.300	0	1.300	350	0	350
21	Sự nghiệp y tế khác	10.000	0	10.000	15.000	0	15.000
II	Các đơn vị sự nghiệp y tế khác	20.502	2.940	17.562	4.000	0	4.000
1	Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	3.025	2.940	85	0	0	0
2	Sự nghiệp dân số	1.000	0	1.000	1.000	0	1.000
3	Kinh phí mua thẻ BHYT các đối tượng	13.477	0	13.477	0	0	0
4	Kinh phí y tế quân dân y kết hợp	3.000	0	3.000	3.000	0	3.000
D	<u>SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THỂ THAO - DU LỊCH</u>	59.393	20.040	39.353	79.159	26.175	52.984
1	Trung tâm văn hóa và điện ảnh tỉnh	5.686	4.186	1.500	6.967	5.467	1.500
2	Đoàn Nghệ thuật truyền thống	8.034	5.469	2.565	8.598	7.033	1.565
3	Bảo tàng tổng hợp	4.810	3.810	1.000	6.018	4.818	1.200
4	Thư viện tỉnh	3.794	1.994	1.800	4.488	2.688	1.800
5	Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao	1.000	0	1.000	1.000	0	1.000
6	Tạp chí Nhật Lệ	1.617	717	900	1.892	1.092	800
7	Trung tâm thông tin xúc tiến Du lịch	2.034	1.684	350	2.457	2.107	350
8	Trung tâm lưu trữ lịch sử	4.817	2.179	2.638	6.606	2.971	3.635
9	Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao	6.000	0	6.000	6.000	0	6.000
10	Sửa chữa công trình di tích, kinh phí bảo tồn văn hoá phi vật thể	6.000	0	6.000	10.000	0	10.000
11	Chương trình Du lịch	15.000	0	15.000	17.000	0	17.000
12	Sở Văn hóa Thể thao (Công tác gia đình + Nghị quyết hỗ trợ nghệ nhân)	600	0	600	600	0	600
13	Hỗ trợ các Hội Văn học nghệ thuật địa phương	0	0	0	474	0	474
14	Hỗ trợ hội nhà báo địa phương	0	0	0	160	0	160
15	Kinh phí thực hiện Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025				6.900	0	6.900

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
E	<u>SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</u>	<u>31.856</u>	<u>6.465</u>	<u>25.391</u>	<u>34.080</u>	<u>8.714</u>	<u>25.366</u>
1	Trung tâm Ứng dụng & Thống kê KHCN	2.518	2.518	0	5.500	3.256	2.244
2	Trung tâm kỹ thuật- Đo lường - Thử nghiệm	0	0	0	700	0	700
3	Trung tâm Tin học - Công báo VPUBND tỉnh	3.840	2.540	1.300	4.507	3.207	1.300
4	Trung tâm CNTT & Truyền thông	2.107	1.407	700	2.951	2.251	700
5	Sở khoa học - công nghệ	10.797	0	10.797	14.207	0	14.207
6	Trường Đại học Quảng Bình	500	0	500	500	0	500
7	Sự nghiệp khoa học công nghệ	12.094	0	12.094	5.715	0	5.715
F	<u>SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH</u>	<u>32.297</u>	<u>7.042</u>	<u>25.255</u>	<u>35.122</u>	<u>9.867</u>	<u>25.255</u>
1	Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh	32.297	7.042	25.255	35.122	9.867	25.255
G	<u>SỰ NGHIỆP KINH TẾ</u>	<u>897.012</u>	<u>36.362</u>	<u>860.650</u>	<u>1.009.567</u>	<u>41.502</u>	<u>968.065</u>
I	<u>Sự nghiệp nông, lâm, ngư nghiệp</u>	<u>56.290</u>	<u>15.994</u>	<u>40.296</u>	<u>65.292</u>	<u>20.909</u>	<u>44.383</u>
1	Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư	2.777	2.777	0	4.196	4.196	0
2	Trung tâm Nước sạch - VSMNT	620	620	0	0	0	0
3	BQL khu dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe nước trong	7.342	7.042	300	9.445	9.045	400
4	Trung tâm Giống vật nuôi Quảng Bình	691	691	0	824	824	0
5	Trung tâm Quy hoạch thiết kế Lâm nghiệp	826	826	0	1.065	1.065	0
6	Trung tâm Giống thủy sản	651	651	0	1.005	1.005	0
7	BQL Cảng cá Quảng Bình	2.787	1.291	1.496	3.583	1.800	1.783
8	BQL rừng phòng hộ Đồng Hới và ven biển tỉnh Quảng Bình	2.596	2.096	500	3.175	2.975	200
9	Sự nghiệp phòng chống lụt bão	3.000	0	3.000	3.000	0	3.000
10	Các chương trình, chính sách của ngành nông nghiệp	35.000	0	35.000	39.000	0	39.000
II	<u>Sự nghiệp Giao thông</u>	<u>72.538</u>	<u>0</u>	<u>72.538</u>	<u>78.353</u>	<u>0</u>	<u>78.353</u>
1	Sự nghiệp Giao thông	22.000	0	22.000	22.000	0	22.000
2	Kinh phí bảo trì đường bộ (Sở Giao thông)	50.538	0	50.538	56.353	0	56.353
III	<u>Sự nghiệp kinh tế khác</u>	<u>768.184</u>	<u>20.368</u>	<u>747.816</u>	<u>865.922</u>	<u>20.593</u>	<u>845.329</u>
1	Trung tâm quản lý hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế Quảng Bình	600	0	600	600	0	600

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
2	Trung tâm Tư vấn xúc tiến đầu tư	2.093	2.093	0	2.595	2.595	0
3	Trung tâm Khuyến công & XTTM	2.846	2.246	600	3.598	2.998	600
4	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh QB	863	863	0	1.412	1.412	0
5	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế	3.386	1.986	1.400	3.971	2.311	1.660
6	Trung tâm tin học & DVTC công (STC)	6.378	1.663	4.715	4.161	2.161	2.000
7	Trạm kiểm soát trọng tải xe lưu động	975	975	0	1.352	1.352	0
8	Văn phòng điều phối CTMTQG XD NTM	1.208	1.208	0	1.622	1.622	0
9	BQL DA Năng lượng mặt trời	0	0	0	0	0	0
10	Chương trình lâm nghiệp	57.984	0	57.984	98.640	0	98.640
11	Ban quản lý khu kinh tế	11.397	0	11.397	13.384	0	13.384
12	Chương trình CN TTCN & XTTM	6.900	0	6.900	6.900	0	6.900
13	Dự án phát triển thương mại điện tử, Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững	900	0	900	900	0	900
14	BQL dự án FMCR	5.203	5.103	100	2.290	2.290	0
15	Ban Quản lý Dự án Cải thiện thu nhập và nguồn nhân lực nông thôn tỉnh Quảng Bình (KOICA Quảng Bình)	3.419	3.419	0	2.562	2.562	0
16	GTGC vốn viện trợ Dự án cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình - viện trợ KOICA	0	0	0	40.869	0	40.869
17	Ban Quản lý Dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng, giai đoạn 2” tiểu dự án tại tỉnh Quảng Bình				1.290	1.290	0
18	Hỗ trợ sửa chữa kết cấu Công trình Thủy lợi	10.000	0	10.000	20.000	0	20.000
19	Dự án quản lý rừng bền vững (Chi cục kiểm lâm)	812	812	0	0	0	0
20	Vốn đối ứng nước ngoài và đối ứng khác	5.000	0	5.000	2.000	0	2.000
21	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	1.300	0	1.300	0	0	0

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
22	Vốn uỷ thác qua NHCSXH tỉnh cho vay hộ nghèo và đối tượng chính sách khác	19.000	0	19.000	25.000	0	25.000
23	Quỹ hỗ trợ nông dân	7.000	0	7.000	0	0	0
24	Kinh phí miễn giảm thủy lợi phí	29.145	0	29.145	32.250	0	32.250
25	Kinh phí mua sắm cải tạo, nâng cấp tài sản công	50.000	0	50.000	80.000	0	80.000
26	Vốn đối ứng CTMTQG xây dựng NTM	33.578	0	33.578	35.073	0	35.073
27	Vốn đối ứng CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	6.681	0	6.681	8.932	0	8.932
28	Vốn đối ứng CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025	17.289	0	17.289	17.227	0	17.227
29	Chương trình bố trí dân cư	7.000	0	7.000	7.000	0	7.000
30	Kp thực hiện NQ hỗ trợ cuộc thi bao dịch vụ Giám sát hành trình	2.936	0	2.936	2.936	0	2.936
31	Kinh phí thực hiện NQ "Quy định khu vực thuộc nội thành của TP, TX, TT, KDC không được phép chăn nuôi,	3.000	0	3.000	0	0	0
32	Kp thực hiện NQ duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều	10.000	0	10.000	14.000	0	14.000
33	Kinh phí thực hiện Quyết định 48/QĐ-TTg	334.292	0	334.292	320.136	0	320.136
34	Kinh phí thực hiện chuyển đổi số	20.000	0	20.000	20.000	0	20.000
35	Kinh phí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025	0	0		940	0	940
36	Vốn quy hoạch; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kinh phí xác định chi phí hạ tầng các dự án; kinh phí thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất,...	106.999	0	106.999	94.282	0	94.282
	<i>Trong đó kinh phí thực hiện các Chương trình, đề án ngành tài nguyên môi trường</i>	58.558	0	58.558	43.000	0	43.000
	<i>Kinh phí quy hoạch và kinh phí khác còn lại</i>	48.441	0	48.441	51.282	0	51.282
H	<u>SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG</u>	<u>60.064</u>	<u>34.702</u>	<u>25.362</u>	<u>90.110</u>	<u>44.207</u>	<u>45.903</u>
1	Văn phòng đăng ký đất đai	286	286	0	0	0	0
2	Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường	599	599	0	618	618	0

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
3	Trung tâm quan trắc - kỹ thuật môi trường	2.535	823	1.712	2.826	1.114	1.712
4	Trung tâm công nghệ thông tin TNMT	1.511	1.511	0	1.416	1.416	0
5	Trung tâm phát triển quỹ đất	1.689	1.689	0	2.588	2.588	0
6	TT cứu hộ, bảo tồn & PT sinh vật	3.639	2.439	1.200	4.989	3.489	1.500
7	BQL Vườn QG Phong Nha - Kẻ Bàng	1.071	1.021	50	0	0	0
8	Hạt Kiểm lâm Phong Nha - Kẻ Bàng	26.833	26.333	500	35.482	34.982	500
9	SNMT Công an tỉnh (CSMT)	1.500	0	1.500	1.500	0	1.500
10	SNMT Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	600	0	600	600	0	600
11	SNMT Bộ chỉ huy biên phòng tỉnh				1.000	0	1.000
12	SN quan trắc môi trường Ban QL khu KT	2.000	0	2.000	2.000	0	2.000
13	Kinh phí sự nghiệp tài nguyên môi trường (Sở TNMT)	17.800	0	17.800	18.800	0	18.800
14	Kinh phí cải tạo, nâng cấp tài sản				18.291	0	18.291
I	<u>ĐẢM BẢO XÃ HỘI</u>	<u>126.433</u>	<u>18.585</u>	<u>107.848</u>	<u>161.807</u>	<u>24.418</u>	<u>137.389</u>
1	Trung tâm giáo dục lao động xã hội (Cơ sở cai nghiện ma túy)	7.260	4.056	3.204	9.223	5.357	3.866
2	Tr.tâm điều dưỡng luân phiên người có công	3.871	3.371	500	4.772	4.272	500
3	Trung tâm chăm sóc & phục hồi chức năng cho người tâm thần	12.421	5.763	6.658	17.067	7.596	9.471
4	Trung tâm công tác xã hội	7.609	5.394	2.215	9.979	7.192	2.787
5	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2.900	0	2.900	2.900	0	2.900
6	Văn phòng UBND tỉnh	300	0	300	300	0	300
7	Văn phòng ĐĐBQH và HĐND tỉnh	500	0	500	500	0	500
8	Bệnh viện Y dược cổ truyền và chăm sóc sức khỏe cán bộ	2.700	0	2.700	2.700	0	2.700
9	Bộ Chỉ huy QS tỉnh (Chính sách hậu phương quân đội)	2.000	0	2.000	2.000	0	2.000
10	Chế độ bảo trợ xã hội	38.469	0	38.469	85.510	0	85.510
11	Đội xuất khác	10.000	0	10.000	15.000	0	15.000
12	Kinh phí thực hiện Đề án 1371	3.402	0	3.402	3.572	0	3.572

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
13	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2026 và Nghị quyết hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy	5.000		5.000	5.000	0	5.000
14	Hỗ trợ Làng trẻ SOS				3.283	0	3.283
15	Khen thưởng huy hiệu đảng	30.000	0	30.000	0	0	0
K	<u>QUỐC PHÒNG, AN NINH</u>	126.606	0	126.606	121.744	0	121.744
1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	16.500	0	16.500	16.500	0	16.500
2	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	8.000	0	8.000	8.600	0	8.600
3	Công an tỉnh	12.700	0	12.700	13.050	0	13.050
4	Mua sắm, sửa chữa doanh trại, quân sự, quốc phòng; công cụ hỗ trợ quân sự	18.000	0	18.000	23.000	0	23.000
5	Mua sắm, sửa chữa Biên phòng	4.000	0	4.000	5.000	0	5.000
6	Mua sắm, sửa chữa Công an	3.000	0	3.000	3.000	0	3.000
7	Kinh phí công tác DBĐV và DQTV, hội thao quốc phòng	6.000	0	6.000	6.000	0	6.000
8	Mua sắm trang phục cho DQTV	10.808	0	10.808	10.808	0	10.808
9	Mua sắm trang phục, trang thiết bị làm việc cho công an xã bán chuyên trách	4.000	0	4.000	5.000	0	5.000
10	Kinh phí biên giới	12.000	0	12.000	12.150	0	12.150
	<i>Trong đó: - Bộ Chỉ huy QS tỉnh</i>	<i>2.000</i>	<i>0</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	<i>0</i>	<i>2.000</i>
	<i>- Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh</i>	<i>7.000</i>	<i>0</i>	<i>7.000</i>	<i>7.150</i>	<i>0</i>	<i>7.150</i>
	<i>- Công an tỉnh</i>	<i>2.000</i>	<i>0</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	<i>0</i>	<i>2.000</i>
	<i>- Sở Ngoại vụ</i>	<i>1.000</i>	<i>0</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>	<i>0</i>	<i>1.000</i>
11	Đột xuất ANQP	10.000	0	10.000	10.000	0	10.000
12	Vốn dự bị động viên	15.000	0	15.000	0	0	0
13	Kinh phí ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia	3.000	0	3.000	3.500	0	3.500
14	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT	3.598	0	3.598	5.136	0	5.136
L	<u>CHI KHÁC</u>	43.650	0	43.650	43.650	600	43.050
1	Hội đồng thi đua + khen thưởng	7.100	0	7.100	7.100	600	6.500
2	Hỗ trợ BCD thi hành án dân sự	50	0	50	50	0	50
3	Hỗ trợ Tòa án tỉnh (công tác hội thẩm, bồi dưỡng nghiệp vụ và các hoạt động khác của Tòa án tỉnh)	500	0	500	500	0	500
4	Hỗ trợ Cục thống kê thực hiện các nhiệm vụ cho UBND tỉnh giao	500	0	500	500	0	500

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
5	Hỗ trợ Viện kiểm sát thực hiện các nhiệm vụ phối hợp trên địa bàn	500	0	500	500	0	500
6	Hỗ trợ các đơn vị và đột xuất khác	35.000	0	35.000	35.000	0	35.000
<u>M</u>	<u>DỰ PHÒNG HỤT THU CÂN ĐỐI</u>	100.000	0	100.000	0	0	0

PHỤ LỤC 3.1

Phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự ATGT năm 2025

(Kèm theo Tờ trình số: **2234** /TTr-UBND ngày **25** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Đơn vị thực hiện	Kinh phí
1	Ban An toàn giao thông tỉnh Quảng Bình	3.055
	Kinh phí tổ chức các hoạt động, mua sắm trang thiết bị ATGT và phối hợp tuyên truyền an toàn giao thông.	2.355
	Sửa chữa các cụm pano tuyên truyền An toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.	700
2	Thanh tra Sở Giao thông vận tải Quảng Bình	1.200
	Kinh phí phục vụ đảm bảo trật tự ATGT	1.200
3	Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình	200
	Thực hiện công tác đảm bảo trật tự ATGT tại các vị trí giao cắt giữa đường bộ với đường sắt trên địa bàn tỉnh.	200
4	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình	150
	Thực hiện chương trình “Vận động toàn dân tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông”	150
5	Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Bình	80
	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và đoàn viên công đoàn tham gia đảm bảo trật tự ATGT.	80
6	Đài phát thanh và Truyền hình Quảng Bình	200
	Hỗ trợ tổ chức sân chơi truyền hình “Điểm đến An toàn giao thông	200
7	Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình	100
	Thực hiện công tác thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông.	100
8	Sở Tài chính Quảng Bình	150
	Thực hiện công tác thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông.	150
	Tổng cộng	5.135

✓

PHỤ LỤC 3.2
PHÊ DUYỆT DANH MỤC NHIỆM VỤ CẢI TẠO, NÂNG CẤP, XÂY MỚI HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH THEO NĐ 138
(Kèm theo Tờ trình số **2234** /TTr-UBND ngày **25** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
Thời gian thực hiện: Năm 2025							208.191
A	SN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO						105.000
I	Các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và đào tạo						67.000
1	Trường THPT Lê Hồng Phong	Sửa chữa, cải tạo Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và nhà lớp học 2 tầng 10 phòng, nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh, hàng rào sân bãi	Trường THPT Lê Hồng Phong - Quảng Hóa, TX Ba Đồn, Quảng Bình	Đảm bảo điều kiện dạy và học cho giáo viên và học sinh của Trường	Sử dụng từ năm 1997, đã hư hỏng phần mái, mái thấm dột, cửa pano kính hư, gạch nền kích thước 30x30cm đã bị bung bật nhiều vị trí, Lớp sơn tường trong và tường ngoài trù sờ đã bạc màu, bong tróc - Cao bờ, sơn mới, trong và ngoài - Thay mới mái lợp tôn - Sửa chữa cục bộ nền và hệ thống điện chiếu sáng Nhà vệ sinh, hàng rào, sân, nhà để xe đã xuống cấp trầm trọng, hiện không sử dụng được cần được cải tạo sửa chữa	Sửa chữa, cải tạo nhằm đảm bảo điều kiện dạy và học của trường	4.000
2	Trường THPT Phan Đình Phùng	Sửa chữa cải tạo khuôn viên, hệ thống thoát nước	Thành Phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, học tập của Trường	Hiện nay sân trường bị hư hỏng nhiều, lún, gạch lát sân Granito 40x40cm bị gãy vỡ cục bộ nhiều vị trí; hệ thống thoát nước sân trường chưa có. Phần sân xung quanh nhà thi đấu là nền đất cục bộ, không đồng bộ với đường chạy và sân TD Dãy nhà hiệu bộ và dãy nhà 3 phòng 15 tầng, mái lợp tôn xà gỗ trắng kẽm bị hư hỏng, thấm dột; nhà để xe học sinh xây dựng lâu năm mái tôn bị rỉ sét, nền nhà lún xi măng bong tróc nhiều chỗ Cần cải tạo nâng cấp các hạng mục nêu trên, bảo đảm công tác dạy và học	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	3.000
3	Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	Sửa chữa nâng cấp nhà ký túc xá (Nhà cũ)	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện cho học sinh ở tại ký túc xá (Nhà cũ) Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	Dãy ký túc xá 20 phòng 3 tầng mái lợp tôn, hệ xà gỗ đã xuống cấp hư hỏng, nước mưa chảy vào sân mái làm các lớp sơn trong và ngoài nhà bị bong tróc Trục sau toàn bộ khu vệ sinh của dãy nhà bị rêu mốc ẩm ướt, Hệ thống vệ sinh lưu hỏng. Phần cửa, cửa gỗ kính đã bị cong vênh, mối mọt, không kín khít. Cần cải tạo sửa chữa tạo điều kiện nơi ăn chốn ở cho học sinh nội trú	Sửa chữa, cải tạo nhà ký túc xá nhằm đảm bảo điều kiện cho học sinh ở tại KTX	4.500
4	Trường THPT Lê Quý Đôn	Sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất nhà trường	Thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, học tập của Trường	Dãy nhà 3 tầng 3 tầng 12 phòng, nhà thực hành và nhà 2 tầng 6 phòng; phần mái lợp tôn bị hư hỏng, làm nước mưa chảy vào trong nhà gây bong tróc các lớp sơn Nhà để xe học sinh và giáo viên: Hệ thống mái lợp tôn đã bị rỉ sét, hư hỏng, có cao độ mặt nền thấp hơn mặt sân trường, thường xuyên bị ngập lụt Sân khấu, hệ thống sân bãi và thoát nước. Hiện chưa được đầu tư. Hệ thống sân lát gạch Granito kích thước 30x30 (khu vực có mái che) bị gãy vỡ cục bộ nhiều vị trí Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng và làm mới sân khấu	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	4.000
5	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sửa chữa nâng cấp nhà lớp học và các công trình phụ trợ Trường THPT Nguyễn Trãi	xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Kiện toàn cơ sở vật chất của Trường THPT Nguyễn Trãi	Dãy nhà lớp học 3 tầng 15 phòng (sử dụng năm 2010) mái nhà lợp tôn đã hư hỏng, cửa pano kính gỗ cong vênh, nhà nội trú phục vụ giáo viên (sử dụng năm 2008) mái lợp ngói hiện đã xuống cấp, sân nhà giáo viên lún vữa xi măng đã xuống cấp, có cao trình thấp thường xuyên bị ngập nước; đường giao thông vào khu nội trú (phía công sau) hiện là nền đất rất khó khăn trong quá trình đi lại của giáo viên. Hệ thống thoát nước sân trường chưa có, thường xuyên bị ngập nước. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	4.500

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
6	Trường THPT Minh Hóa	Sửa chữa nâng cấp dãy nhà 02 tầng 08 phòng (Khu C); Nhà hiệu bộ 02 tầng 10 phòng	Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, học tập của Trường	I. Dãy nhà 02 tầng, 08 phòng (Khu C): sử dụng năm 2005, nhà hiệu bộ sử dụng năm 2012: có mái lợp tôn bị hư hỏng thấm dột. Hệ thống cửa gỗ bị cong vênh; Hệ thống điện sinh hoạt trong nhà không sử dụng được, nền nhà lát gạch tráng men bị bào mòn Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	2.500
7	Trường THPT Lê Thủy	Cải tạo sửa chữa nhà lớp học, nhà vệ sinh học sinh, các phòng chức năng, tường rào bao quanh, hệ thống thoát nước và khuôn viên	Thị trấn Kiến Giang, huyện Lê Thủy	Đảm bảo điều kiện cho tổ chức các hoạt động dạy và học của nhà trường	Ba dãy nhà hiệu bộ 2 tầng sử dụng năm 1998, phần mái lợp ngói đã hư hỏng, phần sàn mái không đổ bê tông cốt thép; 2 dãy nhà 2 tầng 10 phòng mái lợp tôn đã hư hỏng, gạch lát nền kích thước 50x50 bị bung bật gây vỡ cục bộ một vài vị trí; Nhà vệ sinh học sinh là nhà cấp 4, mái lợp tôn hiện không sử dụng được; hệ thống thoát nước sân thể dục và đường chạy chưa được đầu tư xây dựng gây ngập lụt. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng và làm mới hạng mục chưa được đầu tư	Sửa chữa, cải tạo nhà lớp học, công trình vệ sinh học sinh và khuôn viên nhằm đảm bảo điều kiện cho tổ chức các hoạt động dạy và học	5.000
8	Trường THCS và THPT Hòa Tiến	Sửa chữa, cải tạo Nhà thi đấu, nhà ăn, phòng hội trường và nhà vệ sinh học sinh.	Trường THCS&THPT Hòa Tiến, Xã Hòa Tiến huyện Minh Hóa	Đảm bảo điều kiện hoạt động giảng dạy nhà trường	Nhà ăn: sử dụng từ năm 2015 mái lợp tôn đã bị hư hỏng, nước chảy vào sân bê tông gây ẩm mốc, thấm dột; Nhà thi đấu, hội trường: sử dụng năm 2018: mái Seno bị thấm dột, sơn quanh nhà và mặt sân bị bong tróc; Nhà vệ sinh chung của HS sử dụng năm 1999 hiện đã hư hỏng xuống cấp, không đáp ứng được nhu cầu sử dụng của học sinh; Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo nhu cầu cơ sở vật chất của nhà trường hoàn thiện	5.000
9	Trường THPT Hùng Vương	Sửa chữa cải tạo dãy nhà 02 tầng 10 phòng; Nhà hiệu bộ 02 tầng 9 phòng	Xã Cự Năm, huyện Bố Trạch tỉnh QB	Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, học tập của Trường	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng sử dụng từ năm 1997 đã hư hỏng, mái lợp tôn thấm dột, hệ thống cửa panô kính cong vênh; các lớp sơn trong và ngoài nhà bị bong tróc, đổi màu không đồng bộ. Gạch lát nền kích thước 30x30 bị phai màu; Nhà hiệu bộ sử dụng năm 2006 có hệ thống nhà vệ sinh hư hỏng thiết bị vệ sinh không sử dụng được, mái lợp tôn bị gỉ sét, nước mưa thấm vào sân bê tông tầng mái gây thấm dột cục bộ vài vị trí. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	2.000
10	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sửa chữa cải tạo nhà thi đấu đa năng và các hạng mục phụ trợ	TTNT Lê Ninh, huyện Lê Thủy	Nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới các công trình đã có dự án đầu tư đảm bảo điều kiện dạy học và giáo dục của nhà trường	*Nhà đa năng: Sử dụng năm 2011: sơn nhà bị bong tróc, hệ thống cửa nhôm kính bị cong vênh, mặt sân trong nhà đa năng bị bong tróc, hệ thống Sênô mái bao quanh nhà bị thấm dột; Hệ thống thoát nước sân thể dục và đường chạy có cao trình không đồng bộ gây ngập lụt; Hàng rào phía sau trường có kết cấu xây gạch chiều dài khoảng 450m có xuất hiện các vết nứt. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh trong trường	5.000
11	Trường Phổ thông DTNT tỉnh	Sửa chữa nâng cấp khuôn viên, sân thể dục thể thao	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện dạy học và phục vụ các hoạt động khác của nhà trường	- Hệ thống đường chạy phục vụ giáo dục thể chất của HS chưa được đầu tư, đầu tư nâng cấp sân bóng chuyền trên nền gạch phục vụ học sinh nội trú; Khu mái che của 3 ký túc xá với diện tích khoảng 450m2 chưa được đầu tư. Hệ thống chiếu sáng trong khuôn viên trường đảm bảo sinh hoạt từ vào ban đêm chưa được đầu tư. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng và làm mới hạng mục chưa được đầu tư	Đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh trong trường	4.000
12	Trường THPT Đồng Hới	SC nâng cấp nhà lớp học 3 tầng 24 phòng; Nhà bộ môn; Nhà xe học sinh, giáo viên; hàng rào	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện dạy và học tại Trường THPT Đồng Hới	Dãy nhà cấp 4 mái lợp tôn, nền láng xi măng đã cũ, nhà trường đề nghị cải tạo sửa chữa dãy nhà này để sử dụng thành nhà bộ môn; Dãy nhà 3 tầng 24 phòng hệ thống mái lợp tôn đã hư hỏng gây thấm dột làm sơn tường nhà bị bong tróc; Nhà để xe học sinh mái lợp tôn đã hư hỏng, hàng rào phía trước trường quét vôi đã phai màu, các lớp tô trát bị bong tróc cục bộ Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh trong trường	3.000

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
13	Trường THPT Lương Thế Vinh	Nâng cấp sân thể dục, xây dựng mới nhà vệ sinh học sinh và một số công trình phụ trợ	Phường Ba Đồn - Thị xã Ba Đồn	Nâng cấp, xây dựng mới các hạng mục công trình, đảm bảo điều kiện học tập thuận lợi, nâng cao chất lượng dạy và học	Hệ thống sân thể dục bằng có cao độ thấp hơn mặt đường chạy tạo thành điểm ngập nước cục bộ; nhà vệ sinh hiện có không bảo đảm nhu cầu cho học sinh; Hàng rào bao quanh phía sau trường xây gạch có chiều cao khoảng 1,8m, chiều dài khoảng 300m hiện lớp tô trát bị bong tróc, lớp quét vôi màu bị bào mòn, xuất hiện nhiều vết nứt cục bộ trên bề mặt; Nhà để xe học sinh kết cấu mái đã bị hư hỏng. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh trong trường	4.500
14	Trung tâm GDTX tỉnh	Sửa chữa nâng cấp một số hạng mục công trình Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện dạy học và phục vụ các hoạt động khác của Trung Tâm	1. Hạng mục: Xây dựng hàng rào, sân bê tông. - Hàng rào phía trước trường chiều cao khoảng 1,7m, chiều dài khoảng 150m đã được đầu tư lâu năm, hiện nay đã xuống cấp nghiêng nguy cơ bị gãy đổ, không đảm bảo an toàn. L=150m 2. Hạng mục: Sửa chữa dầm nhà lớp học 2 tầng 8 phòng - sử dụng năm 2010: mái lợp tôn đã thấm dột,, có các mảng tường đã bị bong tróc, thấm dột, ẩm ướt; thép bản Sênô bị bung ló ra ngoài bề mặt bản bê tông 3. Hạng mục: Sửa chữa một số một số công trình phụ trợ khác đã xuống cấp: Phần sân trước nhà hiệu bộ có diện tích khoảng 150m2 chưa lát gạch Granitô gây ngập nước cục bộ, nhà vệ sinh, hệ thống điện nước và một số cơ sở vật chất hư hỏng nặng, không an toàn trong sử dụng. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh trong trường	5.000
15	Trường THPT Trần Phú	Nâng cấp, sửa chữa các dãy nhà lớp học trường THPT Trần Phú	Xã Ha Trach, huyện Bố Trach, tỉnh Quảng Bình	Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, học tập của Trường	- Dãy nhà 03 tầng, 15 phòng. Dãy nhà 02 tầng, 14 phòng (sử dụng năm 2003) : Gạch lát nền kích thước 30x30cm đã phai màu và bong tróc cục bộ, tróc tường phía sau bị thấm nước, sơn bong tróc; phần cửa khung gỗ panô kính đã hư hỏng cong vênh Hệ thống Điện, thiết bị điện: Hiện tại đã xuống cấp hư hỏng cần thay mới để đảm bảo trong quá trình sử dụng. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	5.000
16	Trường THPT Quang Trung	Sửa chữa nâng cấp nhà hiệu bộ; cổng trường; sân trường	xã Quảng Phú- huyện Quảng Trạch	Nâng cấp, sửa chữa các dãy nhà, và các hạng mục khác, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dạy và học	Dãy nhà hiệu bộ: Sử dụng từ năm 1999, nền nhà bị sụt lún, gạch nền kích thước 40x40 bị phai màu, mái tôn thấm dột, sơn tường trong và ngoài nhà bị bong tróc, hệ thống Sênô mái bị thấm dột, cửa gỗ đã mục nát hư hỏng không đảm bảo, hệ thống điện đã cũ không đảm bảo sử dụng,. Nhà vệ sinh hư hỏng không sử dụng được, hệ thống cửa bị cong vênh. Hệ thống thoát nước sân trường chưa được đầu tư với diện tích sân khoảng 7000m2 gây ngập lụt thường xuyên; Cổng chính vào trường bằng BTCT có mái lợp ngói mũi hài đã qua sử dụng lâu năm, các lớp sơn bị bong tróc, bề mặt loang lổ, mái ngói bị nứt vỡ cục bộ. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng và làm mới hạng mục chưa được đầu tư	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	6.000
II	Các đơn vị SN giáo dục và Đào tạo khác						38.000
1	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Giảng đường B, và một số hạng mục khuôn viên thuộc Cơ sở 1, ký túc xá sinh viên Lào	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện giảng dạy của trường	1. Giảng đường B (03 tầng): sử dụng từ năm 2010 hiện xuống cấp nghiêm trọng, nền nhà bị bong rộp lớp gạch men, mái lợp tôn đã bị gỉ thấm dột nhiều nơi, các lớp sơn trong và ngoài nhà bị hư hỏng, hệ thống cửa gỗ bị cong vênh 2. Hạng mục khuôn viên: Hàng rào bao quanh đã xuống cấp, mặt sân bê tông gây vỡ cục bộ 3. Ký túc xá sinh viên Lào sử dụng từ năm 1999: nhà 3 tầng hệ thống cửa sổ nhôm kính mặt sau bị cong vênh, nước mưa chảy trực tiếp vào phòng ở, phần sân tầng 3 bị nứt, nước chảy từ sân mái qua các vết nứt gây bong tróc các lớp sơn trần, tường. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng nêu trên	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	4.000

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
2	Trường Cao đẳng nghề Quảng Bình	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Cao đẳng nghề Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	Khắc phục duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ nhu cầu dạy và học của Nhà trường và học viên Trường Cao đẳng nghề Quảng Bình	Có một số khối nhà sử dụng từ năm 2002 hệ thống cửa gỗ đã bị mối mọt, cong vênh (nhà giảng đường lý thuyết 1), hệ thống điện chiếu sáng hư hỏng; Hàng rào phía trước cổng trường đã xuống cấp, xuất hiện nhiều vết nứt trên bề mặt trát vữa. Cần cao bô sơn cũ, tô trát và sơn mới lại khối nhà giảng đường và các khối nhà khác., Sửa chữa và thay thế phần mái bị hư hỏng , Thay thế hệ thống cửa cũ bị hư hỏng bằng cửa mới đảm bảo an toàn, chất lượng. Sửa chữa, bổ sung thay thế một số thiết bị điện, vệ sinh, Đục bỏ thay thế nền nhà, Nâng cấp sân, Sơn sửa hệ thống tường rào bao quanh,Sửa chữa một số hạng mục khác	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	7.000
3	Trường Chính trị	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Chính trị	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của CB CNVC và học viên của Trường Chính trị	Hiện tại, nhiều hạng mục của Trường Chính trị được đưa vào sử dụng lâu lắm đã xuống cấp, cụ thể hàng rào phía trước trường bằng thép đã han rỉ; Hệ thống đèn bằng hiệu bị hư hỏng cục bộ, đây nhà ký túc xá 3 tầng cửa sổ cong vênh, các lớp sơn ngoài và trong nhà bị bong tróc, thiết bị vệ sinh, thiết bị điện bị hư hỏng không sử dụng được; Hệ thống khuôn viên sân vườn, khu sân bóng chuyền hư hỏng xuống cấp, lớp bê tông mặt sân và hệ thống bồn cây bị nứt vỡ cục bộ nhiều vị trí; Tầng 3 khối nhà giảng đường C mái lợp bị hư hỏng, nước mưa chảy xuống phòng hội trường; Dãy nhà giảng đường 3 tầng bên phải khuôn viên trường bị thấm dột, tường bị bong tróc, có nơi bị nứt,hệ thống điện bị hư hỏng. Sân bãi nhiều chỗ bị trũng nước cần được xử lý sớm., nhiều đoạn hàng rào bị nứt vỡ, sơn đã cũ cần được sửa chữa kịp thời. Cần cao bô sơn cũ, tô trát và sơn mới lại khối nhà giảng đường và các khối nhà khác, Sửa chữa và thay thế phần mái bị hư hỏng, Thay thế hệ thống cửa cũ bị hư hỏng bằng cửa mới đảm bảo an toàn. chất lượng, Sửa chữa, bổ sung thay thế một số thiết bị điện, vệ sinh, Đục bỏ thay thế nền nhà, Nâng cấp sân	Nâng cấp CSVC cho đơn vị, tiến tới đạt chuẩn mức 1 Ban BT quy định	7.000
4	Trường Cao đẳng kỹ thuật CNN	Sửa chữa, cải tạo Nhà giảng đường 4 tầng, Nhà hội trường, Nhà thi sát hạch	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện giảng dạy, làm việc của Trường Đảm bảo điều kiện tổ chức sự kiện đồng người của Trường Đảm bảo điều kiện tổ chức thi sát hạch cho học viên của Trường	Đa số các cửa đã xuống cấp, long, sẽ bần lè dẫn đến đóng không được hoặc không khít cần được thay mới Các sàn, tường có hiện tượng thấm dột, bong tróc lớp hoàn thiện nên cần xử lý đục bỏ, chống thấm và hoàn thiện lại,Lớp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cao bô, sơn mới Hội trường mái lợp tôn đã gỉ sét gây thấm dột, tường nhà bị bong tróc các lớp sơn, hệ thống nhà vệ sinh đã xuống cấp gây tắc nghẽn, gây bất tiện đến việc sử dụng. Cần thay thế một số vị trí mái tôn bị thấm dẫn đến trần thạch cao bị hỏng. Hệ thống điện hiện tại đã xuống cấp, khả năng mất an toàn về điện, chập cháy rất cao nên cần thiết phải đi lại toàn bộ hệ thống điện để đảm bảo an toàn sử dụng Sửa chữa lại nền gạch: Nền gạch trong nhà, sảnh và hành lang đã xuống cấp, bong tróc, nứt nẻ mái mòn cần được đục bỏ, lát lại nền gạch mới. Cầu thang: Bậc tam cấp bị mòn, bong tróc nứt nẻ, lan can bị long, hỏng cần ốp lát đá lại cầu thang và sửa chữa lan can. Lớp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cao bô, sơn mới Cải tạo mở rộng hành lang: Hành lang khu vực thi sát hạch tầng 2 rộng 1.5m hiện sử dụng quá chật chội đo lường thi sinh đông trong thời gian chờ đợi vào thi. Cần cải tạo mở rộng hành lang hiện hữu Thay mái tôn: Mái tôn hiện đã xuống cấp bị thấm dẫn đến trần thạch cao bị hỏng.	Nâng cao chất lượng đào tạo	5.000

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)	
5	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	Cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất tại Bể bơi 25m và 50m của TT huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	Thành phố Đồng Hới	Khắc phục sửa chữa các hạng mục hư hỏng đảm bảo vận hành các chức năng của Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	Tầng 3 khu vực cầu thang bộ bị thấm dột, nước mưa chảy vào bên trong nhà gây hư hỏng các mảng tường, sơn, kết cấu thép dầm bị rỉ rết bung bật ra khỏi kết cấu bê tông cốt thép; Mái che khán đài khu vực bể bơi kết cấu thép được lắp đặt trên hệ thống cột dầm BTCT, mái lợp tôn đã rỉ rết có nguy cơ sập đổ rất cao; Sửa chữa hệ thống cấp thoát nước, Cạo bỏ lớp sơn cũ, xử lý tường bị bong nứt, sơn mới lại 1 nước slot 2 nước phủ, thay thế mái bị thấm dột, thay thế hệ thống cửa bị hư hỏng	Nâng cấp Bể bơi nhằm phục vụ cho công tác dạy và học	6.000	
6	TT hoạt động thanh thiếu niên khu vực Bắc Trung Bộ	Sửa chữa cải tạo trụ sở làm việc	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên khu vực Bắc Trung Bộ	Khởi nhà trung tâm sử dụng từ năm 2000, hiện nay đã xuống cấp, các lớp sơn trong và ngoài nhà bị bong tróc, sân mái BTCT bị thấm dột nhiều vị trí, Hệ thống sân khấu đã xuống cấp, quy mô nhỏ hẹp cần nơi rộng đáp ứng du cầu ngày càng cao, Hệ thống điện chiếu sáng đã hư hỏng nặng, Hệ thống sân bê tông cũ đã xuống cấp, bong rộp cần đổ lại lát gạch,Cổng tường rào đã xuống cấp hư hỏng nặng ,	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	3.000	
7	Đại học Quảng Bình	Sửa chữa cải tạo cơ sở vật chất Trường Đại học Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện ăn ở sinh hoạt của giảng viên và sinh viên Lào	Kỷ túc xác cho sinh viên Lào và giảng viên khối nhà 3 tầng sân mái bị thấm dột, các mảng sơn trần, tường trong và ngoài nhà bị bong tróc, rỉ xuống phòng nên không thể sử dụng được; Phần mái lợp tôn hệ Xà gỗ thép hộp đã bị rỉ rết gây thấm dột; Cạo bỏ sơn cũ, sơn lại tường ngoài nhà và trong. Chống thấm sẽ nở mái; Tháo dỡ mái tôn, lợp lại mái tôn , Thay các ô kính vỡ; Tháo dỡ thay mới bốn cầu hỏng; Cạo bỏ lớp sơn cũ, sơn lại toàn bộ cửa gỗ.	Đáp ứng nhu cầu ăn ở sinh hoạt của giảng viên và sinh viên Lào, nhu cầu dạy và học của nhà trường	6.000	
				Giảng đường A1	Sử dụng năm 1999, phần cửa gỗ panô kính phía mặt sau dãy nhà, sơn tường trong và phía sau của giảng đường chưa được đầu tư sửa chữa, Gạch lát nền trong phòng học bị bong tróc một vài vị trí;			
B	QLNN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ							26.800
1	Chi cục Kiểm lâm	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc Chi cục Kiểm lâm	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo cải thiện điều kiện làm việc của Chi cục Kiểm lâm	Nhà làm việc 4 tầng có hệ thống lan can ở ban công bị gỉ rết, các lớp sơn bên ngoài bong tróc một vài vị trí cục bộ, cửa gỗ cong vênh làm nước mưa chảy vào phòng làm việc Khu vực tầng 1 đã bị xuống cấp nghiêm trọng, khi mưa lớn thường xảy ra ngập, ứ đọng nước, đặc biệt là làm ảnh hưởng đến các kho cất giữ trang thiết bị quân dụng; Các hạng mục phụ trợ khác. Bao gồm sửa chữa nâng cấp cục bộ một số hạng mục như các vị trí hư hỏng sân, nền nhà, thay thế các lan can đã bị hư hỏng gây mất an toàn và mỹ quan của trụ sở cơ quan... Nâng cấp sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng nêu trên	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	1.000	

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
2	Hạt kiểm Lâm huyện Lệ Thủy	Sửa chữa cải tạo nhà làm việc, bếp ăn và nhà công vụ, khuôn viên hàng rào Hạt kiểm Lâm huyện Lệ Thủy	huyện Lệ Thủy	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Hạt kiểm Lâm huyện Lệ Thủy	Hạng mục nhà làm việc: Cửa hiện có đã mối mọt, xuống cấp cần được thay mới. Lớp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cao bỏ, sơn mới. Thiết bị vệ sinh đã xuống cấp gây tắc nghẽn, gây bất tiện đến việc sử dụng. Mái tôn đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Hạng mục nhà bếp ăn và nhà công vụ: Cửa hiện có đã mối mọt, xuống cấp cần được thay mới. Lớp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cao bỏ, sơn mới. Thiết bị vệ sinh đã xuống cấp gây tắc nghẽn, gây bất tiện đến việc sử dụng. Mái tôn đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Mái che: Mái tôn, xà gỗ đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Khuôn viên sân bê tông: đã hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa. Cổng, hàng rào: đã hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa.	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	2.000
		Sửa chữa, cải tạo khuôn viên hàng rào Trạm Kiểm lâm Đường 10	huyện Lệ Thủy	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trạm Kiểm lâm Đường 10	Hạng mục nhà làm việc: Cửa hiện có đã mối mọt, xuống cấp cần được thay mới bằng cửa nhôm, vách kính XingFa. Lớp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cao bỏ, sơn mới. Thiết bị vệ sinh đã xuống cấp gây tắc nghẽn, gây bất tiện đến việc sử dụng. Mái tôn đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Hạng mục mái che: Mái tôn, xà gỗ đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Hạng mục khuôn viên sân bê tông: đã hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa. Hạng mục cổng, hàng rào: đã hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa.	Sửa chữa, cải tạo Trạm nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	2.000
		Sửa chữa, cải tạo khuôn viên hàng rào Trạm Kiểm lâm Bến Tiền	huyện Lệ Thủy	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trạm Kiểm lâm Bến Tiền	Hạng mục nhà làm việc: Cửa hiện có đã mối mọt, xuống cấp cần được thay mới bằng cửa nhôm, vách kính XingFa. Lớp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cao bỏ, sơn mới. Thiết bị vệ sinh đã xuống cấp gây tắc nghẽn, gây bất tiện đến việc sử dụng. Mái tôn đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Hạng mục mái che: Mái tôn, xà gỗ đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Hạng mục khuôn viên sân bê tông: đã hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa. Hạng mục cổng, hàng rào: đã hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa.	Sửa chữa, cải tạo Trạm nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	
3	Hạt Kiểm lâm TP Đồng Hới	Xây dựng, cải tạo hàng rào Trụ sở hạt Kiểm lâm TP Đồng Hới	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở hạt Kiểm lâm (do hàng rào cũ bị phá dỡ khi tình hình công mở rộng đường Hà Huy Tập)	- Xây mới hàng rào mặt tiền: Móng , trụ , đầm bê tông cốt thép, tường xây gạch kết hợp hoa sắt trang trí, sơn 3 lớp: - Trụ cổng, bằng trụ sở ốp đá tự nhiên, và cổng sắt, inox kết hợp - Sơn hàng rào cũ, ram dốc và lát gạch Granito: Cao bỏ sơn cũ hàng rào, sơn lại 3 lớp - Dổ bê tông ram dốc lõi đi vào trụ sở, lát gạch Ganito, Lát gạch Granito phần sân hư hỏng do giải phóng mặt bằng.	Xây dựng, cải tạo hàng rào nhằm đảm bảo an toàn, bảo vệ về lĩnh vực lâm nghiệp và công sở	300

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
4	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cải tạo sửa chữa Trụ sở làm việc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Thành phố Đồng Hới	Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất trụ sở làm việc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	- Phần mái tôn, xà gỗ bị xuống cấp hư hỏng, sẽ nổ bị thấm dột vào phòng làm việc, hệ thống chống sét đứt gãy từ lâu; Hệ thống cửa gỗ đã mối mọt, mục nát, xệch xoạc, cong vênh, lể, khoá cửa không an toàn . - Phần gạch nền cũ kỹ, bong rộp dọc hành lang và một số phòng làm việc, Hệ thống điện sáng, thiết bị điện không đủ tải nguy cơ chập cháy rất cao - Hội trường phục vụ tập huấn hội họp: Trần bị hư hỏng, mái bị thấm dột . - Dây phòng vệ sinh và thiết bị hư hỏng, rỉ rét, bốc mùi hôi thối.. - Nhà để xe cán bộ tạm bợ chưa có.+ Sân bê tông xi măng bị nứt, lún - Sửa chữa nâng cấp các hạng mục hư hỏng nêu trên	Nhằm hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất trụ sở làm việc, tạo điều kiện thuận lợi nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị	1.900
5	Chi cục Thủy lợi	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Chi cục	- Một số cửa đã được thay mới, các cửa còn lại đã mối mọt, xuống cấp cần được thay mới - Lớp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cao bỏ, sơn mới; - Thiết bị vệ sinh đã xuống cấp gây tắc nghẽn, gây bất tiện đến việc sử dụng; Xử lý khơi thông và thay mới các phòng vệ sinh hiện có. -Mái tôn đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới;	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	1.000
6	Chi cục Chăn nuôi và Thú y Quảng Bình	SC nâng cấp cơ sở vật chất 05 Trạm Chăn Nuôi và Thú y cấp huyện thuộc Chi cục Chăn nuôi và TY	Thành phố Đồng Hới và các huyện, thị xã	Đảm bảo điều kiện hoạt động của các Trạm	Cơ sở vật chất của các Trạm chăn nuôi và Thú y cấp huyện tại các địa phương nhiều hạng mục bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng, do thời gian xây dựng đã lâu nên đã làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác hoạt động của các trạm, do đó việc nâng cấp duy tu,bảo dưỡng cơ sở vật chất hiện nay là hết sức cần thiết và cấp bách: Thay thế hệ thống cửa đã cũ hư hỏng, Cao bỏ tô trát lại tường bị nứt, sơn lại và chống thấm các trạm, Thay thế nền nhà bị bong tróc của các trạm, Sửa chữa một số hạng mục khác	Tạo môi trường làm việc tốt cho cán bộ	3.000
7	Sở GTVT	Sửa chữa nâng cấp trụ sở làm việc của Sở GTVT	Phường Đồng Phú - Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình	Đảm bảo điều kiện làm việc, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà được giao của Sở GTVT	- Hàng rào bảo vệ khuôn viên trụ sở xây dựng đã lâu, hư hỏng, xuất hiện nhiều vết nứt trên mặt tường xây: Xây dựng lại cổng ra vào cơ quan, tường rào khuôn viên; - Sửa chữa các phòng ở tầng 3 gồm phòng làm việc 9-10xA'-C' và phòng làm việc 10'-11'xG'-K': Tháo dỡ thiết bị điện, đóng trần thạch cao, sửa chữa, thay thế hệ thống điện trong phòng. - Tháo dỡ nhà để xe máy sát hàng rào phía đông - Xây dựng sân đường nội bộ trên nền sân cũ - Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước mưa bằng bê tông, dầy nắp bằng tấm đan composit; . - Xây dựng hệ thống bồn hoa, xây xanh, cảnh quan trong khuôn viên - Bổ sung hệ lam thép chắn nắng mặt đứng của cơ quan	Sửa chữa trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, công chức, người lao động.	1.000
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sửa chữa nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Thành phố Đồng Hới	Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất trụ sở làm việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Phía sau nhà làm việc nước mưa hắt vào phòng gây cản trở và khó khăn trong quá trình hđ, hệ thống máng bê tông thu thoát nước trên mái nhà nứt hỏng, phần sơn ngoài nhà bị long lổ, sẽ nổ mái bị bong tróc nhiều chỗ, hệ thống vệ sinh bị tắc, cửa phòng vệ sinh bằng gỗ bị cong vênh không khít (đã báo tri SC năm 2023 nhưng không đáp ứng đủ nhu cầu); - Cần chống thấm,cao bỏ sơn cũ, sơn mới trong và ngoài. - Xử lý khơi thông và thay mới các phòng vệ sinh hiện có. - Xử lý các phần bị hỏng đã nêu trên	Nhằm hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất trụ sở làm việc, tạo điều kiện thuận lợi nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị	1.900
9	Sở Công Thương Quảng Bình	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Sở Công Thương Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Đảm bảo điều kiện làm việc của Sở Công Thương Quảng Bình	Hệ thống cửa panô kính đã bị cong vênh, hệ thống dây và thiết bị điện sinh hoạt, nhà vệ sinh đã xuống cấp, hư hỏng gây mất an toàn. Hệ thống ô văng tầng 3,4 hư hỏng tại điểm tiếp giáp với tường xây làm nước mưa thấm vào phòng làm việc, hệ thống mái bị hư hỏng. Cần thay mới cửa, Cao bỏ, sơn mới tường toàn bộ tường nhà, xử lý chống thấm sân, seno, tường, thay thế, sửa chữa hệ thống mái tôn, hệ thống chống sét, Làm mới trần thạch cao, sửa chữa, thay thế hệ thống thiết bị vệ sinh, điện, nước bị hư hỏng; sửa chữa hệ thống phụ trợ như thoát nước, sân, cổng, hàng rào...	Khắc phục tình trạng xuống cấp, hư hỏng của công trình.	2.000

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
10	Tỉnh đoàn Quảng Bình	Cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất Cơ quan Tỉnh đoàn Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của cơ quan Tỉnh đoàn	Trụ sở Cơ quan Tỉnh đoàn được xây dựng từ năm 1997 đến nay có nhiều hạng mục bị xuống cấp cần được đầu tư sửa chữa: Tường thấm dột, hệ thống cửa cong vênh, hệ thống mái tôn xà gỗ bị thủng nhiều chỗ, các khu vệ sinh bị hư hỏng; Cao bỏ sơn cũ, sơn mới lại các hạng mục, Thay thế gạch lát nền bị bong tróc, Thay thế hệ thống mái, Sửa chữa một số hạng mục khác	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	2.500
11	Sở Tài chính Quảng Bình	Sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc 5 tầng và mua sắm thang máy trụ sở	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Sở Tài chính Quảng Bình	Trụ sở đưa vào sử dụng từ năm 2008, hiện nay phần Sê nô mái đã bị thấm nước ngấm vào tường từ tầng 5 xuống tầng 1, các lớp sơn bên trong và ngoài nhiều chỗ bị bong tróc, hệ thống cửa sổ chớp phía ngoài nhà và khuôn ngoại bị cong vênh, mỗi một cục bộ. Thang máy sử dụng đã lâu nên hư hỏng, mất an toàn trong quá trình vận hành; Xử lý chống thấm seno mái và hệ thống thoát nước mái; xử lý chống thấm các vị trí khác, Ốp tường nhựa một số phòng, Sơn lại toàn bộ nhà làm việc 5 tầng, Sơn sửa, thay thế cửa chớp mặt ngoài, nẹp cửa bên trong nhà hư hỏng, Thay thế thang máy cũ xuống cấp hư hỏng không còn đảm bảo khả năng phục vụ.	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	3.800
12	Hội Cựu chiến binh Tỉnh	Sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng trụ sở Hội Cựu chiến binh Tỉnh	Thành phố Đồng Hới	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan và các đơn vị đến làm việc	Nhà 3 tầng phần mái hư hỏng, thấm dột, một số chỗ bị nứt nước mưa chảy trực tiếp xuống các vết nứt gây bong tróc các lớp sơn trần bên trong nhà. Thiết bị vệ sinh, Bậc cấp cầu thang, sảnh nứt nẻ hư hỏng. Hệ thống cống, hàng rào rỉu mốc, bong tróc mặt ngoài. Cần cải tạo sửa chữa các hạng mục nêu trên	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ cơ quan và các đơn vị đến l/việc	1.000
13	Hội Nhà báo	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Hội Nhà báo	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Hội Nhà báo	Nhà 3 tầng sử dụng từ năm 2008, mái tôn tôn nê xà gỗ đã xuống cấp, hư hỏng, hệ thống sơn nê mái tầng 3 bị thấm dột. Hàng rào 3 phía đã cũ, xuất hiện nhiều vết nứt cục bộ trên mặt tường xây, lớp quét màu bị bong tróc, sân sau khuôn viên trụ sở còn sân nền đất, không đồng bộ; Xây dựng mới hàng rào 02 mặt bên và mặt sau (mặt trước đã thi công), Lợp lại mái hiện có bằng tôn sóng vuông kết hợp chống thấm sê nô, cải tạo hệ thống thu nước và thoát nước mặt sân khuôn viên, Xây dựng 01 sân bóng chuyền ngoài trời và 01 sân cầu lông kết hợp nhà để xe cho cán bộ nhân viên tại khu đất phía sau khuôn viên.	Cải tạo, sửa chữa trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ, nhân viên cơ quan	1.600
14	Hội chữ thập đỏ tỉnh Quảng Bình	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Hội chữ thập đỏ tỉnh Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Hội	Trụ sở chính: Một số cửa đã được thay mới, các cửa còn lại đã mỗi một, cong vênh, xuống cấp cần được thay mới Lớp sơn tường trong trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cao bỏ, sơn mới, Thay mới mái tôn, chống thấm sê nô mái nhà làm việc. Hàng rào bao quanh đang xây song sắt, trụ gạch đã cũ, xuống cấp hư hỏng cần thay mới. Một số hạng mục phụ trợ khác: Sửa chữa mái, chống thấm nhà kho khuôn viên...	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	1.800
C	SỰ NGHIỆP KINH TẾ						26.600
1	Ban Quản Lý Rừng phòng hộ Đồng Hới và ven biển tỉnh Quảng Bình	Xây dựng Cải tạo, sửa chữa Trụ sở các nhà Trạm bảo vệ rừng và khuôn viên nhà Trạm BVR thuộc BQLRPH Đồng Hới và ven biển tỉnh Quảng Bình	Huyện Quảng Ninh, Huyện Lệ Thủy	Đảm bảo điều kiện làm việc CB CNVC của Ban Quản Lý Rừng phòng hộ Đồng Hới và ven biển tỉnh Quảng Bình	Các trạm BVR được đưa vào sử dụng lâu năm, xuống cấp và hư hỏng nhiều, mái tôn thấm dột, không có hàng rào và cổng, tường bị thấm và bong rộp... ảnh hưởng đến nhu cầu làm việc và sinh sống của cán bộ nhân viên Quy mô: Tại các trạm Đình Mười, Hưng Thủy, Sen Thủy - Xây dựng, cải tạo cổng, hàng rào của các trạm, Thay thế hệ thống mái của các trạm, Thay thế, sửa chữa hệ thống công trình phụ trợ, Cao bỏ, sơn mới lại tường, trần nhà các trạm, Nền nhà bị bong tróc, thay thế nền cũ, Xây dựng sân bãi và khuôn viên	Nhằm sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan, tạo được sự Uy nghiêm của đơn vị chức trách đóng trên địa bàn	3.000

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
2	Trung tâm Giống thủy sản	Sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh thoát lũ tại Trại cá giống nước ngọt Đại Phương	Xã Đại Trạch, huyện Bồ Trạch, Quảng Bình	Đảm bảo an toàn cho các ao, hồ đang nuôi dưỡng, bảo tồn, duy trì các loại cá bố mẹ, cá giống trong các mùa mưa bão	Hiện tại có 03 tuyến kênh thoát nước được xây dựng bằng kết cấu BTCT bị đất đá vùi lấp tích tụ nhiều năm cây cỏ mọc um tùm làm cản dòng chảy, một vài vị trí bị sạt lở, gây vỡ nên không thoát nước được, gây ảnh hưởng rất lớn đến việc thoát lũ, không đảm bảo an toàn cho các ao hồ nuôi dưỡng trong trại giống. - Sửa chữa, cải tạo 03 tuyến kênh hư hỏng	Các kênh đất làm mới bằng kênh BTCT, một số đoạn xuống cấp thì gia cố lại mái bờ kênh bằng tấm lát BTCT	1.800
3	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất các trạm cấp nước Lê Ninh, Tiến Hóa và Ba Đồn	NT Lê Ninh huyện Lê Thủy; xã Tiến Hóa, Tuyên Hóa và thị xã Ba Đồn	Đảm bảo điều kiện làm việc của các Trạm cấp nước Lê Ninh, Tiến Hóa và Ba Đồn	- Các nhà điều hành được xây dựng từ lâu nên hiện nay đã xuống cấp cần được cải tạo sửa chữa; - Một số hạng mục của nhà kho đựng hóa chất đã xuống cấp cần được cải tạo để đảm bảo điều kiện lưu trữ hóa chất xử lý. - Sửa chữa một số đoạn hàng rào tại các trạm đã xuống cấp, và sơn mới hàng rào bao che. - Cải tạo một số đoạn rãnh thoát nước và sân vườn khuôn viên.	Nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên và ổn định quản lý, vận hành hệ thống	1.800
4	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Sửa chữa, nâng cấp thay thế mạng lưới tuyến ống cấp nước sạch xã Mai Thủy	Xã Mai Thủy, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình	Đảm bảo lưu lượng, áp lực nước trên mạng lưới tuyến ống nhằm đáp ứng nhu cầu nước sạch của người dân xã Mai Thủy	Hệ thống cấp nước sạch cho cụm dân cư thôn Thái Xá, xã Mai Thủy được tổ chức Đông Tây Hội Ngộ tái trợ kinh phí đầu tư xây dựng năm 2012. Tuy nhiên toàn bộ mạng lưới tuyến ống cấp nước DN140-32mm của công trình sử dụng ống nhựa PVC loại mỏng, kém chất lượng dẫn đến nhanh xuống cấp, thường xuyên bị bục vỡ gây rò rỉ, thất thoát nước, làm giảm lưu lượng, áp lực nước trên mạng lưới. Do đó cần thiết phải sửa chữa, thay thế bằng loại ống đảm bảo chất lượng.	Sửa chữa, thay thế mạng lưới tuyến ống PVC phục vụ cấp nước sinh hoạt	3.000
5	Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Trung tâm	Lớp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cạo bỏ, sơn mới. Sơn lại hàng rào đã bị bong tróc, xuống màu Phẩm sẽ nở bị thấm nước, rêu mốc; Chống thấm mái bằng các chất chống thấm chuyên dụng. Nền nhà làm việc: Nền bị bong tróc lớp gạch nhiều nơi, Thay mới lớp gạch nền tại một số vị trí bị hư hỏng Xây dựng Gara xe máy, Xây dựng rãnh thoát nước	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	1.400
6	Trung tâm DV&QL bến xe khách Quảng Bình	Sửa chữa nâng cấp nhà điều hành, sân đậu đỗ đón trả khách bến xe Nam Lý	Phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà được được giao tại bến xe trực thuộc Trung tâm	- Sân đậu đỗ, đón trả khách: Mặt sân thấp hơn so với các tuyến đường bao quanh: Tổng diện tích sân đậu đỗ, đón trả khách 3.400m ² - Nhà điều hành, phòng vé: đã sử dụng hơn 20 năm, hệ thống cửa nhôm kính đã hư hỏng, xuống cấp, sơn trong và ngoài nhà bị bong tróc, hệ thống điện chiếu sáng và sinh hoạt hư hỏng không sử dụng được: Tháo dỡ hệ thống cửa chính và cửa sổ đã xuống cấp, lắp đặt lại lại hệ thống cửa chính và cửa sổ; Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, và sơn mới lại dầm, trần, cột, tường ngoài nhà không bê tông sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; Thi công trần thạch cao thả, Lát nền sân, Phá dỡ hệ thống thoát nước cũ Cải tạo khu vực bán vé; Cải tạo hệ thống điện sảnh tầng 1	Nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên đồng thời góp phần xây dựng nên bến xe văn minh, hiện đại	2.400
7	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình	18A Quang Trung - Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của các đơn vị làm việc tại trụ sở (TT QLHT các KCN, KKT; ĐLS; HLG; HBTNTT&TEMCI; Hội VSPINKT	Trụ sở (tiếp nhận từ năm 1999) đã quá cũ và xuống cấp. Hệ thống mái hư hỏng nước chảy vào trong phòng làm việc; Hệ thống tường mái, tấm lợp bờ rào xi măng đã bị hư hỏng, hệ thống xà gồ đã bị gỉ, sàn mái bị thấm dột; thay thế hệ thống mái lợp tôn, xà gỗ thép; hệ thống chống sét:: Dục lớp đá ốp mặt ngoài toàn bộ trụ sở; tô trát sơn lại tường ngoài trụ sở Một số cửa đã được thay mới, các cửa còn lại đã mỗi mọt, xuống cấp cần được thay mới bằng. Mái tôn sân đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Hệ thống điện, nước, hệ thống PCCC đã bị hư hỏng xuống cấp cần được đầu tư sửa chữa đảm bảo công năng sử dụng	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	2.000

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
8	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực Khu kinh tế	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực Khu kinh tế	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ Ban QLDA ĐTXD KV KKT	Tường xây gạch của trụ sở bị thấm nước vào các phòng làm việc làm các lớp sơn trong nhà bị bong tróc, cửa gỗ kính pa nô bị cong vênh, hệ thống điện chiếu sáng và thiết bị vệ sinh bị hư hỏng không sử dụng được. Đề xuất mở rộng nâng cấp nhà làm việc tầng 3 thành hội trường; Cải tạo, xây bổ sung phòng làm việc tại tầng 3; Tháo dỡ mái tôn, xà gỗ cũ, thay mới xà gỗ thép hộp mạ kẽm, thay mới toàn bộ mái tôn sóng; thay các cửa bị hư hỏng Cải tạo sửa chữa hệ thống cấp điện, cấp nước, thay mới hệ thống chống sét công trình.2; Cải tạo kho hồ sơ. Cạo lớp sơn cũ toàn nhà, sơn lại toàn bộ phủ màu.; Cải tạo nhà bảo vệ - gara ô tô; Cổng - tường rào Sửa chữa các hạng mục Xây lại đoạn tường rào tiếp giáp phía nhà dâ5. Gara xe máy. Tháo dỡ gara xe máy cũ . Thay mái lợp tôn sóng, vì kèo, cột Sân nội bộ - rãnh thoát nước : Chỉ thực hiện đổ bê tông sân phía sau và Xây rãnh thoát nước, nắp đầy tấm thép chiều dài 30m; Lắp đặt 06 cột đèn chiếu sáng, thay cột cờ tại sân.	Khắc phục tình trạng xuống cấp, hư hỏng của công trình.	2.500
9	Tổng đội TNXP Xây dựng kinh tế tỉnh Q.Bình	Sửa chữa cải tạo Văn phòng làm việc	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Tổng đội TNXP Xây dựng kinh tế tỉnh Quảng Bình	Nhà làm việc tiếp nhận từ năm 2008 mái tôn bị hư hỏng làm nước mưa chảy vào phòng làm việc. Tường nhà thấm dột, xuất hiện các vết nứt cục bộ, hệ thống cửa bị mất một con vênh, nhà vệ sinh và thiết bị điện hư hỏng ; Cần thay mới cửa,cạo bỏ, sơn mới trong và ngoài nhà. Xử lý khơi thông và thay mới các phòng vệ sinh hiện có.....	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	1.000
10	Trung tâm DVVL Thanh Niên	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Trung tâm DVVL Thanh Niên	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trung tâm DVVL Thanh Niên	Nhà làm việc vách kính phải trước và sau bị nước mưa thấm vào từ các khe nối, tường phải sau bị thấm nước làm các lớp sơn tường bị bong tróc, hệ thống đèn báo cháy các tầng không hoạt động được. Sân mái bê tông cốt thép bị nứt cục bộ ở một số vị trí: Thay mới các cửa đã bị hư hỏng, cạo bỏ sơn tường, chống thấm, sơn lại Xử lý thay thế mới hệ thống điện chiếu sáng và hệ thống trần thạch cao các phòng làm việc; Thay mới toàn bộ hệ thống đèn báo cháy, đầu báo cháy	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	2.500
11	Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Trung tâm	thấm nước chảy vào bên trong phòng làm việc, sân mái bê tông bị nứt cục bộ 1 số vị trí: Gia cố, xử lý các vị trí bong tróc, nứt bề của các kết cấu chịu lực toàn bộ công trình; Cắt bỏ một số kết cấu mặt đứng đã bị hư hỏng, không đảm bảo an toàn; cải tạo lại mặt đứng cho phù hợp, Thay lại hệ thống cửa đi, cửa sổ nhôm kính đã cũ, xuống cấp; Sơn lại toàn bộ tường bên trong và bên ngoài của nhà làm việc;...	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	1.000
12	Công ty TNHH LCN Long Đại	Xây mới nhà vệ sinh phục vụ công tác Bảo vệ rừng tư nhiên công ích Công ty TNHH LCN Long Đại	Xã Lâm Thủy, Kim Thủy, Ngần Thủy, xã Trường Sơn, và xã Phú Định,	Đảm bảo điều kiện làm việc của các Trạm Bảo vệ rừng	7 trạm bảo vệ rừng thuộc quản lý của Công ty TNHH LCN Long Đại đang thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ 24.500ha rừng tự nhiên công ích tại 2 chi nhánh Lâm trường Khe Giũa và Trường Sơn. Các trạm đều ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, giao thông đi lại, đời sống vật chất, tinh thần cực kỳ khó khăn. - Nhà vệ sinh: mỗi trạm có 1 nhà vệ sinh đào hố bằng đất, đa số lợp tôn, biaro xi măng, thung che xung quanh bằng gỗ đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo vệ sinh, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt của lực lượng bảo vệ rừng: Cần xây mới các nhà vệ sinh	Bảo đảm sinh hoạt cho lực lượng BVR	1.200

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
13	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy Lợi Quảng Bình	Sửa chữa nâng cấp kênh chính Nam hồ Vực Tròn đoạn từ K18+651,7 đến K20+00	Huyện Quảng Trạch	Điều tiết cấp nước tưới 1.400 ha đất trồng lúa 02 vụ	Đoạn kênh từ K18+651,7 đến K20+00 sau nhiều năm sử dụng dưới tác động mưa lũ, biến đổi khí hậu, đoạn kênh này đã hư hỏng, xuống cấp; Đoạn kênh đi qua địa chất nền là đất cát, đáy kênh bị mục thủng, hư hỏng nhiều gây ra hiện tượng thấm nước, mất ổn định tường và đáy kênh. Tường kênh áp trong tường kênh cũ, kênh được chia thành các đoạn dài 10,0m, tại điểm nối tiếp giữa các đoạn kênh bố trí khớp lún bằng 02 lớp giấy dầu, 03 lớp nhựa đường; - Sửa chữa, thay thế các giằng kênh trên tuyến bị hư hỏng - Sửa chữa một số công trình trên kênh bị hư hỏng, xuống cấp	nhằm đảm bảo an toàn tuyến kênh và chuyển tải đủ nước tưới theo thiết kế để kịp thời phục sản xuất, bảo vệ môi trường	3.000
D	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA						5.000
1	Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh tỉnh	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh tỉnh	Thành phố Đồng Hới	Phục vụ các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ văn hóa, văn nghệ, hội thi hội diễn, tuyên truyền lưu động và đảm bảo các hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị, đại hội Đảng	TTVH đưa vào sử dụng từ năm 2018, hiện nay hệ thống đã ồ ạt xung quanh nhà bị bám bụi mất làm mất mỹ quan. Hệ thống sân khấu hội trường một số đèn đã bị cháy, hư hỏng, ván gỗ sàn và 2 bên khán đài bị mối mọt, cong vênh, vỡ vụn. Hệ thống âm thanh ánh sáng một số đã bị hư hỏng. Mái nhà bị thấm dột cục bộ một vài vị trí: Đánh bóng sửa chữa, chống thấm bậc cấp, nền trong nhà đá Granit trong nhà và ngoài, Gỉa cổ lái, đánh bóng đá granit mặt đứng bao quanh nhà; Sửa chữa, thay thế trần thạch cao bị hỏng, Ốp thay thế tường gỗ trang trí khu vực hai bên sân khấu bị mối mọt; Thay thế nẹp gỗ, phào gỗ trang trí tường bị mối mọt bằng nẹp gỗ nhựa. Thay thế Ốp tường tấm MDF dày 16mm, phủ veneer bao gồm cả khung xương gỗ bị hỏng do mối mọt bằng gỗ nhựa, Thay thế Ốp tường tấm MDF dày 16mm, phủ veneer bao gồm cả khung xương gỗ bị hỏng do mối mọt bằng gỗ nhựa, Thay thế gỗ sân khấu; Thay thế Cửa đi, cửa sổ gỗ tự nhiên kết hợp vật liệu cách âm dn bị mối mọt; Sơn lại toàn bộ cửa gỗ; Thay thế phụ kiện hệ thống cửa kính khu vực sảnh chính chính bị hỏng; Vệ sinh sơn lại tường, trần ngoài nhà; Thay thế phụ kiện hệ thống cửa kính khu vực sảnh chính chính bị hỏng; Thay thế, bổ sung hệ thống đèn chiếu sáng khu vực hội trường chính, khu vực hành lang, sảnh trong, ngoài nhà hát...	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện phục vụ chuyên môn nghiệp vụ và các nhiệm vụ chính trị, Đại hội Đảng	3.000
2	Bảo tàng tỉnh Quảng Bình	Sửa chữa, cải tạo Bảo tàng tỉnh Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo việc bảo tồn các di tích, văn hóa được lưu trữ ở khu vực Bảo tàng	- Hiện tại phần mái và tầng áp mái khối nhà chính bị bong tróc, nứt gãy, gây thấm dột nghiêm trọng cần phải cải tạo, chống thấm lại - Hệ thống mái che khu trưng bày ngoài trời đã bị gỉ sét, không đảm bảo được việc che chắn, hao vệ cho hiện vật trưng bày cần được sửa chữa lại. - Lớp sơn tường trong nhà tại các vị trí bị thấm dột gây bong tróc, rêu mốc cần được cạo bỏ, sơn mới. - Thay thế hệ thống trần thạch cao đã bị thấm dột gây nứt vỡ, rơi rớt. - Thay thế hệ thống đèn chiếu sáng và các camera đã bị hỏng, lắp mới camera tại một số vị trí cần thiết. Cổng, hàng rào và khuôn viên ngoại thất: xây mới hệ thống cổng hàng rào với chiều dài khoảng 400m. Xây dựng mới biển hiệu trụ sở cơ quan, Cầu tạo khuôn viên ngoại thất, sửa chữa một số vị trí mặt sân bị sụt lún, nứt gãy. Bổ sung hệ thống cây xanh, đèn chiếu sáng...	Nhằm bảo tồn và lưu giữ các hiện vật văn hóa, đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan, làm tăng mỹ quan cho khách khi tham quan Bảo tàng.	2.000
D	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC						1.500

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
1	Trung tâm Kỹ thuật Đo lường thử nghiệm	Sửa chữa cải tạo cơ sở vật chất Trung tâm Kỹ thuật Đo lường thử nghiệm	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Trung tâm	Khu nhà hành chính phòng thí nghiệm cơ điện đã bị hư hỏng để nghỉ cải tạo phòng này làm phòng chức năng khác, hệ thống cửa panô kính bên trong nhà bị cong vênh, hư hỏng cục bộ một số vị trí. Khu vệ sinh thiết bị và cửa đi, hệ thống điện hư hỏng, cần phải được cải tạo sửa chữa Hệ thống kiểm định xi téc ô tô: Bể chứa nước quán bằng thép bị rỉ do mưa bão ngập nước, hiện tại không thể sử dụng cần được đào móng gia cố bằng bê tông, giằng neo chống nổi, xây tường bao quanh chống ngập nước, xây dựng và đấu nối hệ thống thoát nước Kho lưu và bảo quản mẫu: Tường bị bong rộp, cần được cao bờ, sơn và chống thấm, hệ thống cửa bị mối mọt xuống cấp cần phải thay thế Hàng rào: Hàng rào bị nghiêng, nứt vỡ, một số đoạn bị hỏng.	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan, phục vụ doanh nghiệp và người dân đến kiểm định	1.500
E	SỰ NGHIỆP Y TẾ						4.500
1	Bệnh viện y học cổ truyền và chăm sóc SKCB	Sửa chữa cải tạo trụ Sở Phong Khâm - Quản lý sức khỏe cán bộ	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo khả năng đáp ứng cơ sở hạ tầng phục vụ công tác khám, điều trị và chăm sóc sức khỏe cho cán bộ	Nhà làm việc đưa vào sử dụng đã lâu, công trình đã xuống cấp, sơn tường trong và ngoài nhà đã bị bong tróc, hệ thống điện một số đã bị hư hỏng... Cần cao bờ lớp sơn cũ, sơn mới trong và ngoài nhà, thay toàn bộ hệ thống điện bị hỏng. Chống thấm mái và sẽ nở, sửa chữa toàn bộ các nhà vệ sinh và hệ thống nước thải phòng xét nghiệm. .	Đảm bảo khả năng đáp ứng của cơ sở hạ tầng phục vụ công tác khám, điều trị và chăm sóc sức khỏe cho cán bộ	1.500
2	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quảng Bình	Cải tạo, sửa chữa dãy nhà làm việc Khoa dược và Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quảng Bình	Phường Quảng Thọ - Thị xã Ba Đồn	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục dãy nhà làm việc Khoa dược và Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, đảm bảo điều kiện làm việc và nâng cao chất lượng bảo quản thuốc cũng như kiểm soát nhiễm khuẩn	Dãy nhà 2 tầng bố trí nơi làm việc và kho thuốc của Khoa dược và Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn được xây dựng từ những năm 1996-1997, từ đó đến nay đã gần 30 năm nhưng vẫn chưa được đầu tư sửa chữa triệt để các hạng mục thuộc dãy nhà. - Hiện trạng dãy nhà: Mái bị thấm dột một số vị trí, Tường nhà bị bong tróc vữa, lớp sơn tường ẩm trần bị hoen ố, mốc meo, Nền gạch bị vỡ; Hệ thống cửa bằng gỗ đã bị mối mọt, hư hỏng nặng nề, Hệ thống điện quá cũ kỹ, không đảm bảo an toàn. Sửa chữa: thay thế một số vị trí mái bị thấm dột, quét chống thấm seno mái; Tô trát lại tường ngoài, sơn lại; Dầm, trần cao xà sơn cũ, sơn lại; Thay thế gạch nền cả 2 tầng; Thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ các hạng mục bị hư hỏng; Thay mới toàn bộ hệ thống, thiết bị điện, mạng.	Cải tạo sửa chữa các hạng mục thuộc dãy nhà làm việc Khoa dược và Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn.	3.000
G	ĐẢM BẢO XÃ HỘI						4.000
1	Cơ sở cai nghiện ma túy	Sửa chữa cải tạo cơ sở vật chất Cơ sở cai nghiện ma túy	TP Đồng Hới	Đảm bảo cơ sở vật chất của cơ sở	Nhiều hạng mục đã được xây dựng và đưa vào sử dụng từ lâu đã cũ, tường bị rêu mốc bong rộp, trần nhà bị thấm dột do mái đã cũ, nền nhà bị bong tróc, các hạng mục phụ trợ trong khuôn viên còn chưa đảm bảo như đường giao thông nhỏ hẹp, hệ thống thoát nước chưa đồng bộ gây ngập nước cục bộ, hệ thống điện chiếu sáng, nước sinh hoạt bị hư hỏng, sân vườn khuôn viên chưa đồng bộ; Thay thế hệ thống mái nhà, sơn mới lại tường, trần trong và ngoài nhà, Sửa chữa, thay thế hệ thống điện đã cũ, Thay thế hệ thống cửa bị mối mọt hư hỏng, Hệ thống thoát nước hạ tầng trong khuôn viên. Sửa chữa một số hạng mục khác	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	2.500
2	Trung tâm công tác xã hội tỉnh Quảng Bình	Sửa chữa cải tạo trung tâm công tác xã hội tỉnh Quảng Bình (Cơ sở 2)	TP Đồng Hới	Đảm bảo cơ sở vật chất của cơ sở	Nhiều hạng mục đã được xây dựng và đưa vào sử dụng từ lâu đã cũ, tường bị rêu mốc bong rộp, trần nhà bị thấm dột do mái đã cũ, nền nhà bị bong tróc, Lớp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, các hạng mục phụ trợ trong khuôn viên còn chưa đảm bảo: Cản chống thấm màng tường phía Nam, sơn trong và ngoài; Thay mới mái tôn nhà làm việc. Chống thấm sẽ nở và một số hạng mục đã bị hư hỏng.	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, đối tượng ĐBXH	1.500
H	ĐƠN VỊ KHÁC						2.500

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
1	Viện kiểm sát ND tỉnh	Sửa chữa cái tạo cơ sở vật chất Viện kiểm sát ND tỉnh	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc CB CNVC của Viện kiểm sát ND tỉnh	Hệ thống cửa sổ mặt ngoài xung quanh nhà bị hư hỏng cục bộ, sơn cửa bị bong tróc mỗi một cục bộ. Hệ thống nhà vệ sinh phía trong nhà khuôn ngoại bị mối mọt, trần phòng vệ sinh bị bong tróc phải gia cố bằng dây thép, trần nhà làm bằng tấm thạch cao lớp sơn đã bị bong tróc nhiều chỗ, mái nhà thấm dột (đã bố trí KPSC năm 2024 nhưng đáp ứng chưa đủ nhu cầu), hệ thống điện bị hư hỏng...: Sửa chữa hệ thống điện, Cao bỏ lớp sơn cũ, xử lý tường bị bong nứt, sơn mới lại 1 nước lót 2 nước. Đục, thay thế nền nhà bị hỏng, Thay thế hệ thống cửa bị hư hỏng...	Nhằm khắc phục sửa chữa các hạng mục hư hỏng đảm bảo điều kiện làm việc CB CNVC của Viện kiểm sát ND tỉnh	2.500
1	SỰ NGHIỆP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG						18.291
1	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình	Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động tại Nhà máy xử lý nước thải KCN Cảng biển Hòn La	KCN Cảng biển Hòn La, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Theo quy định pháp luật về môi trường thì Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN phải có hệ thống quan trắc nước thải tự động	1. Đầu tư lắp đặt các thiết bị quan trắc nước thải theo quy định, bao gồm: Các thiết bị đo các chỉ tiêu của nước COD, TSS, PH, Temp, NH4+, Máy lấy mẫu; 2. Hạng mục phụ trợ: Hệ thống camera xoay giám sát; hệ thống báo cháy khói; Bộ lưu điện UPS 2KVA; bơm thu mẫu từ bể khử trùng về trạm quan trắc; Chất chuẩn; 3. Phụ kiện lắp đặt và kết nối hệ thống 4. Chi phí truyền số liệu về Sở TNMT + hiệu chuẩn + báo cáo kết quả ra; 5. Chi phí lắp đặt.	Đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước về việc phải có hệ thống quan trắc nước thải tự động tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung và truyền dữ liệu về Sở Tài Nguyên và Môi trường.	3.000
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sửa chữa hệ thống phòng cháy và chữa cháy tự động bằng khí FM200 tại kho lưu trữ tầng 7,8,9 Trụ sở làm việc Văn phòng Sở, Trung tâm Dữ liệu địa chính và các đơn vị trực thuộc Sở	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo theo điều kiện quy định Phòng cháy và chữa cháy	Hệ thống phòng cháy và chữa cháy tự động bằng khí FM200 tại kho lưu trữ tầng 7,8,9 trụ sở làm việc VP Sở, Trung tâm dữ liệu địa chính không còn hoạt động được. Hệ thống đèn tín hiệu báo cháy không hoạt động do hỏng hóc. Xây dựng lại bể nước PCCC và đặt nhà máy bơm chữa cháy cho toàn bộ nhà: Khắc phục sửa chữa và xây mới các nội dung nêu trên	Hạn chế tối đa những rủi ro mà cháy nổ gây ra về người và tài sản của trụ sở, góp phần thực hiện hiệu quả Luật Phòng cháy và chữa cháy	4.500
3	Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng	Hàng rào khuôn viên và các hạng mục phụ trợ khu nuôi cứu hộ các cá thể Hổ tiếp nhận từ VQG Pù Mát	Huyện Bố Trạch	Đảm bảo điều kiện sinh sống của các cá thể Hổ tiếp nhận từ VQG Pù Mát về VQG Phong Nha - Kẻ Bàng	Do loài Hổ khi trưởng thành cần có không gian vận động gần gũi với môi trường tự nhiên, nên cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng để tạo nên khu cách ly an toàn, thuận lợi cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc động vật hoang dã, cũng như các hoạt động nghiên cứu và du lịch mở rộng. Do đó việc xây dựng khuôn viên và các hạng mục phụ trợ khác là rất cần thiết Cần xây dựng khu nuôi mở rộng liền kề với 03 khu nuôi nhốt Hổ hiện có, gồm 6 chuồng nuôi riêng biệt ngăn cách bằng hàng rào thép và các hạng mục phụ trợ khác	Nhằm đảm bảo điều kiện sinh sống của các cá thể Hổ tiếp nhận từ VQG Pù Mát về VQG Phong Nha - Kẻ Bàng	4.500

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
4	Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng	Sửa chữa Trạm Kiểm lâm Chả Nòi	Xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trạm kiểm lâm Chả Nòi	Nhà làm việc mái lợp ngói xi măng trên hệ thống xà gỗ một số vị trí đã bị vỡ ngói làm nước mưa tràn vào trong sân BTCT gây thấm dột bong tróc các lớp sơn trong nhà. Hệ thống điện và thiết bị vệ sinh bị hư hỏng không sử dụng được. Khu nhà ở cán bộ kiểm lâm là nhà cấp 4: phần mái lợp đã sập tại góc tường; sửa chữa, nâng cấp các hạng mục đã bị hư hỏng	Khắc phục tình trạng xuống cấp, hư hỏng của công trình, đảm bảo môi trường làm việc, sinh hoạt cho cán bộ kiểm lâm quản lý, bảo vệ rừng, góp phần nâng cao hiệu quả công quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị Di sản thế giới	2.000
5	Văn phòng Đăng ký đất đai	Cải tạo trụ sở làm việc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bố Trạch	Thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Đảm bảo trụ sở làm việc, kho lưu trữ hồ sơ tài liệu của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bố Trạch	Cải tạo lại nhà khách của VPUBND huyện BT để làm Văn phòng: Nhà làm việc: đã xuống cấp, thiết kế trước đây là nhà khách, không phù hợp với phòng làm việc; Phần mái: phà đỡ tôn bằng thủ công, Phà đỡ nền, Tháo dỡ cửa, Phà đỡ tường xây gạch: phòng WC, phòng kho; Phần điện, nước: hệ thống điện nước đã rí, sét, không còn sử dụng được, làm mới lại; Nhà xe + hạ tầng ngoài nhà: không có hàng rào, sân nền lổ ổ bê tông; làm mới một số hạng mục	Cải tạo nhà, đất Nhà khách huyện Bố Trạch thành trụ sở làm việc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bố Trạch	1500
6	Văn phòng Đăng ký đất đai	Sửa chữa trụ sở làm việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Minh Hóa	Huyện Minh Hóa	Đảm bảo Trụ sở làm việc và kho lưu trữ cho chi nhánh huyện Minh Hóa	1. Phần mái: Mái lợp tôn đã xuống cấp, tôn mái, tôn úp nóc hỏng hoàn toàn; xà gỗ gỗ mục nát không còn sử dụng được. 2. Sửa chữa các phòng làm việc và kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu	Sửa chữa trụ sở làm việc của chi nhánh huyện Minh Hóa	556
7	Chi cục thủy lợi	Dự án điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ và vùng lòng tỉnh QB	Trên vùng biển toàn tỉnh QB	Điều tra về nguồn lợi thủy sản, thủy sinh, năng lực khai thác	Từ trước đến nay tỉnh Quảng Bình chưa triển khai thực hiện các nhiệm vụ này nên chưa đánh giá được nguồn lợi thủy sản, thủy sinh và năng lực khai thác. Do đó UBND tỉnh đã phê duyệt Dự án (Dự án đã được bỏ trí vốn nhưng đầu thầu vào cuối năm, đơn vị không giải ngân kịp và bị hủy dự toán. Hiện nay đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nên cần phải bỏ trí kinh phí thanh toán, tránh nợ đọng)	Để xác định được năng lực khai thác phù hợp với nguồn lợi thủy sản vùng bờ vùng lòng tỉnh QB (hạn ngạch khai thác)	2.235
K	SỰ NGHIỆP KINH TẾ (Kinh phí duy tu, bảo dưỡng, xử lý cấp bách sự cố đề điều)						14.000
		Tuyến đê bao Thượng Mỹ Trung	xã Gia Ninh, Quảng Ninh	Sửa chữa, khắc phục sạt lở đê; đảm bảo an toàn, ổn định cho công trình	Mặt đê bị xói lở sâu xuống từ 15-20cm, mái đê bị sạt cục bộ một số đoạn; không đảm bảo chống lũ sớm, lũ tiểu mãn, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt đi lại: Gia cố mặt đê bằng bê tông, mái đê bằng tấm lát	Góp phần chủ động ứng phó với lũ sớm, lũ tiểu mãn, đảm bảo phục vụ sản xuất, dân sinh	4.000

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
1	Chi cục Thủy lợi	Tuyến đê bao Thượng Mỹ Trung (Cánh Ca Phú Thọ) và cống trên tuyến đê Tân Kiên Giang HTX Tân Lệ	xã An Thủy, Lệ Thủy	Sửa chữa, khắc phục sạt lở đê; đảm bảo an toàn, ổn định cho công trình.	Đê đất, thấp nhỏ, bị xói sạt, không đảm bảo chống lũ sớm, lũ tiểu mãn, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đi lại, sinh hoạt của nhân dân; có 02 cống trên đê hư hỏng hệ thống cửa van dẫn đến khó khăn trong quá trình điều tiết nước, ảnh hưởng đến an toàn công trình và sản xuất nông nghiệp: Cần gia cố bằng đá học và nâng cấp sửa chữa 02 cống, lắp đặt cửa van mới	Chủ động ứng phó với lũ sớm, lũ tiểu mãn, ngăn mặn giữa ngọt và vận hành an toàn trong mùa mưa lũ	4.800
		Đê Tân Sông Gianh và các cống trên đê	Phường Quảng Phong, TX Ba Đồn	Sửa chữa, khắc phục sạt lở đê; đảm bảo an toàn, ổn định cho công trình	1) Hiện trạng còn 120m là đê đất, bờ sông bị sạt lở, cần xây dựng nâng cấp đảm bảo chống lũ thiết kế và sạt lở bờ sông ảnh hưởng lớn vào mùa mưa lũ; 2) Có 2 cống dưới đê bị hư hỏng hệ thống cửa van dẫn đến khó khăn trong quá trình điều tiết nước, ảnh hưởng an toàn công trình và phục vụ sản xuất. Cần gia cố, cứng hóa mặt đê và sửa chữa mái đê bảo vệ phía sông và nâng cấp sửa chữa 02 cống, lắp đặt cửa van mới	chống lũ, chống sạt lở bờ sông; ngăn mặn giữa ngọt và vận hành an toàn trong mùa lũ	4.200
		Đê Nhật Lệ - Bầu Trú	Phường Đồng Hải, TP Đồng Hới	đảm bảo ổn định công trình,	Vừa tường xây đá học mặt phía sông bị bong tróc, dẫn đến mất đất trong thân đê làm tăng nguy cơ cao gây sụp lún đê. Cần gia cố đoạn tường bị bong tróc	đảm bảo ổn định công trình, an toàn lâu dài cho tuyến đê	1.000

Phụ lục 3.3

PHÊ DUYỆT DANH MỤC MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ TÀI SẢN

i theo Tờ trình số: **2234** /TTr-UBND ngày **25** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng E

TT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG THEO ĐỊNH MỨC	SỐ LƯỢNG HIỆN CÓ	SỐ LƯỢNG ĐỀ XUẤT MUA	Ghi chú
Tổng cộng: 24.100 triệu đồng						Thời gian thực hiện: Năm 2025
Sự nghiệp kinh tế (triệu đồng)						9.100
Trung tâm Văn hóa và điện ảnh: 7.800 triệu đồng Mục tiêu, sự cần thiết: Trung tâm Văn hóa, Trung tâm phát hành phim và Chiếu bóng và Tạp chí văn hóa theo Quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Thời gian qua, được sự quan tâm của các cấp, các ngành, đơn vị đã tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, các hoạt động chuyên môn, hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, máy móc, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ các hoạt động của Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh thường xuyên xảy ra hư hỏng, một số thiết bị đã hết thời hạn sử dụng, một số thiết bị chuyên dùng chưa được đầu tư, gây cản trở các hoạt động chuyên môn của đơn vị, đồng thời, để đảm bảo phục vụ tốt các sự kiện chính trị lớn của tỉnh và phục vụ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Đặc biệt là chuẩn bị phục vụ Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XVIII sẽ diễn ra năm 2025						
1	Màn hình led	Bộ	1	0	1	QĐ 42 /2023/QĐ-UBND 31/12/2023 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình
-	Hệ thống xử lý kỹ xảo màn hình led	Bộ	1	0	1	
-	Laptop màn hình led i7, SSD 1T	Bộ	1	0	1	
-	Phụ kiện lắp đặt màn hình led	Bộ	1	0	1	
2	Mixer đèn	Cái	1	0	1	
3	Mixer kỹ thuật số	Cái	1	0	1	
4	Đèn Follow sport 350W 17R - Đèn Par led	Bộ	40	0	13	
5	Đầu rân kỹ thuật số 32 đường	Cái	1	0	1	
6	Đèn Moving beam 450 smart (3 in 1)	Bộ	8	0	4	
7	Micro không dây cầm tay	Bộ	10	0	2	
-	Micro cổ ngỗng có dây phát biểu	Bộ	10	0	3	
-	Bộ micro hội nghị có dây (1 chủ tịch, 19 đại biểu)	Bộ	10	0	1	
-	Micro cài đầu (Máy vi tính, loa kiểm tra, micro, Sạc sạc thu âm thanh	Bộ	10	0	1	
-	Đầu micro cài tai (Máy vi tính, loa kiểm tra, micro, Sạc sạc thu âm thanh	Bộ	10	0	1	
-	Bộ kiểm âm (headphone) (Máy vi tính, loa kiểm tra, micro, Sạc sạc thu âm thanh	Bộ	10	0	2	
-	Thiết bị tăng sóng cho micro (Máy vi tính, loa kiểm tra, micro, Sạc sạc thu âm thanh	Bộ	10	0	1	
8	Loa sub đơn (Loa SUBWOOFERSUB 218G)	Bộ	8	0	4	
9	Loa thùng kèm giá đỡ	Bộ	6	0	4	
-	Bao gồm: Loa array	Bộ			6	
-	Loa monitor 15 inch	Bộ			4	

TT	CHUNG LOẠI	DVT	SỐ LƯỢNG THEO ĐỊNH MỨC	SỐ LƯỢNG HIỆN CÓ	SỐ LƯỢNG ĐỀ XUẤT MUA	Ghi chú
10	Máy chủ chiếu phim (Máy chiếu lazer)	Cái	6	0	5	
11	Máy chiếu	Cái	6	0	5	
12	Máy miền kỹ thuật số (Laptop máy chiếu i7, SSD 1T)	Cái	6	0	5	
13	Dây tín hiệu, cáp, dây điện	Bộ	1	0	1	

Đoàn nghệ thuật và Truyền thống: 1.000 triệu đồng

Mục tiêu, sự cần thiết : Đoàn nghệ thuật Truyền thống Quảng Bình không ngừng xây dựng các chương trình nghệ thuật nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh và phục vụ bà con vùng sâu, vùng xa, nhằm góp phần phát triển Văn hóa xã hội của tỉnh nhà. Luôn tổ chức các lớp tập huấn tại đơn vị, để cho đội ngũ diễn viên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tuy nhiên, hiện nay, một số thiết bị chuyên dùng chưa được đầu tư, gây cản trở các hoạt động chuyên môn của đơn vị

1	Mixer kỹ thuật số	Cái	2	0	1	Quyết định 58/2022/QĐ-UBND tỉnh ngày 12/12/2022 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình
2	Đàn organ	Cái	4	0	1	
3	Bộ trống Jazz	Bộ	1	0	1	
4	Đàn guitar lender (Phơ guitar solo B2Four Zoom)	Bộ	2	0	1	
5	Đàn guitar bass (Phơ guitar bass GT1000 core Boss)	Bộ	2	0	1	
6	Đèn par - led màu. Trong đó:	Cái	60	14	26	
-	Đèn cob 4 mắt	Cái		0	8	
-	Đèn Moving beam 450 smart (3 in 1)	Cái		4	4	
-	Đèn Par led indoor	Cái		10	12	
-	Bee Moving head 19x40W	Cái		0	2	
7	Loa 2000WR.M.S-8000W (loa full)	Bộ	20	8	2	
8	Loa subass	Bộ	16	4	2	
9	Đàn guitar thùng	Cái	1	0	1	

Bệnh viện y dược cổ truyền và chăm sóc sức khỏe cán bộ: 300 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh từ xa, kết nối các bệnh viện chuyên khoa tuyến trung ương, đồng thời phục vụ công tác hội họp trực tuyến, giao ban định kỳ, thực hiện công tác chỉ đạo điều hành do bệnh viện có 2 cơ sở đóng ở 2 nơi cách xa nhau.

1	Lắp đặt hệ thống cầu truyền hình trực tiếp phục vụ công tác khám chữa bệnh		1	0	1	
---	--	--	---	---	---	--

Sự nghiệp Y tế (Triệu đồng)

15.000

Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh: 2.306 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Bộ ghế răng	Bộ	3	1	2	
2	Giường hồi sức cấp cứu	Cái	20	5	10	
3	Tủ đầu giường	Cái	400	150	50	
4	Bàn mổ	Cái	4	2	1	
5	Đèn mổ	Cái	4	2	1	
6	Máy X quang Carm	Hệ thống	1	0	1	

Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa: 1.192,18 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

TT	CHUNG LOẠI	DVT	SỐ LƯỢNG THEO ĐỊNH MỨC	SỐ LƯỢNG HIỆN CÓ	SỐ LƯỢNG ĐỀ XUẤT MUA	Ghi chú
1	Bồn rửa tay	Cái	3	2	1	
2	Bồn tắm bé	Cái	1	0	1	
3	Đèn mổ	Cái	4	3	1	
4	Bàn mổ	Cái	5	2	1	
5	Bộ dụng cụ chấn thương chỉnh hình	Bộ	2	1	1	
6	Bộ ghế nha khoa	Bộ	4	2	1	
7	Hệ thống thiết bị lưu điện UPS trong phòng máy chủ	Hệ thống	1	0	1	

Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa: 2.600 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Hệ thống tán sỏi niệu quản ngược dòng công nghệ Laser	Hệ thống	1	0	1	
---	---	----------	---	---	---	--

Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch: 2.687,9 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy phá rung tim	Máy	8	0		
2	Bộ đặt nội khí quản	Bộ	10	0		
	Bộ đặt nội khí quản người lớn	Bộ		0		
	Bộ đặt nội khí quản trẻ em	Bộ		0		
3	Máy đo chỉ số khúc xạ tự động	Máy	1	0		
4	Đèn soi đáy mắt	Cái	2	0		
5	Bộ kính thử thị lực mắt	Bộ	2	0		
6	Máy kéo giãn cột sống các loại	Máy	2	0		
7	Máy siêu âm điều trị	Máy	1	0		
8	Máy điều trị điện xung	Máy	4	0		
9	Máy làm ấm trẻ sơ sinh	Máy	2	0		
10	Giường bệnh	Cái	70	30		
11	Bơm tiêm điện	Cái	20	0		
12	Đèn chiếu vàng da	Cái	2	0		
13	Ghế răng	Bộ	2	0		
14	Máy giặt văt công nghiệp	Máy	1	0		
15	Máy lấy cao răng	Máy	2	0		
16	Máy phân tích huyết học	Máy	6	3		
17	Máy phân tích nước tiểu	Máy	5	3		
18	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng	Máy	5	1		
19	Máy điện tim	Máy	6	2		
20	Tủ lạnh bảo quản rác thải y tế	Cái	17	3		

Trung tâm Y tế Thị xã Ba Đồn: 370,82 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng	Máy	1	0	1	
2	Máy tạo oxy 10 lít	Máy	1	0	1	

TT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG THEO ĐỊNH MỨC	SỐ LƯỢNG HIỆN CÓ	SỐ LƯỢNG ĐỀ XUẤT MUA	Ghi chú
3	Máy điều trị vật lý trị liệu da năng	Máy	16	0	16	
4	Máy xét nghiệm nước tiểu (máy thử nước tiểu)	Máy	16	10	6	

Trung tâm Y tế huyện Lệ Thủy: 402,33 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy đo khúc xạ, giác mạc	Máy	1	0	1	
2	Máy điện tim	Máy	1	0	1	
3	Máy điều trị vật lý trị liệu da năng	Máy	26	0	9	
4	Máy xét nghiệm nước tiểu (máy thử nước tiểu)	Máy	26	0	1	

Trung tâm Y tế huyện Quảng Ninh: 398,8 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy đo khúc xạ mắt	Máy	1	0	1	
2	Máy tạo oxy 10 lít (Trạm Y tế)	Máy	15	0	4	

Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa: 400,31 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Bộ dụng cụ khám Tai Mũi Họng	Bộ	02	01	01	
2	Bộ kính thử thị lực	Bộ	01	0	01	
3	Máy soi cổ tử cung	Máy	01	0	01	
4	Máy hút dịch	Máy	19	05	4	
5	Máy tạo Oxy 5 lít	Máy	22	10	4	
6	Tủ lạnh bảo quản vacxin	Cái	19	10	1	

Trung tâm Y tế huyện Bố Trạch: 425,175 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy nội soi tai mũi họng	Máy	1	0	1	
2	Máy hút âm	Máy	4	1	3	
3	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy	28	1	16	

Trung tâm Y tế TP Đồng Hới: 386,875 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	2	0	1	
2	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy	2	0	1	
3	Máy hút âm	Máy	5	0	3	
4	Máy li tâm	Máy	2	1	1	

Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa: 387,61 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy xét nghiệm sinh hóa	Máy	2	1	1	
2	Máy soi cổ tử cung	Máy	1	0	1	
3	Máy lấy cao răng	Máy	1	0	1	
4	Máy điện tim	Máy	2	1	1	

TT	CHUNG LOẠI	DVT	SỐ LƯỢNG THEO ĐỊNH MỨC	SỐ LƯỢNG HIỆN CÓ	SỐ LƯỢNG ĐỀ XUẤT MUA	Ghi chú
Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm: 500 triệu đồng. Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác kiểm nghiệm mẫu tại đơn vị						
1	Máy thử độ hoà tan	Máy	3	2	1	
Bệnh viện Mắt: 2.942 triệu đồng. Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn						
1	Máy chụp cắt lớp võng mạc OCT (Máy chụp cắt lớp đáy mắt OCT)	Máy	1	0	1	
2	Sinh hiển vi khám mắt	Cái	5	2	1	

PHỤ LỤC 3.4
GIAO CHI TIẾT DANH MỤC SỬA CHỮA KẾT CẤU CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
*(Kèm theo Tờ trình số: **2234** /TTr-UBND ngày **15** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)*

Đơn vị thực hiện	Công trình	Sự cần thiết	Mục tiêu, quy mô	Quy mô xây dựng	Địa điểm	Chiều dài (m)	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
Sửa chữa kết cấu công trình thủy lợi (Nghị định 129/2017/NĐ-CP)							
	Bảo trì hư hỏng công trình, đào đắp đất đá bồi lấp, sạt trượt trên các công trình thủy lợi thuộc đơn vị quản lý, khai thác	Công ty quản lý, khai thác 35 hồ chứa nước lớn và vừa; hệ thống thủy lợi Rào Nan; 03 đập dâng; 09 trạm bơm tưới, tiêu; công ngăn mặn giữ ngọt Mỹ Trung; hơn 289km kênh mương các loại và 12,23km đê bao chống úng vùng II tả Kiến Giang, với hàng nghìn công trình trên các hệ thống. Hàng năm sau mùa mưa, bão, sau mỗi vụ tưới, tiêu hoặc sau các trận mưa lớn đều bị đất đá bồi lấp, sạt trượt cần phải đào, đắp, sửa chữa các hư hỏng thường xuyên	Đào, đắp đất đá bồi lấp, sạt trượt, sửa chữa thường xuyên các hạng mục công trình đảm bảo theo yêu cầu thiết kế quy định	Phục vụ cho gần 32.000ha/năm, cấp nước thô cho nhà máy nước sinh hoạt, phòng chống lụt bão và ứng phó thiên tai trên địa bàn toàn tỉnh.	Tỉnh Quảng Bình		
	Bảo trì trạm biến áp Sông Thai	Đợt mưa giông từ ngày 15/7 đến ngày 17/7/2024 tại khu vực đầu mối hồ Sông Thai xảy ra giông và sét. Trạm biến áp LIOA 100 KVA-22/0.4KV ở đầu mối Sông Thai tại thôn 5 xã Quảng Kim đã bị sét đánh hư hỏng không vận hành được	Sửa chữa lại máy biến áp bị cháy đảm bảo chủ động trong vận hành cửa tràn xả lũ hồ Sông Thai	Cung cấp nguồn điện vận hành cửa tràn van cung điều tiết lũ và điều tiết mực nước hồ	Huyện Quảng Trạch		
	Cắm mốc chỉ giới Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước Đồng Suôn; hồ chứa nước Long Đền	Hồ chứa nước Đồng Suôn thuộc xã Hưng Trạch-Bồ Trạch, hồ chứa nước Long Đền xã Trường Xuân-Quảng Ninh được bàn giao Công ty quản lý, khai thác từ năm 2021, nhưng chưa có mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước, đến nay việc lấn chiếm đất diễn ra hết sức phức tạp. Để có căn cứ quản lý, bảo vệ chấm dứt tình trạng lấn chiếm phải cắm mốc bảo vệ	Lập phương án, cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ Đồng Suôn điều tiết, dẫn nước tưới 78 ha đất lúa 02 vụ, phòng chống thiên tai; hồ Long Đền điều tiết, dẫn nước tưới 30 ha đất lúa 02 vụ, phòng chống thiên tai	Huyện Bồ Trạch, Quảng Ninh		

Đơn vị thực hiện	Công trình	Sự cần thiết	Mục tiêu, quy mô	Quy mô xây dựng	Địa điểm	Chiều dài (m)	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
	Lập Quy trình vận hành các hồ chứa nước: An Mã, Tiên Lang, Vực Nồi, Thanh Sơn	Hiện nay các hồ chứa nước An Mã, Tiên Lang, Vực Nồi, Thanh Sơn là những hồ chứa thuộc loại hồ lớn nhưng chưa có Quy trình vận hành nên rất khó khăn trong quá trình vận hành, khai thác hồ chứa nhiệm vụ thiết kế của công trình. Do đó, việc lập quy trình vận hành các hồ chứa nói trên là rất cần thiết	Việc xây dựng Quy trình vận hành hồ chứa nước nhằm nâng cao hiệu quả quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du, nhất là trong mùa mưa bão. Đồng thời nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng nguồn nước phục vụ sản xuất	Phục vụ cấp nước tưới cho 7.260 lúa 02 vụ, NTTS và nâng cao năng lực điều tiết, phòng lũ trong mùa mưa bão	Các huyện: Lệ Thủy, Quảng Trạch, Bố Trạch		
	Bảo trì kênh chính Bắc (kênh Hàm Bò) đập dâng Rào Sen	Hiện nay bờ phía hữu đê gia cố bằng bê tông đổ tại chỗ, mái bờ kênh gia cố bằng tấm lát bê tông lắp ghép, nay bê tông đê đã bị vỡ nhiều nơi, mái tấm lát bị sạt trượt gây mất an toàn cho công trình.	Gia cố lại đoạn bờ kênh hông bằng BTCT đảm bảo mặt cắt thiết kế	Tưới gần 100ha đất lúa 02 vụ, NTTS, chống úng khi có lũ tiểu mãn, trả lại dòng chảy để tiêu thoát lũ trong mùa lũ chính vụ	Huyện Lệ Thủy		
	Bảo trì gia cố đập dâng 4 cửa hồ Phú Hoà	Cổng 4 cửa Đập dâng hồ chứa nước Phú Hoà đưa vào sử dụng từ năm 2003 và ảnh hưởng của bão lũ năm 2024 gây xói lở mái thượng, hạ lưu gây hư hỏng trầm trọng cho an toàn công trình	Sửa chữa, gia cố mái đập dâng theo yêu cầu thiết kế	Điều tiết nước tưới 263ha đất trồng lúa 02 vụ	Huyện Lệ Thủy		
	Bảo trì Máng số 01 trên kênh chính hồ Trung Thuần (đoạn từ K0+250 đến K0+290)	Máng số 01 trên kênh chính, đoạn từ K0+250 đến K0+290 dài 40m có BxH=(0,7x1,0)m bằng BTCT nay mục thủng đáy máng, trụ máng nguy cơ sập gãy.	Làm lại cầu máng bằng BTCT, chuyển tải đủ nước tưới theo quy định thiết kế	Điều tiết nước tưới 186ha đất trồng lúa 02 vụ	Huyện Quảng Trạch		
	Bảo trì kênh chính Nam hồ Vực Tròn (đoạn từ K4+450 đến K6+830)	Hệ thống kênh chính Nam hồ Vực Tròn dài 28,4km, trong đó các đoạn từ K4+450 đến K5+710; K6+530 đến K6+830, có mặt cắt hình thang, đáy BTCT đổ tại chỗ, rộng 3,3m, mái BT tấm lát đúc sẵn, hệ số mái m=1,5, hiện nay bê tông tấm lát mái bị sạt trượt, đáy kênh bê tông nứt gãy, gây mất ổn định và nguy cơ vỡ kênh cần đầu tư sửa chữa, đảm bảo tuyến kênh làm việc ổn định.	Bọc lại kênh bằng BTCT, đảm bảo công trình ổn định, chuyển tải đủ nước tưới theo quy định thiết kế	Điều tiết nước tưới 1150ha đất trồng lúa 02 vụ	Huyện Quảng Trạch		

Đơn vị thực hiện	Công trình	Sự cần thiết	Mục tiêu, quy mô	Quy mô xây dựng	Địa điểm	Chiều dài (m)	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy Lợi Quảng Bình	Bảo trì trạm bơm Tiễn Thiệp	Nhà trạm bơm được xây dựng từ năm 1970, qua 54 năm sử dụng nay đã xuống cấp, hư hỏng nặng: trụ, dầm nhà, dầm cầu máy, ray, sàn chống lũ bằng BTCT bị bong, tróc nứt nẻ làm thép bị hoen rỉ nhiều; dầm cầu máy làm bằng gỗ bị cong vênh mối, mọt; gỗ vì kèo, li tô mái ngói đã hư hỏng;...	Xây dựng lại nhà trạm bơm đảm bảo vững chắc, ổn định lâu dài trong quản lý vận hành máy bơm, động cơ, thiết bị trạm bơm	Bơm nước tưới cho hơn 210ha lúa/năm	Xuân Thủy - Lệ Thủy		20.000
	Bảo trì kênh chính hồ Đồng Vạt	Hệ thống kênh chính dài 1,3km, BxH=(0,5x0,6)m trong đó đoạn kênh K0+220 đến K0+861 dài 641m kênh bằng BTCT đã bị sập	Đào bỏ kênh cũ làm lại kênh bằng BTCT	Điều tiết nước tưới 25ha đất trồng lúa 02 vụ	Huyện Quảng Trạch		
	Bảo trì hầm van côn, hệ thống kênh chính hồ Vực Nồi	Hầm van côn hạ lưu công áp lực hồ Vực Nồi bị ngập nước; kênh chính bị hư hỏng đoạn K0+K0-800 dài 800m bị mục bê tông tiếp giáp đáy với chân tường; kênh chính nam đoạn từ K1+150÷ K1+230 dài 80m mặt cắt kênh bị co hẹp không tải được lưu lượng theo yêu cầu	Làm kênh mới bằng BTCT	Điều tiết nước tưới 517ha đất trồng lúa 02 vụ, 23ha đất nuôi trồng thủy sản	Huyện Bố Trạch		
	Bảo trì đập Phường Bùn	Đập Phường Bùn có 8 khoang mỗi khoang có chiều cao trụ Pin 3,0m, rộng 2,2m. Hiện có 02 khoang giữa đã làm dãn van, cửa van và lắp máy đóng mở VS, còn lại 06 khoang vận hành khi tưới bằng lắp 02 hàng van phai đập đất ở giữa, khi có mưa lớn hoặc đến mùa lũ phải đào đất, tháo phai trả lại dòng chảy rất nguy hiểm trong qly vận hành	Sửa chữa trụ Pin bằng BTCT, làm dãn van, cửa van và máy đóng mở VS đảm bảo vận hành an toàn, ổn định lâu dài	Điều tiết nước phục vụ tưới 73 ha đất trồng lúa 2 vụ của Thị trấn Hoàn Lão	Huyện Bố Trạch		
	Bảo trì kênh chính hồ Đồng Sơn (K0+320÷-K0+720)	Hệ thống kênh chính hồ Đồng Sơn dài 2,7km, đoạn từ K0-320 đến K0+720 dài 400m; đáy bằng BTCT, tường xây gạch đất sét nung. Hiện nay đáy bê tông, tường gạch đã bị mục nát, hư hỏng nặng. Hệ thống kênh đều bị chìm sâu trong khu dân cư đông đúc, việc giải phóng mặt bằng không thể thực hiện được để nâng cấp kênh bằng BTCT trên toàn tuyến.	Đầu tư xây dựng đường ống HDPE đảm bảo dẫn nước, ổn định lâu dài	Điều tiết nước tưới 42ha đất trồng lúa 2vụ	TP Đồng Hới		

Đơn vị thực hiện	Công trình	Sự cần thiết	Mục tiêu, quy mô	Quy mô xây dựng	Địa điểm	Chiều dài (m)	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
	Bảo trì cửa van cung tràn xả lũ hồ Rào Đá	03 cánh cửa van cung tràn bằng thép được đưa vào sử dụng từ năm 2010 đến nay lớp sơn bảo vệ đã bị bong tróc, thép có hiện tượng rỉ sét nhiều nơi để đảm bảo tuổi thọ theo quy định thiết kế, cần được sơn lại	Cạo lớp sơn cũ, đánh rỉ, vệ sinh sạch bề mặt và sơn chống rỉ	Điều tiết xả lũ hồ Rào Đá	Huyện Quảng Ninh		
	Bảo trì kênh chính hồ Bẹ (đoạn từ K1+600 đến K1+790; K6+150-:-K6+370)	Đoạn kênh chính từ K1+600 đến K1+790 dài 190m có BxH=(1,2x0,9)m; K6+150-:-K6+370 dài 220m BxH=(0,6x0,7)m bằng BTCT không có giằng nay mực thúng BT tiếp giáp giữa đáy với tường gây xói gây tổn thất nước	Phá bỏ kênh cũ, Làm lại kênh bằng BTCT	Điều tiết nước tưới 262,82 ha đất trồng lúa 02 vụ, 0,22 nuôi trồng thủy sản	Huyện Tuyên Hóa		
	Bảo trì cống áp lực, hồ An Mã	Cửa sự cố bị hư hỏng không đóng kín được làm nước rò rỉ nhiều, gây thất thoát, các tấm đan đỡ 02 bệ máy đóng mở bị hư hỏng, nứt, lún, bông tróc, 03 cửa sổ nhà quản lý cống áp lực bị hư hỏng, xuống cấp.	Sửa chữa hư hỏng cửa cống, các tấm đan và cửa sổ nhà tháp cống áp lực.	Tạo nguồn tưới 4,500ha lúa/ năm và phục vụ dân sinh, môi trường cho sông Kiến Giang	huyện Lệ Thủy		
	Bảo trì cống áp lực hồ Rào Đá	Roăng cù tời cửa van phẳng bị rách; một số thiết bị, hệ thống thủy lực van côn hạ lưu cống áp bị hỏng	Thay roăng cù tời cửa van phẳng, thay thế thiết bị và sửa hệ thống thủy lực van côn	Điều tiết nước phục vụ tưới 1.632ha đất lúa 02 vụ, 14ha đất nuôi trồng thủy sản	Huyện Quảng Ninh		
	Bảo trì cống xả nước xuống sông Kiến Giang tại K0+190 trên kênh chính, hồ An Mã	Tấm đan lát bảo vệ kênh ở cửa vào cống, mái đá học lát khan hạ lưu cống sạt trượt, gây xói lở vào thân cống. Cầu thang công tác bằng thép bắc lên Dàn van bị hoen rỉ; cửa cống, máy đóng mở đã hỏng.	Gia cố lại cửa vào, ra, làm lại cầu thang, cửa cống và thay máy đóng, mở	Điều tiết nước tưới tạo nguồn 4.500ha lúa/ năm và phục vụ dân sinh, môi trường cho sông Kiến Giang	huyện Lệ Thủy		
	Bảo trì hư hỏng vật tư, máy móc, thiết bị trực đứng của 02 trạm bơm Hối Quan I 02 tổ), Hối Quan II (02 tổ). Thay lưới chắn rác các trạm bơm Hối Quan I, II, III; sửa chữa bể xả trạm bơm Hối Quan I	Hiện nay 04 tổ máy bơm loại trục đứng, công suất 2,400m ³ /h, động cơ 37Kw.h, n=980v/p có một số thiết bị đã hỏng cần sửa chữa, thay thế như: cánh quạt, bạc, bi, gối đỡ,... Lưới chắn rác ở các TB: Hối Quan I (3 cái), Hối Quan II (2 cái), Hối Quan III (3 cái) bị hỏng nguy cơ rác, cây nổi vào buồng hút máy bơm làm gây cánh quạt, hỏng máy bơm và động cơ. Bể xả TB Hối Quan I bị thủng tiếp giáp đáy với tường, cầu công tác bể xả bị hỏng	Thay 4 cánh quạt, thiết bị máy bơm và 08 lưới chắn rác	Tiêu úng, chống ngập cho 650ha lúa/năm	Huyện Lệ Thủy		

Đơn vị thực hiện	Công trình	Sự cần thiết	Mục tiêu, quy mô	Quy mô xây dựng	Địa điểm	Chiều dài (m)	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
	Bảo trì hệ thống công trình trạm bơm Hói Nặng	Nền nhà trạm bơm Hói Nặng bằng bê tông bị xuống cấp, hư hỏng không giữ cố định được 02 bộ máy bơm và động cơ, khi vận hành gây rung lắc. Lưới chắn rác ở máy bơm số 2 bị hỏng, không đảm bảo được nhiệm vụ chắn rác.	Làm lại nền nhà máy bằng BTCT, sửa bộ máy, Thay mới lưới chắn rác	Tiêu nước, chống úng cho 76ha đất lúa 02 vụ	Huyện Lệ Thủy		
	Bảo trì tấm đan mặt cầu qua cống Mỹ Trung	Các tấm đan làm đường giao thông qua cống có 80 tấm bị nứt gây ảnh hưởng đến việc lưu thông qua cống của người dân	Thay 80 tấm đan bị nứt vỡ	Ngăn mặn, giữ ngọt, TN tưới hơn 4.350ha lúa/năm, kết hợp cầu giao thông qua cống	Huyện Quảng Ninh		
	Bảo trì tràn chữ U đầu kênh Vạn Ninh và cầu máng tại K2+100-:- K2+112	Tràn chữ U đầu kênh Vạn Ninh dâng cột nước tưới cho kênh Vạn Ninh bằng đá học xây từ những năm 1960 bị mục vừa gây thất thoát nước, ảnh hưởng đến an toàn công trình. Cầu máng trên kênh Vạn Ninh đoạn từ K2+100 đến K2+120 dài 12m (BxH = 1,0x1,0) bị nứt, gây mặt cắt bị co hẹp không đảm bảo dẫn nước tưới theo nhiệm vụ thiết kế của tuyến kênh	Bảo trì, gia cố lại tràn và cầu máng bằng bê tông cốt thép	Dâng, dẫn nước tưới 263ha đất lúa 2vụ	Huyện Quảng Ninh		
	Bảo trì đoạn kênh N2A Bắc hồ Phú Vinh (đoạn từ K1+625 đến K2+025)	Tuyến kênh tưới bằng bê tông, kích thước BxH=50x60cm dài 400m, bê tông đã bị mục, phần đất dưới đáy kênh bị xói lở làm một số đoạn kênh bị sập hoàn toàn, hiện tại đang khắc phục tạm bằng ống nhựa để cấp nước tưới.	Phá dỡ làm lại bằng BTCT	Điều tiết nước tưới 55,2 ha đất trồng lúa 02 vụ	TP Đồng Hới		

PHỤ LỤC 3.5

**GIAO CHI TIẾT DANH MỤC SỬA CHỮA, TRÙNG TU, TÔN TẠO DI TÍCH VÀ BẢO TỒN,
PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA PHI VẬT THỂ NĂM 2025**

*(Kèm theo Tờ trình số: **2284** /TTr-UBND ngày **25** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Số tiền	Đơn vị thực hiện
1	Tu bổ, tôn tạo DTLS Mộ Mai Lượng, xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn	500	Bảo tàng Tổng hợp
2	Tu bổ, tôn tạo DTLS Chùa Ngọa Cương, xã Cảnh Hóa, huyện Quảng Trạch	2.000	Bảo tàng Tổng hợp
3	Tu bổ, tôn tạo DTLS Trận địa pháo Đại đội nữ dân quân Ngư Thủy, xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy	1.000	Bảo tàng Tổng hợp
4	Tu bổ, tôn tạo DTLS Đường Ba Trại - Ngã 3 Thọ Lộc, xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch	1.000	Bảo tàng Tổng hợp
5	Tu bổ, tôn tạo DTLS Lũy Đào Duy Từ (Lũy Nhật Lệ, Lũy Trường Dục), phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới và xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh	4.000	Bảo tàng Tổng hợp
6	Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn toàn tỉnh	1.000	Sở Văn hóa và Thể thao
7	Trích đo, xác định khu vực khoanh vùng bảo vệ các di tích trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	500	Bảo tàng Tổng hợp
	Tổng cộng	10.000	

12.

13.

14.

Phụ lục 3.6

DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ NĂM 2025 CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BỀN VỮNG GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2025

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Sở Văn hóa và Thể thao	6.900
1	Dự án kho lưu giữ, bảo quản hiện vật	4.000
2	Bảo dưỡng, sửa chữa di tích trong nội dung chống xuống cấp, tu bổ cấp thiết di tích cấp quốc gia Đình Lý Hòa	2.000
3	Tổ chức các lớp truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng (03 lớp)	900

PHỤ LỤC 3.7
DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 04
(Kèm theo Tờ trình số: **2234** /TTr-UBND ngày **25** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Kế hoạch 2025	
		Kinh phí đề xuất	Nội dung đề xuất
I	Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh	2.880	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	150	Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ giáo viên làm công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh.
2	Sở Thông tin - Truyền thông	100	Sản xuất chương trình phát thanh về công tác phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; cung cấp thông tin bằng sản phẩm báo chí phục vụ công tác phát triển nguồn nhân lực.
3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.230	Truyền thông về phát triển nguồn nhân lực (250tr) (bao gồm kinh phí tổ chức hoạt động về ngày Kỹ năng lao động: 50tr); Tổ chức Hội nghị tư vấn tuyển sinh, việc làm thanh niên, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an (80 triệu); Tổ chức Ngày hội tư vấn tuyển sinh, nghề nghiệp và việc làm (150 triệu); Kiểm tra giám sát, quản lý thực hiện chương trình (50tr); Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý (250 triệu); Tổ chức Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh và tham dự Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc (400tr); Tổng kết KH 463, CTHH số 04 (50 tr).
4	Tỉnh Đoàn	300	Tổ chức Hội nghị truyền thông, tư vấn hướng nghiệp, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho thanh niên; Tập huấn chuyển giao KHKT, khởi nghiệp, khởi sự doanh nghiệp cho đoàn viên, thanh niên
5	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	300	Tập huấn khởi nghiệp, khởi sự doanh nghiệp, thành lập THT, HTX, xây dựng mô hình sau học nghề cho các nhà quản lý DN nhỏ và vừa, phụ nữ, hội viên và cán bộ Hội cơ sở
6	Hội Nông Dân tỉnh	300	Tập huấn nâng cao nhận thức và bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, vai trò của nhân lực đối với sự phát triển KTXH; tổ chức các hoạt động tuyên truyền về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động nông thôn cho cán bộ, hội viên, nông dân; xây dựng mô hình mô hình du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các huyện có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng.
7	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	300	Video clip, phóng sự: Giao lưu - Đối thoại - Tọa đàm về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là những ngành, nghề kinh tế trọng điểm trên địa bàn tỉnh.
8	Báo Quảng Bình	100	Tổ chức tuyên truyền, đưa tin về phát triển nguồn nhân lực
9	Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh	100	Phát triển, nâng cao chuyên mục phát triển nguồn nhân lực; đưa tin bài tuyên truyền về chương trình phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề, hướng nghiệp, các chế độ, chính sách về GDNN.
II	UBND cấp huyện	2.110	
1	UBND thành phố Đồng Hới	300	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH463
2	UBND huyện Bố Trạch	350	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH464
3	UBND huyện Tuyên Hóa	300	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH465
4	UBND huyện Minh Hóa	280	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH466
5	UBND thị xã Ba Đồn	300	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH467
6	UBND huyện Quảng Ninh	280	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH468
7	UBND huyện Lệ Thủy	300	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH469

TT	Tên đơn vị	Kế hoạch 2025	
		Kinh phí đề xuất	Nội dung đề xuất
III	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	30.010⁴	
1	Trường Đại học Quảng Bình	400	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức khởi nghiệp cho sinh viên; Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo ngành, nghề kinh tế mũi nhọn của tỉnh.
2	Trường Cao đẳng Nghề Quảng Bình	2.000	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; biên soạn, đổi mới giáo trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm (500tr); Đầu tư mua sắm thiết bị các ngành, nghề trọng điểm (1.500tr)
3	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình	1.000	Xây dựng chương trình, giáo trình nghề điều dưỡng theo chuẩn khu vực Asean (100tr); Mua sắm thiết bị, mô hình phục vụ trực tiếp công tác giảng dạy (900tr)
4	Trường Cao đẳng KT Công - Nông nghiệp Quảng Bình	1.800	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý (300tr); Mua sắm máy móc, thiết bị đào tạo nghề trọng điểm (1.500tr)
5	Trường TC Du lịch - Công nghệ số 9	3.000	Mua sắm máy móc, thiết bị đào tạo nghề trọng điểm (800tr); Sửa chữa KTX, khuôn viên, hàng rào, nhà vệ sinh và một số hạ tầng khác (2.200tr)
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lệ Thủy	1.000	Sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng thực hành.
8	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Quảng Ninh	3.000	Sửa chữa nhà hiệu bộ, nhà xưởng đào tạo nghề.
9	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Quảng Trạch	3.000	Sửa chữa dây nhà phòng học, khu nhà làm việc hiệu bộ.
6	Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Ba Đồn	3.500	Sửa chữa nhà hoạt động hành chính trung tâm, phòng học lý thuyết và thực hành tin học, hội trường trung tâm.
7	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bố Trạch	3.500	Nâng cấp, xây dựng sân bãi và các hạng mục phụ trợ (500tr); Xây dựng nhà lớp học (3.000)
10	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tuyên Hóa	3.500	Mua sắm thiết bị phục vụ đào tạo nghề Kỹ thuật chế biến món ăn, May công nghiệp (500tr); Xây dựng nhà lớp học (3.000tr)
11	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Minh Hóa	2.000	Sửa chữa nhà hành chính (2000 tr)
12	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Bình	2.100	Xây dựng phòng học lý thuyết và thực hành đào tạo ngoại ngữ và kỹ năng nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ lao động đi làm việc ở nước ngoài.
13	Trung tâm GDNN và hỗ trợ ND-PN	210	Tập huấn khởi nghiệp, khởi sự doanh nghiệp, thành lập hợp tác xã, xây dựng mô hình sau học nghề; Xây dựng mô hình học thực hành nghề nghiệp vụ nhà hàng, mô hình học thực hành nghề bán hàng Marketing, livestream.
	Tổng cộng	35.000	

PHỤ LỤC 3.8

ĐỰ TOÁN CHI TIẾT NGUỒN THU PHÍ HẠ TẦNG CỬA KHẨU CHA LO

(Kèm theo Tờ trình số: **2234** /TTr-UBND ngày **15** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên công trình/dự án	Dự toán kinh phí (triệu đồng)	Cơ quan/đơn vị thực hiện
A	Sửa chữa hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình	400	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình
B	Sửa chữa hạ tầng các KCN, KKT Quảng Bình	12.984	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình
I	Khu vực Cha Lo	1.554	
1	Sửa chữa hai luồng xuất cảnh, nhập cảnh; sơn nhà làm việc Liên ngành Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (thuộc dự án Nhà Liên ngành và Quốc môn Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cha Lo)	1.100	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình
2	Sửa chữa công trình Quốc Môn cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (thuộc dự án Nhà Liên ngành và Quốc môn Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cha Lo)	454	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình
II	Khu vực Hòn La	6.930	
1	Sửa chữa mạng lưới thoát nước thải bằng ống nhựa HDPE D250 tại KCN Cảng biển Hòn La (thuộc dự án Xây dựng nhà máy xử lý nước thải KCN cảng biển Hòn La)	1.330	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình
2	Sửa chữa mặt đường đường DCD 02 KCN Cảng biển Hòn La (thuộc dự án Xây dựng hệ thống GT GĐ1 KCN cảng biển Hòn La)	5.600	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình
III	Khu vực KCN Tây Bắc Đồng Hới	4.500	
1	Sửa chữa mặt đường đường DCD 05 KCN Tây Bắc Đồng Hới (thuộc dự án: Xây dựng mặt, lề đường nội vùng Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới)	4.500	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình
	TỔNG CỘNG (A+B)	13.384	

Phụ lục 3.9

Chi tiết các nguồn giao cho UBND tỉnh giao chi tiết khi đủ điều kiện giao dự toán

*theo Tờ trình số: **2234** /TTr-UBND ngày **25** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình*

DVT: triệu đồng

STT	Danh mục, đơn vị	Các nguồn giao cho UBND tỉnh giao chi tiết khi có phát sinh
	TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	990.015
A	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	110.000
1	Mua xe	20.000
2	Đoàn ra, đoàn vào	10.000
3	Đại hội, ngày lễ, kinh phí Đại hội Đảng các cấp, Đại hội thể dục thể thao	50.000
4	Chi đột xuất hành chính khác	30.000
B	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	188.565
I	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC	153.065
1	SN giáo dục khác	30.000
2	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội thuộc sự nghiệp giáo dục	63.430
3	Kinh phí hợp đồng lao động theo ND 111	59.635
II	SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO	35.500
1	Sự nghiệp đào tạo Y tế	1.000
2	Sự nghiệp đào tạo thuộc Sở GD - DT	1.500
3	Đào tạo lại	3.000
4	Kinh phí thực hiện chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông	20.000
5	Đề án Nâng cao năng lực dạy và học ngoại ngữ	10.000
E	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	5.715
7	Sự nghiệp khoa học công nghệ	5.715
G	SỰ NGHIỆP KINH TẾ	528.153
1	Chương trình lâm nghiệp	98.640
2	Vốn đối ứng CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	8.932
3	Vốn đối ứng CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025	17.227
4	Chương trình bố trí dân cư	7.000
5	Kp thực hiện NQ hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ Giám sát hành trình	2.936
6	Kinh phí thực hiện Quyết định 48/QĐ-TTg	320.136
7	Kinh phí thực hiện chuyển đổi số	20.000
8	Vốn đối ứng nước ngoài và đối ứng khác	2.000
9	Kinh phí quy hoạch và kinh phí khác còn lại	51.282
I	ĐẢM BẢO XÃ HỘI	109.082
1	Chế độ bảo trợ xã hội	85.510
2	Đột xuất khác	15.000
3	Kinh phí thực hiện Đề án 1371	3.572
4	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2026 và Nghị quyết hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy	5.000
K	QUỐC PHÒNG, AN NINH	3.500

STT	Danh mục, đơn vị	Các nguồn giao cho UBND tỉnh giao chi tiết khi có phát sinh
1	Kinh phí ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia	3.500
2	Đợt xuất ANQP	10.000
L	CHI KHÁC	35.000
2	Hỗ trợ các đơn vị và đợt xuất khác	35.000
M	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội (theo số phát sinh thực tế)	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2025

Phụ lục số 4a

(Kèm theo Tờ trình số: 2234 /TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	Tổng số	Minh Hóa	Tuyên Hóa	Quảng Trạch	Ba Đồn	Bố Trạch	Đồng Hới	Quảng Ninh	Lệ Thủy
1	Tổng thu NSNN trên địa bàn	3.366.370	28.360	112.270	290.350	303.750	395.860	1.725.450	273.300	237.030
	<i>Ngân sách địa phương được hưởng</i>	<i>2.384.515</i>	<i>25.815</i>	<i>99.890</i>	<i>240.540</i>	<i>253.885</i>	<i>319.720</i>	<i>1.012.425</i>	<i>225.410</i>	<i>206.830</i>
1	Thu XNQĐ địa phương	7.700						7.700		
2	Thu DN có vốn DTNN	0								
3	Thuế CTN & DV NQĐ	353.500	9.500	33.000	24.000	34.000	61.000	110.000	28.000	54.000
4	Lệ phí trước bạ	245.000	6.000	13.500	20.000	25.000	35.000	99.000	21.000	25.500
5	Thuế sử dụng đất phi NN	10.650	10	10	50	200	150	10.000	80	150
6	Thu tiền thuê đất	15.460	140	360	500	550	660	11.800	550	900
7	Thuế thu nhập cá nhân	113.180	1.900	3.500	7.800	11.000	21.000	52.000	6.400	9.580
8	Thu phí và lệ phí	45.000	2.200	7.200	3.000	3.800	7.400	11.200	4.300	5.900
	- Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản	14.000	300	5.000	200	1.000	1.900	1.500	2.200	1.900
	- Phí tham quan	900	900							
9	Thu tiền sử dụng đất	2.480.000	5.000	45.000	228.000	220.000	255.200	1.396.800	200.000	130.000
	<i>Trong đó thu tiền sử dụng đất</i>	<i>2.257.807</i>	<i>5.000</i>	<i>45.000</i>	<i>228.000</i>	<i>220.000</i>	<i>255.200</i>	<i>1.174.607</i>	<i>200.000</i>	<i>130.000</i>
	<i>Ghi thu ghi chi chi phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất các dự án tại ngân sách cấp tỉnh</i>	<i>222.193</i>						<i>222.193</i>		
10	Thu khác	72.800	3.000	6.000	5.500	7.500	12.000	24.000	7.500	7.300
	<i>Trong đó: Thu khác NSTW</i>	<i>30.850</i>	<i>1.480</i>	<i>2.490</i>	<i>2.480</i>	<i>5.590</i>	<i>5.070</i>	<i>8.300</i>	<i>2.250</i>	<i>3.190</i>
	<i>Thu tiền và bảo vệ đất trồng lúa</i>	<i>2.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>		<i>50</i>	<i>300</i>	<i>550</i>	<i>500</i>	<i>600</i>
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	7.980	600	3.500	0	400	250	1.500	430	1.300
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14.000	10	200	1.500	1.300	3.200	350	5.040	2.400
13	Thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP được hưởng 100%	1.100						1.100		
II	Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý	93.055	80	7.517	4.424	700	10.053	64.500	1.453	4.329
1	Thu tiền thuê đất	57.230	80	600	1.500	700	4.000	46.500	1.250	2.600
2	Thu phí tham quan	5.550					5.550			
3	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	18.000						18.000		
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	12.275		6.917	2.924		503		203	1.729

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số: **2234** /TTr-UBND ngày **25** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)

DVT: triệu đồng

Phụ lục số 4b

STT	Chỉ tiêu	Tổng số DT 2025	Minh Hóa DT 2025	Tuyên Hóa DT 2025	Quảng Trạch DT 2025	Ba Đồn DT 2025	Bố Trạch DT 2025	Đồng Hới DT 2025	Quảng Ninh DT 2025	Lệ Thủy DT 2025
A	TỔNG SỐ THU NSDP (I+II+III+IV)	10.056.899	867.693	872.691	1.078.187	1.107.228	1.565.662	2.300.897	940.219	1.324.322
	Trong đó: NSDP được hưởng	8.852.851	865.148	860.311	1.028.377	1.057.363	1.489.522	1.365.679	892.329	1.294.122
I	Thu cân đối NSDP trên địa bàn	3.366.370	28.360	112.270	290.350	303.750	395.860	1.725.450	273.300	237.030
	Trong đó: NSDP được hưởng	2.162.322	25.815	99.890	240.540	253.885	319.720	790.232	225.410	206.830
1	Tiền cấp quyền sử dụng đất	2.480.000	5.000	45.000	228.000	220.000	255.200	1.396.800	200.000	130.000
	Trong đó NSDP hưởng	1.314.982	4.455	35.290	180.920	176.000	184.460	475.782	154.635	103.440
2	Các khoản thu cân đối còn lại	886.370	23.360	67.270	62.350	83.750	140.660	328.650	73.300	107.030
	Trong đó NSDP hưởng	847.340	21.360	64.600	59.620	77.885	135.260	314.450	70.775	103.390
II	Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý	93.055	80	7.517	4.424	700	10.053	64.500	1.453	4.329
III	Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang	163.201	4.599	7.588	6.027	8.141	9.268	107.327	12.159	8.092
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.434.273	834.654	745.317	777.386	794.637	1.150.482	403.620	653.307	1.074.872
1	Bổ sung cân đối	3.927.840	533.221	448.015	471.135	463.617	714.274	209.361	420.250	667.968
	Trong đó số BSCĐ tăng thêm do giảm thu dự toán 2025 so với dự toán 2023	161.427	3.113	0	21.786	29.217	39.663	55.602	7.377	4.669
2	Bổ sung có mục tiêu	832.870	98.024	81.531	99.278	137.325	109.136	103.307	77.740	126.527
3	Bổ sung để thực hiện chính sách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng theo quy định	1.673.563	203.409	215.770	206.974	193.695	327.071	90.952	155.317	280.376
B	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NSNN	8.852.851	865.148	860.311	1.028.377	1.057.363	1.489.522	1.365.679	892.329	1.294.122
I	Chi xây dựng cơ bản	1.492.212	26.407	55.356	200.637	195.752	213.360	496.239	173.779	130.682
1	Vốn tập trung trong nước	177.230	21.952	20.066	19.717	19.752	28.900	20.457	19.144	27.242
2	Vốn đầu tư từ nguồn SD đất	1.314.982	4.455	35.290	180.920	176.000	184.460	475.782	154.635	103.440
-	Vốn từ cấp quyền sử dụng đất	1.314.982	4.455	35.290	180.920	176.000	184.460	475.782	154.635	103.440
II	Chi thường xuyên	6.350.051	725.374	708.170	709.880	705.885	1.139.418	723.245	624.518	1.013.561
	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	3.684.486	444.623	416.844	415.091	386.986	703.923	387.049	355.880	574.091
III	Dự phòng ngân sách	159.718	15.342	15.254	18.582	18.401	27.608	24.887	16.292	23.352
C	Chi mục tiêu từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với rác thải	18.000						18.000		

STT	Chi tiêu	Tổng số	Minh Hóa	Tuyên Hóa	Quảng Trạch	Ba Đồn	Bố Trạch	Đồng Hới	Quảng Ninh	Lệ Thủy
		DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025
D	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	832.870	98.024	81.531	99.278	137.325	109.136	103.307	77.740	126.527
1	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	2.201	89	165	218	369	306	653	145	257
2	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất trường học, đạt chuẩn quốc gia, đạt tiêu chí trường học	101.100	10.050	12.750	10.650	10.350	24.750	10.050	8.250	14.250
3	Kinh phí ứng dụng phần mềm ngành tài chính công khai ngân sách; kinh phí đào tạo...	3.934	388	485	477	448	666	444	405	621
4	Kinh phí vận hành Quảng trường, trang trí các ngày lễ lớn, nhiệm vụ vệ sinh môi trường, chăm sóc công viên cây xanh, vận hành hệ thống điện, tiển điện chiếu sáng, trang trí trên địa bàn TP Đồng Hới năm 2024	15.000						15.000		
5	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội tăng thêm	321.311	50.674	33.052	33.596	30.474	35.303	38.657	37.182	62.374
6	Bổ sung tăng sự nghiệp kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ xử lý môi trường, chỉnh trang đô thị, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình xây dựng cơ bản,...	96.198	12.934	12.055	9.924	10.081	16.262	10.699	9.441	14.802
7	Hỗ trợ chi hành chính đặc thù huyện xa trung tâm, biên giới giáp Lào	2.000	1.000	1.000						
8	Kinh phí hỗ trợ hàng tháng đối với cán bộ không chuyên trách ở thôn và tổ dân phố	50.785	6.503	7.194	5.728	5.290	2.359	7.009	6.290	10.412
9	Kinh phí tiền lương đối với hợp đồng giáo viên theo Nghị quyết 193/NQ-HĐND ngày 11/07/2024	42.753	4.080	3.372	6.082	4.123	7.821	6.542	4.164	6.569
10	Kinh phí tiền lương và chi hoạt động đối với hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP đối với khối quản lý nhà nước	29.015	4.879	2.649	3.466	2.655	3.883	3.171	3.663	4.648
11	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở năm 2024 theo Nghị quyết 70/2024/NQ-HĐND ngày 20/6/2024	47.058	3.663	4.597	4.618	4.115	9.926	7.651	4.421	8.067
12	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 77/2024 ngày 25/10/2024 về quy định mức hỗ trợ đối với nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản	10.064	615	1.261	1.067	1.120	2.463	1.182	929	1.426
13	Cơ chế đặc thù hỗ trợ thực hiện Nghị quyết 13/- NQTU cho thị xã Ba Đồn, đạt đô thị loại III năm 2026	65.000				65.000				
14	Kinh phí chỉnh trang đô thị tại Trung tâm huyện lỵ Quảng Trạch đạt đô thị loại V năm 2025	20.000			20.000					

STT	Chỉ tiêu	Tổng số	Minh Hóa	Tuyên Hóa	Quảng Trạch	Ba Đồn	Bố Trạch	Đồng Hới	Quảng Ninh	Lệ Thủy
		DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025
15	Hỗ trợ kinh phí triển khai Đề án phát triển hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin	11.600	1.000	1.500	1.500	2.000	2.300	1.000	1.000	1.300
16	Hỗ trợ kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, định giá đất...	4.000	500	500	500	500	500	500	500	500
17	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án 06 và chuyển đổi số	7.550	750	950	850	800	1.400	750	750	1.300
18	Hỗ trợ kinh phí sắp xếp đơn vị hành chính	3.300	900	0	600	0	1.200	0	600	0

**PHÂN BỐ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025**

*(Kèm theo Tờ trình số **2234** /TTr-UBND ngày **25** tháng **11** năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình)*

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Nguồn vốn thực hiện năm 2025			Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW	NS Tỉnh		
	Tổng số	70.146	35.073	35.073		
I	TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CƠ SỞ	4.000	2.000	2.000		
1	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	4.000	2.000	2.000	Sở Thông tin và Truyền thông	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 82 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
II	TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN	21.267	12.572	8.695		
1	Tiểu mục 1: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hoá đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.	15.767	9.422	6.345		Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 9, Điều 10, Mục 2, Thông tư 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ NN&PTNT; Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 87, Điều 88, Điều 89, Điều 90, Điều 91 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
1.1	Sở Nông nghiệp và PTNT	10.767	6.922	3.845	Sở NN&PTNT	
1.2	Huyện Quảng Ninh	1.000	500	500	UBND huyện	
1.3	Huyện Bố Trạch	600	300	300	UBND huyện	
1.4	Huyện Lệ Thủy	1.000	500	500	UBND huyện	
1.5	Thị xã Ba Đồn	1.000	500	500	UBND thị xã	
1.6	Huyện Tuyên Hóa	800	400	400	UBND huyện	
1.7	Huyện Minh Hóa	600	300	300	UBND huyện	

TT	Nội dung	Nguồn vốn thực hiện năm 2025			Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW	N\$ Tỉnh		
2	Tiểu mục 2: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển cơ giới hoá, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị	3.500	1.950	1.550	Chi Cục Phát triển nông thôn	Thực hiện nhiệm vụ tại Mục 4, Điều 12 Thông tư 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ NN&PTNT; Điều 87 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính; Kế hoạch số 493/KH-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh QB; thực hiện các nội dung tại Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 2404/KH-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình
3	Tiểu mục 3: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với liên kết theo chuỗi giá trị	500	250	250	Chi Cục Phát triển nông thôn	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 90 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
4	Tiểu mục 4: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản, đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ	1.000	650	350		Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 91, Điều 92 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
	- Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại	800	550	250	Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại	
	- Sở Công thương	200	100	100	Sở Công thương	
5	Chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	500	300	200	Liên minh HTX	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 90 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
III	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI DÂN NÔNG THÔN	3.600	1.900	1.700		
1	Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải tạo sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	3.600	1.900	1.700	Sở Y tế	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 98, Điều 99 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
IV	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG; XÂY DỰNG CẢNH QUAN NÔNG THÔN SÁNG - XANH - SẠCH - ĐẸP, AN TOÀN; GIỮ GÌN VÀ KHÔI PHỤC CẢNH QUAN TRUYỀN THỐNG NÔNG THÔN	16.099	8.646	7.453		
1	Xây dựng và triển khai thí điểm mô hình cung cấp nước sạch quy mô hộ gia đình cho cộng đồng dân cư vùng nông thôn	1.700	850	850	Văn phòng Điều phối NTM tỉnh	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 108 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính; Điều 20 Thông tư 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ NN&PTNT

TT	Nội dung	Nguồn vốn thực hiện năm 2025			Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW	NS Tỉnh		
2	Tiểu mục 1: Nâng cao chất lượng môi trường (Thực hiện Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn, bao gồm tập huấn)	2.700	1.700	1.000	Trung tâm NS và Vệ sinh MTNT	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 20 Mục 3, Thông tư 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ NN&PTNT; Điều 108 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
3	Tiểu mục 2: Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống - Phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giữ gìn khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn	11.699	6.096	5.603	Văn phòng Điều phối NTM tỉnh	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 106 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính; Điều 17, Điều 19, Điều 20 Mục 3, Thông tư 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ NN&PTNT
V	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG, HOẠT ĐỘNG CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ; THÚC ĐẨY CHUYÊN ĐỔI SỞ TRONG NÔNG THÔN MỚI, TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG MINH; BẢO ĐẢM VÀ TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN, GIAI PHÁP BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI.	300	150	150		
1	Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý	300	150	150	Sở Tư Pháp	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 112, Điều 113 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
VI	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	3.150	1.600	1.550		
1	Thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	800	500	300	Ủy ban MTTQVN tỉnh	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 115 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
2	Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả chương trình tri thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM.	600	300	300	Tỉnh Đoàn	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 118 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
3	Chi hỗ trợ triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025"; Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"	800	500	300	Hội LH Phụ nữ	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 117, 119 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính

TT	Nội dung	Nguồn vốn thực hiện năm 2025			Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW	NS Tỉnh		
4	Chi triển khai Phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng"	800	300	500	Hội Nông dân	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 116 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
5	Tuyên truyền cho hội viên về XDNTM	150		150	Hội Cựu chiến binh	
VII	GIỮ VỮNG QUỐC PHÒNG AN NINH VÀ TRẬT TỰ XÃ HỘI NÔNG THÔN	3.060	1.550	1.510		
1	Chỉ tuyên truyền, tập huấn, sơ kết, tổng kết	500	250	250	Công an tỉnh	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 120 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
2	Chỉ tăng cường đảm bảo an ninh và trật tự xã hội nông thôn; chỉ xây dựng lực lượng dân quân; xây dựng địa bàn nông thôn	2.560	1.300	1.260	UBND các huyện, TP, TX	Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 121 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính; hỗ trợ bình quân 20tr/xã
2,1	Huyện Lệ Thủy	480	240	240		
2,2	Huyện Quảng Ninh	280	140	140		
2,3	TP Đồng Hới	120	60	60		
2,4	Huyện Bố Trạch	500	260	240		
2,5	Huyện Quảng Trạch	340	180	160		
2,6	Thị xã Ba Đồn	200	100	100		
2,7	Huyện Tuyên Hóa	360	180	180		
2,8	Huyện Minh Hóa	280	140	140		
VIII	TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH; NÂNG CAO NĂNG LỰC, TRUYỀN THÔNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI; THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA CẢ NƯỚC CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	7.570	3.355	4.215		Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 4, Điều 122, Điều 123, Điều 124 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
1	Cấp tỉnh	3.230	1.465	1.765		
1,1	BCĐ các chương trình MTQG tỉnh	150	75	75	Sở KHĐT	
1,2	Văn phòng UBND tỉnh	70	35	35	VP UBND tỉnh	
1,3	Sở Tài chính	100	50	50	Sở Tài chính	
1,4	Cơ quan chủ quản chương trình	100	50	50	Sở NN&PTNT	
1,5	Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Bình	400	200	200	Đài PT-TH QB	

TT	Nội dung	Nguồn vốn thực hiện năm 2025			Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW	NS Tỉnh		
1,6	Báo Quảng Bình	150	75	75	Báo QB	
1,7	Trung tâm Khuyến nông	200	100	100	Trung tâm KN-KN	
1,8	Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG XDNTM tỉnh	2.060	880	1.180	VPDP NTM	
-	Chi mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp	90	45	45		
-	Chi kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung thuộc các nội dung thành phần của Chương trình và kiểm tra, giám sát, đánh giá chung Chương trình	70	35	35		
-	Chi tổ chức Hội nghị, hội thảo; chi tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình; công tác phi cho cán bộ đi dự các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn của trung ương, tỉnh, huyện	250	125	125		
-	Chi tổ chức khảo sát, thăm tra, thẩm định thôn, xã, cấp huyện, cấp tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu	50	25	25		
-	Truyền thông về xây dựng NTM	500	250	250		
-	Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực cho cán bộ và người dân về xây dựng nông thôn mới	900	400	500		
-	Học tập kinh nghiệm về xây dựng nông thôn mới	200	0	200		
2	Cấp huyện	4.340	1.890	2.450	UBND các huyện, TP, TX	Chia theo đầu xã, mỗi xã 30tr, sau đó bổ sung thêm cho huyện Lệ Thủy 100 tr do năm 2025 có 06 xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và 05 thôn bản đạt chuẩn NTM tại các xã ĐBK (Các huyện khác có ít xã đạt chuẩn hơn, Lệ Thủy đạt mục tiêu gấp 3 lần các huyện khác)
2,1	Huyện Lệ Thủy	820	360	460		
2,2	Huyện Quảng Ninh	420	210	210		

TT	Nội dung	Nguồn vốn thực hiện năm 2025			Đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW	NS Tỉnh		
2,3	TP Đồng Hới	380	90	290		Thành phố Đồng Hới trong quá trình thực hiện, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo mục tiêu đã đặt ra tại Nghị quyết Tỉnh Đảng Bộ, bổ sung thêm 200tr ngoài mức hỗ trợ bình quân 30 tr đ/xã
2,4	Huyện Bố Trạch	750	360	390		
2,5	Huyện Quảng Trạch	510	240	270		
2,6	Thị xã Ba Đồn	500	150	350		Thị xã Ba Đồn trong quá trình thực hiện, hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo mục tiêu đã đặt ra tại Nghị quyết Tỉnh Đảng Bộ; bổ sung thêm 200tr ngoài mức hỗ trợ bình quân 30 tr đ/xã
2,7	Huyện Tuyên Hóa	540	270	270		
2,8	Huyện Minh Hóa	420	210	210		
IX	DUY TU BẢO DƯỠNG, VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH SAU ĐẦU TƯ	5.100	3.300	1.800		Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 124a, Thông tư 75/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
1	TP Đồng Hới	1.800	900	900	UBND TP	Tập trung nguồn vốn cho 2 huyện hoàn thành NTM
2	Thị xã Ba Đồn	1.800	900	900	UBND thị xã	Tập trung nguồn vốn cho 2 huyện hoàn thành NTM
3	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch tập trung.	1.500	1.500		Trung tâm NS và Vệ sinh MTNT	
X	KHEN THƯỞNG	6.000	0	6.000		Thực hiện nhiệm vụ tại Điều 122, Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính; Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND
DỰ THẢO

Quảng Bình, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương
và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027;

Căn cứ Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 160/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2025;

Theo đề nghị của UBND tỉnh Quảng Bình tại Tờ trình số 2234/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thông qua Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025; Sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2025:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025

1. Tổng thu ngân sách nhà nước: 17.954.845 triệu đồng, bao gồm:

a. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 6.937.000 triệu đồng, trong đó:

- Thu nội địa: 5.487.000 triệu đồng

- Thu thuế xuất nhập khẩu: 1.450.000 triệu đồng

b. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 10.226.145 triệu đồng

c. Thu vay lại Chính phủ: 346.000 triệu đồng

e. Thu chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang: 445.700 triệu đồng

Trong đó thu ngân sách địa phương được hưởng: 16.200.395 triệu đồng

2. Tổng chi ngân sách địa phương: 16.200.395 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 3.146.234 triệu đồng;

- Chi thường xuyên: 10.877.110 triệu đồng;

- Chi dự phòng ngân sách: 353.769 triệu đồng;

- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng;

- Chi trả nợ tiền gốc và lãi vay: 141.100 triệu đồng

- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu Trung ương: 1.681.183 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 và 02 đính kèm theo)

Điều 2. Thông qua phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025

1. Một số quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương năm 2025.

1. Thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách địa phương theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh. Riêng thuế bảo vệ môi trường thực hiện phân chia điều chỉnh theo Nghị quyết của Quốc hội, 60% phân chia cho NSDP (tỉnh Quảng Bình tỷ lệ phân chia là 100%), 40% điều tiết về NSTW; Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Đối với giấy phép do cơ quan trung ương cấp, thực hiện phân chia 70% cho ngân sách trung ương, 30% cho ngân sách địa phương; Đối với giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, thực hiện để lại 100% số thu cho ngân sách địa phương. Điều tiết ngân sách tình huống 100% đối với phần ngân sách địa phương được hưởng, ổn định trong giai đoạn 2023-2025.

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022. Căn cứ dự toán thu, chi năm 2025, xác định lại số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho các địa phương năm 2025 trên nguyên tắc tăng số bổ sung cân đối để bù giảm thu dự toán 2025 so với dự toán 2023 (là

năm đầu xác định lại số bổ sung cân đối) để đảm bảo mặt bằng chi không thấp hơn dự toán 2023.

3. Dự toán chi thường xuyên năm 2025 đã tính toán đầy đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ do Trung ương và HĐND tỉnh ban hành có hiệu lực đến thời điểm 01/12/2025 (trong đó bao gồm kinh phí khen thưởng đối với đảng viên được tặng huy hiệu Đảng).

4. Về số thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông: phân bổ cho các lực lượng của tỉnh: 70%, các lực lượng tại các huyện, thành phố, thị xã 30%.

5. Hỗ trợ kinh phí chi trả tiền lương tăng thêm theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang cho đối tượng hợp đồng theo ND 111/2023/NĐ-CP cho khối hành chính, theo nguyên tắc tăng 30% mức lương hiện hưởng đối với số biên chế hợp đồng hiện có.

6. Hỗ trợ kinh phí cho Làng trẻ em SOS theo mức hỗ trợ được xác định trên cơ sở định mức quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và khung hỗ trợ đang áp dụng với các đối tượng có hoàn cảnh tương tự tại các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh.

II. Phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025

1. Dự toán thu chi ngân sách cấp tỉnh

1.1. Tổng thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng: 7.347.543 triệu đồng, trong đó:

- Thu ngân sách cấp tỉnh được hưởng theo phân cấp: 2.927.172 triệu đồng;

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 3.791.872 triệu đồng;

- Thu từ nguồn vay lại Chính phủ: 346.000 triệu đồng.

- Thu chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang: 282.499 triệu đồng;

1.2. Tổng chi ngân sách cấp tỉnh: 7.347.543 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 1.654.021 triệu đồng;

- Chi thường xuyên: 3.676.188 triệu đồng;

- Chi dự phòng ngân sách: 194.051 triệu đồng;

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng;

- Chi trả nợ tiền gốc và lãi vay: 141.100 triệu đồng.

- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu Trung ương: 1.681.183 triệu đồng.

2. Dự toán thu, chi ngân sách cấp huyện

2.1. Tổng thu ngân sách cấp huyện được hưởng 8.852.851 triệu đồng, trong đó:

- Thu ngân sách cấp huyện được hưởng theo phân cấp: 2.255.377 triệu đồng;

- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 6.434.273 triệu đồng.

- Thu chuyển nguồn năm 2024 chuyển sang: 163.201 triệu đồng;

2.2. Tổng chi ngân sách cấp huyện: 8.852.851 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 1.492.212 triệu đồng;

- Chi thường xuyên: 7.200.921 triệu đồng;

- Chi dự phòng ngân sách: 159.718 triệu đồng;

(Chi tiết tại các Phụ lục đính kèm theo)

III. Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán mua sắm tài sản, trang thiết bị, kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các công trình, với số tiền 274.175 triệu đồng, gồm:

1. Nguồn sự nghiệp giáo dục – đào tạo: 105.000 triệu đồng;

2. Nguồn Chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo Chương trình hành động 04-TU và kế hoạch 463 của UBND tỉnh: 28.500 triệu đồng;

3. Kinh phí mua sắm cải tạo, nâng cấp tài sản công – sự nghiệp kinh tế: 80.000 triệu đồng;

4. Kinh phí cải tạo, nâng cấp tài sản – sự nghiệp môi trường: 18.291 triệu đồng.

5. Kinh phí cải tạo, nâng cấp khu kinh tế: 13.384 triệu đồng.

6. Kinh phí sửa chữa duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều: 14.000 triệu đồng.

7. Kinh phí mua sắm sự nghiệp y tế: 15.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 3.2;3.3;3.4;3.7;3.8 kèm theo)

IV. Giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một số nội dung trong dự toán chi ngân sách năm 2025: giao bổ sung dự toán năm 2024 cho các đơn vị dự toán cấp I đối với các nhiệm vụ chưa xác định được rõ đơn vị thực hiện trong dự toán đầu năm và các nội dung dự kiến phát sinh nhưng chưa có chủ trương của cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện tại các nguồn chi chung chưa giao nhiệm vụ thuộc dự toán ngân sách năm 2025 và Báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm 2025.

(Chi tiết tại Phụ lục số 3.9 kèm theo)

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các cơ quan ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Bình, Đài PTTH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện 2024	Dự toán 2025		So sánh		
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương	DTĐP 2024	ƯTH 2024	DTTW 2025
A	PHẦN THU								
	Tổng thu NSNN (I+II+III)	14.903.229	15.083.210	15.879.817	17.077.145	17.954.845	119,0%	113,1%	105,1%
	<i>Trong đó: NSDP được hưởng</i>	<i>13.952.409</i>	<i>14.049.090</i>	<i>14.061.517</i>	<i>15.335.586</i>	<i>16.200.395</i>	<i>115,3%</i>	<i>115,2%</i>	<i>105,6%</i>
I	Thu tại địa bàn (1+2)	6.070.000	6.101.960	6.962.000	6.505.000	6.937.000	113,7%	99,6%	106,6%
1	Thu cân đối ngân sách	5.370.000	5.370.000	5.380.000	5.055.000	5.487.000	102,2%	102,0%	108,5%
1.1	Thu DNNN TW	175.000	175.000	171.000	170.000	170.000	97,1%	99,4%	100,0%
1.2	Thu DNNN ĐP	90.000	90.000	128.000	112.000	112.000	124,4%	87,5%	100,0%
1.3	Thu từ DN đầu tư nước ngoài	145.000	145.000	120.000	130.000	130.000	89,7%	108,3%	100,0%
1.4	Thu từ khu vực kinh tế NQD	882.000	882.000	928.000	920.000	920.000	104,3%	99,1%	100,0%
1.5	Thu thuế trước bạ	245.000	245.000	260.000	245.000	245.000	100,0%	94,2%	100,0%
1.6	Thuế SD đất phi NN	12.000	12.000	15.000	15.000	15.000	125,0%	100,0%	100,0%
1.7	Thu tiền thuê đất	130.000	130.000	303.000	130.000	130.000	100,0%	42,9%	100,0%
1.8	Thuế thu nhập cá nhân	225.000	225.000	248.000	240.000	240.000	106,7%	96,8%	100,0%
1.9	Thu phí, lệ phí	235.000	235.000	290.000	255.000	255.000	108,5%	87,9%	100,0%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>35.300</i>	<i>35.300</i>	<i>28.000</i>	<i>29.000</i>	<i>29.000</i>	<i>82,2%</i>	<i>103,6%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>199.700</i>	<i>199.700</i>	<i>262.000</i>	<i>226.000</i>	<i>226.000</i>	<i>113,2%</i>	<i>86,3%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>Trong đó: Phí BVMT đối với KTKS</i>	<i>43.000</i>	<i>43.000</i>	<i>57.000</i>	<i>58.000</i>	<i>58.000</i>	<i>134,9%</i>	<i>101,8%</i>	<i>100,0%</i>
1.10	Thu tiền sử dụng đất	2.600.000	2.600.000	2.270.000	2.048.000	2.480.000	95,4%	109,3%	121,1%
1.11	Thuế bảo vệ môi trường	315.000	315.000	265.000	465.000	465.000	147,6%	175,5%	100,0%
	<i>- Thu từ hàng hóa nhập khẩu</i>	<i>126.000</i>	<i>126.000</i>	<i>106.000</i>	<i>186.000</i>	<i>186.000</i>	<i>147,6%</i>	<i>175,5%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>- Thu từ hàng hóa SX trong nước</i>	<i>189.000</i>	<i>189.000</i>	<i>159.000</i>	<i>279.000</i>	<i>279.000</i>	<i>147,6%</i>	<i>175,5%</i>	<i>100,0%</i>
1.12	Thu khác ngân sách	185.000	185.000	216.000	185.000	185.000	100,0%	85,6%	100,0%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>77.000</i>	<i>77.000</i>	<i>85.600</i>	<i>73.300</i>	<i>75.300</i>	<i>97,8%</i>		<i>100,0%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>108.000</i>	<i>108.000</i>	<i>130.400</i>	<i>109.700</i>	<i>109.700</i>	<i>101,6%</i>	<i>84,1%</i>	<i>100,0%</i>
	<i>Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa</i>	<i>20.900</i>	<i>20.900</i>	<i>14.600</i>	<i>19.700</i>	<i>19.700</i>			
1.13	Thu cấp quyền KT Khoáng sản	37.000	37.000	52.000	37.400	37.400	101,1%	71,9%	100,0%
	<i>Trong đó: - Trung ương</i>	<i>13.600</i>	<i>13.600</i>	<i>20.000</i>	<i>16.500</i>	<i>16.500</i>	<i>121,3%</i>		<i>100,0%</i>
	<i>- Địa phương</i>	<i>23.400</i>	<i>23.400</i>	<i>32.000</i>	<i>20.900</i>	<i>20.900</i>	<i>89,3%</i>	<i>65,3%</i>	<i>100,0%</i>
1.14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14.000	14.000	23.000	14.000	14.000	100,0%	60,9%	100,0%
1.15	Thu Xổ số kiến thiết	75.000	75.000	83.000	82.000	82.000	109,3%	98,8%	100,0%
1.16	Thu tiền sử dụng khu vực biển	3.000	3.000	2.700	2.600	2.600			100,0%
1.17	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng 100%	2.000	2.000	5.300	4.000	4.000	200,0%	75,5%	100,0%

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện 2024	Dự toán 2025		So sánh		
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương	DTBP 2024	ƯTH 2024	DTTW 2025
2	Thu từ XNK	700.000	700.000	1.582.000	1.450.000	1.450.000	207,1%	91,7%	100,0%
3	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ		31.960						
II	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.591.329	8.591.329	8.591.329	10.226.145	10.226.145	119,0%	119,0%	100,0%
1	Bổ sung cân đối	4.864.703	4.864.703	4.864.703	4.962.003	4.962.003	102,0%	102,0%	100,0%
2	Bổ sung có mục tiêu từ NSTW	2.946.675	2.946.675	2.946.675	3.059.830	3.059.830	103,8%	103,8%	100,0%
3	Bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	779.951	779.951	779.951	2.204.312	2.204.312			
III	Vay lại Chính phủ	241.900	241.900	178.467	346.000	346.000	143,0%	193,9%	100,0%
IV	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		148.021	148.021	12.891	445.700		301,1%	
	PHÂN CHI			688.894	0	0			
	TỔNG CHI NSDP (A+B+C+D)	13.952.409	14.049.090	13.372.623	15.335.586	16.200.395	115,3%	121,1%	105,6%
A	Tổng chi cân đối (I+II+III+IV)	10.887.034	12.037.786	11.765.408	12.134.656	14.378.112	119,4%	122,2%	118,5%
I	Chi đầu tư phát triển (1+2+3)	3.276.825	3.081.043	2.808.665	2.825.330	3.146.234	102,1%	112,0%	111,4%
1	Chi xây dựng cơ bản	3.276.825	3.081.043	2.808.665	2.825.330	3.146.234	102,1%	112,0%	111,4%
1.1	Vốn tập trung trong nước	443.225	443.225	398.903	443.230	443.230	100,0%		100,0%
1.2	Vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp		22.008	19.807		25.844			
1.3	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	2.600.000	2.382.210	2.143.989	2.048.000	2.343.060	98,4%		114,4%
1.4	Chi đầu tư từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất 2022								
1.5	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	75.000	75.000	67.500	82.000	82.000			100,0%
1.6	Chi đầu tư từ nguồn vay lại Chính phủ	158.600	158.600	178.467	252.100	252.100	159,0%	141,3%	100,0%
II	Chi thường xuyên	7.393.932	8.647.816	8.647.816	9.069.731	10.877.110	125,8%	125,8%	119,9%
1	Chi SN kinh tế		1.392.835	1.392.835		1.621.352	116,4%	116,4%	
2	Chi SN Giáo dục - Đào tạo	3.695.456	3.695.456	3.695.456	4.654.505	4.905.117	132,7%	132,7%	105,4%
3	Chi SN Y tế, dân số và gia đình		624.838	624.838		779.646	124,8%	124,8%	
4	Chi SN Văn hóa-TTDL		87.293	87.293		122.059	139,8%	139,8%	
5	Chi SN khoa học và công nghệ	25.909	31.856	31.856	26.622	34.080	107,0%	107,0%	128,0%
6	Chi SN phát thanh- Truyền hình		41.569	41.569		55.994	134,7%	134,7%	
7	Chi đảm bảo xã hội		580.244	580.244		813.006	140,1%	140,1%	
8	Chi QLHC-Dăng, Đoàn thể		1.629.023	1.629.023		1.872.905	115,0%	115,0%	
9	Chi ANQP địa phương		248.921	248.921		339.503	136,4%	136,4%	
10	Chi khác ngân sách		52.636	52.636		140.258	266,5%	266,5%	
11	Chi hoạt động môi trường		163.144	163.144		193.190	118,4%	118,4%	
12	Dự phòng hụt thu cân đối		100.000	100.000		0			
III	Chi dự phòng ngân sách	215.277	307.927	307.927	238.595	353.769	114,9%		148,3%
IV	Chi bổ sung quỹ DTTC	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	100,0%	100,0%	100,0%

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2024		Ước thực hiện 2024	Dự toán 2025		So sánh		
		Trung ương	Địa phương		Trung ương	Địa phương	DTBP 2024	ƯTH 2024	DTTW 2025
B	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ		31.960			0			
C	Chi trả nợ gốc và lãi vay	118.700	118.700	118.700	141.100	141.100	118,9%	118,9%	100,0%
E	Chi vốn chương trình mục tiêu	2.946.675	1.860.644	1.488.515	3.059.830	1.681.183	90,4%	112,9%	54,9%
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	1.205.510	1.205.510		1.277.238	1.277.238			
2	Bổ sung thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	1.086.031			1.378.647				
3	Bổ sung vốn thực hiện các CTMTQG	655.134	655.134		403.945	403.945			

PHỤ LỤC SỐ 02

TỔNG HỢP PHÂN BỐ THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN NĂM 2025

Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HDND ngày tháng năm 2024 của HDND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán 2024	Dự toán 2025		
			Tổng số	Trong đó	
				Cấp tỉnh	Cấp huyện
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	15.083.210	17.954.845	7.708.502	9.800.643
I	Tổng số thu NSDP trên địa bàn	6.070.000	6.937.000	3.570.630	3.366.370
1	Thu cân đối ngân sách	5.370.000	5.487.000	2.120.630	3.366.370
2	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	700.000	1.450.000	1.450.000	
II	Thu bổ sung từ Ngân sách cấp trên	8.591.329	10.226.145	3.791.872	6.434.273
III	Thu tiền vay	241.900	346.000	346.000	
IV	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ	31.960	0	-	
V	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	148.021	445.700	282.499	163.201
B	Ngân sách địa phương được hưởng	14.049.090	16.200.395	7.347.543	8.852.851
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp	5.119.180	5.182.550	2.927.172	2.255.377
2	Thu bổ sung từ Ngân sách cấp trên	8.591.329	10.226.145	3.791.872	6.434.273
3	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ	31.960	0	-	
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	148.021	445.700	282.499	163.201
5	Thu vay để bù đắp bội chi	158.600	346.000	346.000	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II)	14.049.090	16.200.394	7.347.543	8.852.851
I	Chi cân đối NSDP (1+2+3+4)	12.037.786	14.378.111	5.525.260	8.852.851
I	Chi đầu tư phát triển	3.081.043	3.146.234	1.654.021	1.492.212
a	Vốn tập trung trong nước	443.225	443.230	266.000	177.230
b	Vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp	22.008	25.844	25.844	
c	Vốn thu từ tiền sử dụng đất	2.382.210	2.343.060	1.028.077	1.314.982
-	Chi phí đầu tư hạ tầng các dự án tạo quỹ đất	274.000	320.635	320.635	
-	Bổ sung vốn ĐT XDCB	2.108.210	2.022.425	707.442	1.314.982
d	Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	75.000	82.000	82.000	
e	Chi đầu tư từ nguồn vay lại Chính phủ	158.600	252.100	252.100	
2	Chi thường xuyên	8.647.816	10.877.109	3.676.188	7.200.921
2.1	Chi SN kinh tế	1.392.835	1.621.352	1.009.567	611.785
2.2	Chi SN Giáo dục - Đào tạo	3.695.456	4.905.117	1.049.909	3.855.208
2.3	Chi SN Y tế	624.838	779.646	400.276	379.371
2.4	Chi SN Văn hóa-TTDL	87.293	122.059	79.159	42.900
2.5	Chi SN khoa học	31.856	34.080	34.080	
2.6	Chi SN phát thanh- Truyền hình	41.569	55.994	35.122	20.872
2.7	Chi đảm bảo xã hội	580.244	813.006	161.807	651.199
2.8	Chi QL.HC-Đảng, Đoàn thể	1.629.023	1.872.905	650.765	1.222.140
2.9	Chi ANQP địa phương	248.921	339.503	121.744	217.759
2.10	Chi khác ngân sách	52.636	140.258	43.650	96.608
2.11	Chi hoạt động môi trường	163.144	193.190	90.110	103.080
2.12	Dự phòng hụt thu cân đối	100.000	0	-	
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	
4	Chi dự phòng ngân sách	307.927	353.769	194.051	159.718
II	Chi trả nợ gốc và lãi vay	118.700	141.100	141.100	
III	Ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại các tổ chức phi chính phủ	31.960	0	-	
IV	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	1.860.644	1.681.183	1.681.183	

PHỤ LỤC 2.1
DỰ TOÁN CHI TIẾT THANH TOÁN CHI PHÍ HẠ TẦNG
CÁC DỰ ÁN TẠO QUỸ ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên dự án	Số tiền
I	Trung tâm PTQĐ Sở TN&MT làm chủ đầu tư	166.183
1	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam đường Lê Lợi, phường Đức Ninh Đông, TP Đồng Hới	13.000
2	Dự án khu dân cư phía Bắc đường Lê Lợi, phường Bắc Nghĩa, TP Đồng Hới	6.300
3	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới	36.000
4	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Tây Bắc Phan Bá Vành, phường Bắc Nghĩa, TP Đồng Hới	19.000
5	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường Lý Thái Tổ, phường Bắc Nghĩa, TP Đồng Hới	26.000
6	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông Nam đường Tạ Quang Bửu, phường Nam Lý, TP Đồng Hới	46.000
7	Dự án tạo quỹ đất cụm dân cư Tổ dân phố 3, phường Nam Lý, TP Đồng Hới	7.500
8	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư Tỉnh lộ 2, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	1.000
9	Dự án khu đô thị Sa Động, xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới	2.198
10	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông đường Phùng Hưng, phường Đồng Phú, TP Đồng Hới	3.660
11	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư Đức Sơn phía Tây Bắc đường Lê Lợi, xã Đức Ninh, TP Đồng Hới	2.121
12	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư Đức Sơn phía Tây Bắc đường Nguyễn Đăng Giai, xã Đức Ninh, TP Đồng Hới	2.500
13	Dự án tạo quỹ đất khu dân cư phía Đông đường Hà Huy Tập, Tổ DP6, phường Bắc Nghĩa, TP Đồng Hới	531
14	Dự án Tạo quỹ đất khu dân cư phía Nam đường F325, Tổ dân phố 9, phường Bắc Lý, TP Đồng Hới	373
II	Sở Xây dựng làm chủ đầu tư	123.900
1	Dự án khu dân cư phía Tây đường Hữu Nghị, TP Đồng Hới	22.900
2	Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư ven sông Lê Kỳ dọc theo tuyến đường 36m, phường Đức Ninh Đông, TP Đồng Hới	80.000
3	Khu dân cư phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	1.000
4	Dự án khu dân cư phía Tây Nam đường Trương Pháp, xã Quang Phú, TP Đồng Hới	20.000
III	Ban QLDA ĐTXD CTDD&CN tỉnh làm chủ đầu tư	10.552
1	Dự án khu dân cư tại Trung tâm hành chính phường Đức Ninh Đông, TP Đồng Hới	10.552
IV	Ban quản lý Khu kinh tế làm chủ đầu tư	20.000
1	Dự án khu đất ở Đông Hưng, xã Quảng Đông, Khu kinh tế Hòn La	20.000
	TỔNG CỘNG	320.635

PHỤ LỤC SỐ 2.2

**GIAO CHI TIẾT KẾ HOẠCH VAY TỪ NGUỒN VAY LẠI CỦA CHÍNH PHỦ
VÀ KẾ HOẠCH TRẢ NỢ NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HDND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh

Đvt: Triệu đồng

Stt	Tỉnh, thành phố	Tổng rút vốn trong năm 2024	Trả nợ trong năm	Trả nợ gốc trong năm 2024	Trả nợ lãi (phí) trong năm 2024
	TỔNG CỘNG	252.100	141.100	74.556	56.233
(1)	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở		4.062	3.928	134
(2)	Dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị, tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (ADB)	131.648	21.539	12.720	8.819
(3)	Dự án Hiện đại hóa Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (WB)		3.234	2.835	399
(4)	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Đồng Hới		31.299	11.440	19.859
(5)	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ tăng trưởng toàn diện khu vực	26.793	2.464	2.464	
(6)	Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới	93.659	62.342	36.254	26.088
(7)	Dự án phát triển nông thôn bền vững vì người nghèo (Đã kế thúc vay)		0		
(8)	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập		2.229	1.981	248
(9)	Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương		3.621	2.935	686
(10)	Dự phòng		10.311		

PHỤ LỤC SỐ 03

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CÁC ĐƠN VỊ CẤP TỈNH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
	TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	3.136.853	1.177.629	1.959.225	3.676.188	1.519.454	2.156.735
	TỔNG SỐ CHI THƯỜNG XUYÊN	3.136.853	1.177.629	1.959.225	3.676.188	1.519.454	2.156.735
A	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	549.562	344.525	205.038	650.765	436.909	213.856
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	292.892	256.310	36.582	363.417	323.169	40.248
1	Sở Lao động - TBXH	7.274	6.874	400	10.801	9.091	1.710
2	Sở Nông nghiệp & PTNT	8.000	7.850	150	10.213	10.063	150
3	Chi cục chăn nuôi, thú y tỉnh	4.328	4.028	300	8.685	8.385	300
4	Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật	2.241	2.241	0	3.052	3.052	0
5	Chi cục Phát triển nông thôn	2.387	2.387	0	3.314	3.314	0
6	Chi cục Thủy lợi	2.604	2.604	0	3.358	3.358	0
7	Chi cục Kiểm lâm	55.905	54.405	1.500	69.865	68.065	1.800
8	Chi cục thủy sản	5.865	5.015	850	7.433	6.583	850
9	Ban Dân tộc	5.088	3.488	1.600	5.177	4.377	800
10	Sở Nội vụ	10.132	9.482	650	12.557	12.007	550
11	Ban Tôn giáo	3.572	2.248	1.324	4.344	2.923	1.421
12	Thanh tra Tỉnh	11.471	7.071	4.400	12.723	8.723	4.000
13	Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	18.507	18.507	0	21.704	19.704	2.000
14	Văn phòng UBND tỉnh	20.314	20.114	200	23.663	23.163	500
15	Trung tâm phục vụ hành chính công	2.862	1.414	1.448	3.179	1.731	1.448
16	Sở Y tế	6.590	6.090	500	7.824	7.624	200
17	Sở Văn hóa & Thể thao	5.565	5.365	200	7.340	7.140	200
18	Sở Du lịch	2.772	2.772	0	3.821	3.821	0
19	Sở Khoa học - Công nghệ	5.719	5.719	0	7.612	7.612	0
20	Sở Công thương	6.970	6.820	150	8.125	7.975	150
21	Sở Xây dựng	6.388	5.838	550	7.567	7.017	550
22	Thanh tra xây dựng	1.498	1.358	140	2.294	1.794	500
23	Sở Tư pháp	10.599	5.149	5.450	10.795	6.895	3.900
24	Sở Tài chính	15.059	13.289	1.770	17.963	16.029	1.934
25	Sở Kế hoạch- Đầu tư	9.423	8.973	450	12.182	11.647	535
26	Sở Giáo dục - Đào tạo	8.681	8.631	50	11.281	11.231	50
27	Sở Tài nguyên & Môi trường	9.523	9.523	0	12.298	12.298	0
28	Sở Giao thông - Vận tải	8.673	6.473	2.200	10.856	8.656	2.200

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
29	Thanh tra Sở Giao thông - Vận tải	2.412	2.412	0	3.159	3.159	0
30	Ban An toàn giao thông	409	309	100	517	417	100
31	Sở Ngoại vụ	4.645	2.845	1.800	5.663	3.763	1.900
32	Sở Thông tin và Truyền thông	13.470	4.670	8.800	16.878	6.078	10.800
33	Chi cục dân số KHHGD	4.000	2.800	1.200	4.686	3.486	1.200
34	Ban quản lý khu kinh tế	5.407	5.307	100	6.393	6.293	100
35	Đại diện BQL tại Khu kinh tế Cha	1.907	1.757	150	2.650	2.500	150
36	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	2.635	2.485	150	3.448	3.198	250
II	<u>ĐẢNG</u>	107.445	52.529	54.916	121.651	70.352	51.298
1	Ban Tổ chức tình ủy	9.232	5.928	3.304	10.541	7.281	3.261
2	Ban Tuyên giáo tình ủy	11.828	6.385	5.443	13.441	8.686	4.755
3	Ủy ban kiểm tra tình ủy	7.997	6.080	1.917	9.937	8.055	1.882
4	Ban Dân vận tình ủy	5.866	4.277	1.590	8.398	5.820	2.578
5	Ban Nội chính tình ủy	6.722	4.627	2.095	8.180	6.221	1.959
6	Văn phòng tình ủy	29.303	11.791	17.512	30.903	14.899	16.003
7	Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh	6.311	4.731	1.580	7.663	6.303	1.360
8	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	7.901	4.642	3.258	8.707	7.423	1.284
9	Báo Quảng Bình	22.284	4.067	18.217	23.881	5.663	18.217
III	<u>ĐOÀN THỂ</u>	49.226	35.686	13.540	55.697	43.387	12.310
1	Tỉnh đoàn	5.920	4.520	1.400	6.176	4.776	1.400
2	Hội Nông dân	5.019	4.419	600	6.177	5.577	600
3	Đoàn Khối doanh nghiệp	460	310	150	565	415	150
4	Hội cựu chiến binh	2.831	2.521	310	3.287	2.977	310
5	Hội liên hiệp phụ nữ	5.597	4.797	800	7.212	6.462	750
6	Đoàn Khối cơ quan tỉnh	471	321	150	597	447	150
7	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	10.887	5.687	5.200	9.409	5.609	3.800
8	Hội văn học nghệ thuật	1.274	1.274	0	1.868	1.668	200
9	Hội liên hiệp thanh niên	937	257	680	440	360	80
10	Hội nhà báo	1.176	776	400	1.638	1.038	600
11	Hội làm vườn	693	583	110	971	891	80
12	Liên minh hợp tác xã	1.934	1.834	100	2.814	2.214	600
13	Hội đồng y	534	534	0	688	688	0
14	Hội doanh nghiệp tỉnh Quảng bình	696	546	150	960	810	150
15	Hội Luật gia	763	533	230	845	695	150
16	Hội Khuyến học	1.103	633	470	1.302	832	470
17	Hội người cao tuổi	855	505	350	1.014	664	350
18	Hội người mù	868	868	0	1.137	1.137	0
19	Liên hiệp hội KHK T	672	572	100	924	824	100
20	Hội Hữu nghị	482	442	40	650	580	70
21	Hội chữ thập đỏ	3.016	2.516	500	3.578	3.078	500
22	Hội nạn nhân chất độc da cam	533	483	50	687	637	50
23	Hội cựu thanh niên xung phong	390	340	50	524	474	50

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
24	Hội bảo trợ người tàn tật & TE mồ côi	614	414	200	734	534	200
25	Hỗ trợ Công đoàn	1.500	0	1.500	1.500	0	1.500
IV	<u>CÁC KHOẢN CHI CHUNG</u>	100.000	0	100.000	110.000	0	110.000
1	Mua xe	20.000	0	20.000	20.000	0	20.000
2	Đoàn ra, đoàn vào	10.000	0	10.000	10.000	0	10.000
3	Dại hội, ngày lễ, kinh phí Đại hội Đảng các cấp, Đại hội thể dục thể thao	40.000	0	40.000	50.000	0	50.000
4	Chi đột xuất hành chính khác	30.000	0	30.000	30.000	0	30.000
B	<u>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO</u>	783.343	430.094	353.248	1.049.909	564.419	485.490
I	<u>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC</u>	588.486	375.659	212.827	819.169	495.833	323.336
1	Chi chung phục vụ quản lý ngành	20.700	0	20.700	20.700	0	20.700
2	Quản lý dạy nghề (Sở Lao động)	400	0	400	400	0	400
3	Các khoản chi khác	160.387	0	160.387	258.065	0	258.065
3.1	SN giáo dục khác	24.392	0	24.392	30.000	0	30.000
3.2	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội thuộc sự nghiệp giáo dục	0	0	0	63.430	0	63.430
3.3	Kinh phí mua sắm, nâng cấp, cải tạo, xây mới cải tạo tài sản công	57.000		57.000	105.000		105.000
3.4	Kinh phí hợp đồng lao động theo ND 111	78.995	0	78.995	59.635	0	59.635
4	<u>Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục</u>	403.006	373.186	29.820	534.673	493.021	41.651
4.1	Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh	23.988	10.827	13.161	31.934	14.326	17.608
4.2	Trường THPT Minh Hóa	9.867	9.297	570	13.136	11.980	1.157
4.3	Trường THPT Tuyên Hóa	10.363	10.098	266	14.025	13.636	389
4.4	Trường THPT Lê Trực	11.306	10.825	481	14.982	14.291	691
4.5	Trường THPT Phan Bội Châu	9.375	9.252	123	11.948	11.535	413
4.6	Trường THPT Lương Thế Vinh	17.165	17.029	136	23.057	22.730	327
4.7	Trường THPT Lê Hồng Phong	14.050	13.926	124	18.676	18.412	264
4.8	Trường THPT Quang Trung	15.616	15.416	201	20.608	20.368	240
4.9	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	11.898	11.764	134	15.567	15.337	229
4.10	Trường THPT Lê Lợi	9.037	8.912	125	12.575	12.164	412
4.11	Trường THPT Lê Quý Đôn	16.283	16.141	142	20.913	20.630	283
4.12	Trường THPT Hùng Vương	9.914	9.600	314	12.936	12.608	328
4.13	Trường THPT Trần Phú	11.804	11.535	269	15.223	14.847	376
4.14	Trường THPT Nguyễn Trãi	12.657	12.299	359	17.273	17.030	243
4.15	Trường THPT Ngô Quyền	12.275	12.030	245	16.016	15.569	446

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
4.16	Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	33.670	27.673	5.997	43.758	36.803	6.954
4.17	Trường THPT Đào Duy Từ	17.537	17.090	446	23.676	22.742	935
4.18	Trường THPT Đồng Hới	11.563	11.346	217	16.011	15.625	386
4.19	Trường THPT Phan Đình Phùng	15.680	15.416	263	20.717	20.371	346
4.20	Trường THPT Ninh Châu	12.660	12.500	161	17.321	17.185	136
4.21	Trường THPT Quảng Ninh	10.881	10.727	153	14.979	14.755	224
4.22	Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh	7.327	7.197	130	9.852	9.673	179
4.23	Trường THPT Lệ Thủy	13.679	13.421	258	18.270	17.842	428
4.24	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	10.389	10.032	357	13.837	13.367	470
4.25	Trường THPT Trần Hưng Đạo	13.075	12.550	525	17.068	16.239	829
4.26	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	13.992	13.708	284	18.749	18.158	590
4.27	Trường THPT & THCS Hóa Tiến	10.793	7.981	2.812	14.176	9.857	4.319
4.28	Trường THPT & THCS Bắc Sơn	7.431	7.114	318	10.459	9.598	861
4.29	Trường THPT & THCS Việt Trung	10.327	10.147	180	12.981	12.829	152
4.30	Trường THPT & THCS Trung Hóa	8.542	7.994	548	10.858	10.110	748
4.31	Trường THPT & THCS Dương Văn An	9.861	9.340	521	13.093	12.406	687
5	Hình thức giáo dục khác	3.993	2.473	1.520	5.331	2.811	2.520
5.1	Trung tâm thanh thiếu niên Bắc Trung Bộ	1.122	1.002	120	1.220	1.100	120
5.2	Nhà văn hóa thiếu nhi Quảng Bình	2.871	1.471	1.400	4.111	1.711	2.400
II	SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO	194.856	54.435	140.421	230.740	68.586	162.154
1	Trường Đại học Quảng Bình	48.907	26.268	22.639	57.899	34.521	23.378
2	Trung tâm GDTX tỉnh	1.269	1.269	0	1.614	1.614	0
3	Trường Chính trị Quảng Bình	9.462	6.785	2.677	13.297	10.420	2.877
4	Trường cao đẳng nghề Quảng Bình	1.866	1.866	0	931	931	0
5	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh (Sở LĐ)	2.489	1.789	700	3.072	2.372	700
6	Trường cao đẳng y tế	8.103	6.645	1.458	8.072	6.648	1.424
7	Trung tâm huấn luyện & thi đấu TDTT	13.880	3.186	10.694	15.134	4.140	10.994
8	Trung tâm DVVL Thanh niên	1.366	866	500	1.192	692	500
9	Trung tâm trợ giúp pháp lý	4.633	3.633	1.000	5.827	4.827	1.000
10	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và hỗ trợ nông dân - phụ nữ Quảng Bình	2.128	2.128	0	2.421	2.421	0
11	Sự nghiệp đào tạo Y tế	1.000	0	1.000	1.000	0	1.000

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
12	Sự nghiệp đào tạo thuộc Sở GD - ĐT	1.500	0	1.500	1.500	0	1.500
13	Liên minh HTX	500	0	500	800	0	800
14	Đào tạo lại	3.000	0	3.000	3.000	0	3.000
15	Đào tạo cán bộ quân sự cơ sở và các đối tượng, đào tạo cán bộ quân sự cấp xã	13.408	0	13.408	13.408	0	13.408
16	Đào tạo nhân lực các DN vừa và nhỏ	600	0	600	600	0	600
17	Kinh phí thực hiện chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông	20.000	0	20.000	20.000	0	20.000
18	Đề án Nâng cao năng lực dạy và học ngoại ngữ	10.000	0	10.000	10.000	0	10.000
19	Chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo Chương trình hành động 04-TU và kế hoạch 463 của UBND tỉnh	20.000	0	20.000	35.000	0	35.000
20	Kinh phí đào tạo chính sách ngành Tài chính	1.400	0	1.400	1.300	0	1.300
21	Đào tạo huấn luyện dự bị động viên	29.195	0	29.195	34.523	0	34.523
22	Nâng cao kỹ năng sống cho người mù (Hội người mù)	150	0	150	150	0	150
C	SỰ NGHIỆP Y TẾ	326.638	279.814	46.823	400.276	362.644	37.632
I	Các đơn vị thuộc Sở y tế	306.136	276.875	29.261	396.276	362.644	33.632
1	Bệnh viện đa khoa Minh Hóa	9.652	9.652	0	12.631	12.631	0
2	Bệnh viện đa khoa Tuyên Hóa	8.218	8.218	0	10.564	10.564	0
3	Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh	6.392	6.392	0	7.270	7.270	0
4	Bệnh viện đa khoa Lệ Thủy	8.418	8.418	0	12.707	12.707	0
5	Bệnh viện Y dược cổ truyền và chăm sóc sức khỏe cán bộ	0	0	0	3.086	3.001	85
6	Bệnh viện mắt	6.235	6.235	0	5.163	5.163	0
7	Trung tâm y tế huyện Minh Hóa	26.078	25.105	973	34.300	33.251	1.049
8	Trung tâm y tế huyện Tuyên Hóa	27.910	26.621	1.289	36.625	35.337	1.288
9	Trung tâm y tế huyện Quảng Trạch	25.188	23.887	1.301	32.739	31.439	1.300
10	Trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	21.205	20.138	1.067	28.004	26.937	1.067
11	Trung tâm y tế huyện Bố Trạch	39.322	37.593	1.729	51.228	49.513	1.715
12	Trung tâm y tế thành phố Đồng Hới	20.556	19.509	1.047	26.358	25.310	1.048
13	Trung tâm y tế huyện Quảng Ninh	22.230	21.182	1.048	29.017	27.970	1.047
14	Trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	35.218	33.771	1.447	46.684	45.258	1.426

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
15	Trung Tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	5.399	4.399	1.000	6.593	5.593	1.000
16	Trung tâm giám định y khoa pháp y	4.145	3.975	170	5.399	5.232	167
17	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	25.469	21.779	3.690	29.357	25.467	3.890
18	Văn phòng Sở y tế	2.500	0	2.500	2.500	0	2.500
19	Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm	700	0	700	700	0	700
20	Vốn đối ứng các Dự án y tế	1.300	0	1.300	350	0	350
21	Sự nghiệp y tế khác	10.000	0	10.000	15.000	0	15.000
II	Các đơn vị sự nghiệp y tế khác	20.502	2.940	17.562	4.000	0	4.000
1	Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ	3.025	2.940	85	0	0	0
2	Sự nghiệp dân số	1.000	0	1.000	1.000	0	1.000
3	Kinh phí mua thẻ BHYT các đối tượng	13.477	0	13.477	0	0	0
4	Kinh phí y tế quân dân y kết hợp	3.000	0	3.000	3.000	0	3.000
D	<u>SỰ NGHIỆP VĂN HÓA -THỂ THAO- DU LỊCH</u>	59.393	20.040	39.353	79.159	26.175	52.984
1	Trung tâm văn hóa và điện ảnh tỉnh	5.686	4.186	1.500	6.967	5.467	1.500
2	Đoàn Nghệ thuật truyền thống	8.034	5.469	2.565	8.598	7.033	1.565
3	Bảo tàng tổng hợp	4.810	3.810	1.000	6.018	4.818	1.200
4	Thư viện tỉnh	3.794	1.994	1.800	4.488	2.688	1.800
5	Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao	1.000	0	1.000	1.000	0	1.000
6	Tạp chí Nhật Lệ	1.617	717	900	1.892	1.092	800
7	Trung tâm thông tin xúc tiến Du lịch	2.034	1.684	350	2.457	2.107	350
8	Trung tâm lưu trữ lịch sử	4.817	2.179	2.638	6.606	2.971	3.635
9	Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao	6.000	0	6.000	6.000	0	6.000
10	Sửa chữa công trình di tích, kinh phí bảo tồn văn hoá phi vật thể	6.000	0	6.000	10.000	0	10.000
11	Chương trình Du lịch	15.000	0	15.000	17.000	0	17.000
12	Sở Văn hóa Thể thao (Công tác gia đình + Nghị quyết hỗ trợ nghệ nhân)	600	0	600	600	0	600
13	Hỗ trợ các Hội Văn học nghệ thuật địa phương	0	0	0	474	0	474
14	Hỗ trợ hội nhà báo địa phương	0	0	0	160	0	160
15	Kinh phí thực hiện Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025				6.900	0	6.900

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
E	<u>SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</u>	<u>31.856</u>	<u>6.465</u>	<u>25.391</u>	<u>34.080</u>	<u>8.714</u>	<u>25.366</u>
1	Trung tâm Ứng dụng & Thống kê KHCN	2.518	2.518	0	5.500	3.256	2.244
2	Trung tâm kỹ thuật- Đo lường - Thử nghiệm	0	0	0	700	0	700
3	Trung tâm Tin học - Công báo VPUBND tỉnh	3.840	2.540	1.300	4.507	3.207	1.300
4	Trung tâm CNTT & Truyền thông	2.107	1.407	700	2.951	2.251	700
5	Sở khoa học - công nghệ	10.797	0	10.797	14.207	0	14.207
6	Trường Đại học Quảng Bình	500	0	500	500	0	500
7	Sự nghiệp khoa học công nghệ	12.094	0	12.094	5.715	0	5.715
F	<u>SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH</u>	<u>32.297</u>	<u>7.042</u>	<u>25.255</u>	<u>35.122</u>	<u>9.867</u>	<u>25.255</u>
1	Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh	32.297	7.042	25.255	35.122	9.867	25.255
G	<u>SỰ NGHIỆP KINH TẾ</u>	<u>897.012</u>	<u>36.362</u>	<u>860.650</u>	<u>1.009.567</u>	<u>41.502</u>	<u>968.065</u>
I	<u>Sự nghiệp nông, lâm, ngư nghiệp</u>	<u>56.290</u>	<u>15.994</u>	<u>40.296</u>	<u>65.292</u>	<u>20.909</u>	<u>44.383</u>
1	Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư	2.777	2.777	0	4.196	4.196	0
2	Trung tâm Nước sạch -VSMNT	620	620	0	0	0	0
3	BQL khu dự trữ thiên nhiên Động Châu - Khe nước trong	7.342	7.042	300	9.445	9.045	400
4	Trung tâm Giống vật nuôi Quảng Bình	691	691	0	824	824	0
5	Trung tâm Quy hoạch thiết kế Lâm nghiệp	826	826	0	1.065	1.065	0
6	Trung tâm Giống thủy sản	651	651	0	1.005	1.005	0
7	BQL Cảng cá Quảng Bình	2.787	1.291	1.496	3.583	1.800	1.783
8	BQL rừng phòng hộ Đồng Hới và ven biển tỉnh Quảng Bình	2.596	2.096	500	3.175	2.975	200
9	Sự nghiệp phòng chống lụt bão	3.000	0	3.000	3.000	0	3.000
10	Các chương trình, chính sách của ngành nông nghiệp	35.000	0	35.000	39.000	0	39.000
II	<u>Sự nghiệp Giao thông</u>	<u>72.538</u>	<u>0</u>	<u>72.538</u>	<u>78.353</u>	<u>0</u>	<u>78.353</u>
1	Sự nghiệp Giao thông	22.000	0	22.000	22.000	0	22.000
2	Kinh phí bảo trì đường bộ (Sở Giao thông)	50.538	0	50.538	56.353	0	56.353
III	<u>Sự nghiệp kinh tế khác</u>	<u>768.184</u>	<u>20.368</u>	<u>747.816</u>	<u>865.922</u>	<u>20.593</u>	<u>845.329</u>
1	Trung tâm quản lý hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế Quảng Bình	600	0	600	600	0	600

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
2	Trung tâm Tư vấn xúc tiến đầu tư	2.093	2.093	0	2.595	2.595	0
3	Trung tâm Khuyến công & XTTCM	2.846	2.246	600	3.598	2.998	600
4	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh QB	863	863	0	1.412	1.412	0
5	Tổng đội TNXP xây dựng kinh tế	3.386	1.986	1.400	3.971	2.311	1.660
6	Trung tâm tin học & DVTC công (STC)	6.378	1.663	4.715	4.161	2.161	2.000
7	Trạm kiểm soát trọng tải xe lưu động	975	975	0	1.352	1.352	0
8	Văn phòng điều phối CTMTQG XD NTM	1.208	1.208	0	1.622	1.622	0
9	BQL DA Năng lượng mặt trời	0	0	0	0	0	0
10	Chương trình lâm nghiệp	57.984	0	57.984	98.640	0	98.640
11	Ban quản lý khu kinh tế	11.397	0	11.397	13.384	0	13.384
12	Chương trình CN TTCN & XTTCM	6.900	0	6.900	6.900	0	6.900
13	Dự án phát triển thương mại điện tử, Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững	900	0	900	900	0	900
14	BQL dự án FMCR	5.203	5.103	100	2.290	2.290	0
15	Ban Quản lý Dự án Cải thiện thu nhập và nguồn nhân lực nông thôn tỉnh Quảng Bình (KOICA Quảng Bình)	3.419	3.419	0	2.562	2.562	0
16	GTGC vốn viện trợ Dự án cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình - viện trợ KOICA	0	0	0	40.869	0	40.869
17	Ban Quản lý Dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng, giai đoạn 2” tiểu dự án tại tỉnh Quảng Bình				1.290	1.290	0
18	Hỗ trợ sửa chữa kết cấu Công trình Thủy lợi	10.000	0	10.000	20.000	0	20.000
19	Dự án quản lý rừng bền vững (Chi cục kiểm lâm)	812	812	0	0	0	0
20	Vốn đối ứng nước ngoài và đối ứng khác	5.000	0	5.000	2.000	0	2.000
21	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	1.300	0	1.300	0	0	0

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
22	Vốn uỷ thác qua NHCSXH tỉnh cho vay hộ nghèo và đối tượng chính sách khác	19.000	0	19.000	25.000	0	25.000
23	Quỹ hỗ trợ nông dân	7.000	0	7.000	0	0	0
24	Kinh phí miễn giảm thủy lợi phí	29.145	0	29.145	32.250	0	32.250
25	Kinh phí mua sắm cải tạo, nâng cấp tài sản công	50.000	0	50.000	80.000	0	80.000
26	Vốn đối ứng CTMTQG xây dựng NTM	33.578	0	33.578	35.073	0	35.073
27	Vốn đối ứng CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	6.681	0	6.681	8.932	0	8.932
28	Vốn đối ứng CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025	17.289	0	17.289	17.227	0	17.227
29	Chương trình bố trí dân cư	7.000	0	7.000	7.000	0	7.000
30	Kp thực hiện NQ hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ Giám sát hành trình	2.936	0	2.936	2.936	0	2.936
31	Kinh phí thực hiện NQ “Quy định khu vực thuộc nội thành của TP, TX, TT, KDC không được phép chăn nuôi,	3.000	0	3.000	0	0	0
32	Kp thực hiện NQ duy tu, bảo dưỡng và xử lý cấp bách sự cố đê điều	10.000	0	10.000	14.000	0	14.000
33	Kinh phí thực hiện Quyết định 48/QĐ-TTg	334.292	0	334.292	320.136	0	320.136
34	Kinh phí thực hiện chuyển đổi số	20.000	0	20.000	20.000	0	20.000
35	Kinh phí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025	0	0		940	0	940
36	Vốn quy hoạch; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kinh phí xác định chi phí hạ tầng các dự án; kinh phí thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất,...	106.999	0	106.999	94.282	0	94.282
	<i>Trong đó kinh phí thực hiện các Chương trình, đề án ngành tài nguyên môi trường</i>	58.558	0	58.558	43.000	0	43.000
	<i>Kinh phí quy hoạch và kinh phí khác còn lại</i>	48.441	0	48.441	51.282	0	51.282
H	SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG	60.064	34.702	25.362	90.110	44.207	45.903
1	Văn phòng đăng ký đất đai	286	286	0	0	0	0
2	Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường	599	599	0	618	618	0

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
3	Trung tâm quan trắc - kỹ thuật môi trường	2.535	823	1.712	2.826	1.114	1.712
4	Trung tâm công nghệ thông tin TNMT	1.511	1.511	0	1.416	1.416	0
5	Trung tâm phát triển quỹ đất	1.689	1.689	0	2.588	2.588	0
6	TT cứu hộ, bảo tồn & PT sinh vật	3.639	2.439	1.200	4.989	3.489	1.500
7	BQL Vườn QG Phong Nha - Kẻ Bàng	1.071	1.021	50	0	0	0
8	Hạt Kiểm lâm Phong Nha - Kẻ Bàng	26.833	26.333	500	35.482	34.982	500
9	SNMT Công an tỉnh (CSMT)	1.500	0	1.500	1.500	0	1.500
10	SNMT Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	600	0	600	600	0	600
11	SNMT Bộ chỉ huy biên phòng tỉnh				1.000	0	1.000
12	SN quan trắc môi trường Ban QL khu KT	2.000	0	2.000	2.000	0	2.000
13	Kinh phí sự nghiệp tài nguyên môi trường (Sở TNMT)	17.800	0	17.800	18.800	0	18.800
14	Kinh phí cải tạo, nâng cấp tài sản				18.291	0	18.291
I	<u>ĐẢM BẢO XÃ HỘI</u>	<u>126.433</u>	<u>18.585</u>	<u>107.848</u>	<u>161.807</u>	<u>24.418</u>	<u>137.389</u>
1	Trung tâm giáo dục lao động xã hội (Cơ sở cai nghiện ma túy)	7.260	4.056	3.204	9.223	5.357	3.866
2	Tr.tâm điều dưỡng luân phiên người có công	3.871	3.371	500	4.772	4.272	500
3	Trung tâm chăm sóc & phục hồi chức năng cho người tâm thần	12.421	5.763	6.658	17.067	7.596	9.471
4	Trung tâm công tác xã hội	7.609	5.394	2.215	9.979	7.192	2.787
5	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2.900	0	2.900	2.900	0	2.900
6	Văn phòng UBND tỉnh	300	0	300	300	0	300
7	Văn phòng ĐDBQH và HĐND tỉnh	500	0	500	500	0	500
8	Bệnh viện Y dược cổ truyền và chăm sóc sức khỏe cán bộ	2.700	0	2.700	2.700	0	2.700
9	Bộ Chỉ huy QS tỉnh (Chính sách hậu phương quân đội)	2.000	0	2.000	2.000	0	2.000
10	Chế độ bảo trợ xã hội	38.469	0	38.469	85.510	0	85.510
11	Đợt xuất khác	10.000	0	10.000	15.000	0	15.000
12	Kinh phí thực hiện Đề án 1371	3.402	0	3.402	3.572	0	3.572

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
13	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2026 và Nghị quyết hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy	5.000		5.000	5.000	0	5.000
14	Hỗ trợ Làng trẻ SOS				3.283	0	3.283
15	Khen thưởng huy hiệu đảng	30.000	0	30.000	0	0	0
K	QUỐC PHÒNG, AN NINH	126.606	0	126.606	121.744	0	121.744
1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	16.500	0	16.500	16.500	0	16.500
2	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh	8.000	0	8.000	8.600	0	8.600
3	Công an tỉnh	12.700	0	12.700	13.050	0	13.050
4	Mua sắm, sửa chữa doanh trại, quân sự, quốc phòng; công cụ hỗ trợ quân sự	18.000	0	18.000	23.000	0	23.000
5	Mua sắm, sửa chữa Biên phòng	4.000	0	4.000	5.000	0	5.000
6	Mua sắm, sửa chữa Công an	3.000	0	3.000	3.000	0	3.000
7	Kinh phí công tác DBDV và DQTV, hội thao quốc phòng	6.000	0	6.000	6.000	0	6.000
8	Mua sắm trang phục cho DQTV	10.808	0	10.808	10.808	0	10.808
9	Mua sắm trang phục, trang thiết bị làm việc cho công an xã bán chuyên trách	4.000	0	4.000	5.000	0	5.000
10	Kinh phí biên giới	12.000	0	12.000	12.150	0	12.150
	<i>Trong đó: - Bộ Chỉ huy QS tỉnh</i>	<i>2.000</i>	<i>0</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	<i>0</i>	<i>2.000</i>
	<i>- Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh</i>	<i>7.000</i>	<i>0</i>	<i>7.000</i>	<i>7.150</i>	<i>0</i>	<i>7.150</i>
	<i>- Công an tỉnh</i>	<i>2.000</i>	<i>0</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	<i>0</i>	<i>2.000</i>
	<i>- Sở Ngoại vụ</i>	<i>1.000</i>	<i>0</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>	<i>0</i>	<i>1.000</i>
11	Đội xuất ANQP	10.000	0	10.000	10.000	0	10.000
12	Vốn dự bị động viên	15.000	0	15.000	0	0	0
13	Kinh phí ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia	3.000	0	3.000	3.500	0	3.500
14	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT	3.598	0	3.598	5.136	0	5.136
L	CHI KHÁC	43.650	0	43.650	43.650	600	43.050
1	Hội đồng thi đua + khen thưởng	7.100	0	7.100	7.100	600	6.500
2	Hỗ trợ BCD thi hành án dân sự	50	0	50	50	0	50
3	Hỗ trợ Tòa án tỉnh (công tác hội thẩm, bồi dưỡng nghiệp vụ và các hoạt động khác của Tòa án tỉnh)	500	0	500	500	0	500
4	Hỗ trợ Cục thống kê thực hiện các nhiệm vụ cho UBND tỉnh giao	500	0	500	500	0	500

Số thứ tự	Danh mục, đơn vị	Dự toán 2024			Dự toán 2025		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ		Kinh phí tự chủ	Kinh phí không tự chủ
5	Hỗ trợ Viện kiểm sát thực hiện các nhiệm vụ phối hợp trên địa bàn	500	0	500	500	0	500
6	Hỗ trợ các đơn vị và đợt xuất khác	35.000	0	35.000	35.000	0	35.000
M	<u>DỰ PHÒNG HƯT THU CÂN ĐỐI</u>	100.000	0	100.000	0	0	0

PHỤ LỤC 3.1

Phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự ATGT năm 2025

Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HDND ngày tháng năm 2024 của HDND tỉnh Quảng Bình,

TT	Đơn vị thực hiện	Kinh phí
1	Ban An toàn giao thông tỉnh Quảng Bình	3.055
	Kinh phí tổ chức các hoạt động, mua sắm trang thiết bị ATGT và phối hợp tuyên truyền an toàn giao thông.	2.355
	Sửa chữa các cụm pano tuyên truyền An toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.	700
2	Thanh tra Sở Giao thông vận tải Quảng Bình	1.200
	Kinh phí phục vụ đảm bảo trật tự ATGT	1.200
3	Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình	200
	Thực hiện công tác đảm bảo trật tự ATGT tại các vị trí giao cắt giữa đường bộ với đường sắt trên địa bàn tỉnh.	200
4	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình	150
	Thực hiện chương trình “Vận động toàn dân tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông”	150
5	Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Bình	80
	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và đoàn viên công đoàn tham gia đảm bảo trật tự ATGT.	80
6	Đài phát thanh và Truyền hình Quảng Bình	200
	Hỗ trợ tổ chức sân chơi truyền hình “Điểm đến An toàn giao thông	200
7	Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình	100
	Thực hiện công tác thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông.	100
8	Sở Tài chính Quảng Bình	150
	Thực hiện công tác thu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông.	150
Tổng cộng		5.135

PHỤ LỤC 3.2
PHÊ DUYỆT DANH MỤC NHIỆM VỤ CẢI TẠO, NÂNG CẤP, XÂY MỚI HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH THEO ND 138
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HDND ngày tháng năm 2024 của HDND tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
Thời gian thực hiện: Năm 2025							208.191
A	SN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO						105.000
1	Các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và đào tạo						67.000
1	Trường THPT Lê Hồng Phong	Sửa chữa, cải tạo Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và nhà lớp học 2 tầng 10 phòng, nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh, hàng rào sân bãi	Trường THPT Lê Hồng Phong - Quảng Hòa, TX Ba Đồn, Quang Bình	Đảm bảo điều kiện dạy và học cho giáo viên và học sinh của Trường	Sử dụng từ năm 1997, đã hư hỏng phần mái: mái thấm dột, cửa pano kính hư, gạch nền kích thước 30x30cm đã bị bung bật nhiều vị trí. Lớp sơn tường trong và tường ngoài trù số đã bạc màu, bong tróc - Cao bộ, sơn mới, trong và ngoài - Thay mới mái lợp tôn - Sửa chữa cục bộ nền và hệ thống điện chiếu sáng Nhà vệ sinh, hàng rào, sân, nhà để xe đã xuống cấp trầm trọng, hiện không sử dụng được cần được cải tạo sửa chữa	Sửa chữa, cải tạo nhằm đảm bảo điều kiện dạy và học của trường	4.000
2	Trường THPT Phan Đình Phùng	Sửa chữa cải tạo khuôn viên, hệ thống thoát nước	Thành Phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, học tập của Trường	Hiện nay sân trường bị hư hỏng nhiều, lún, gạch lát sân Granito 40x40cm bị gãy vỡ cục bộ nhiều vị trí; hệ thống thoát nước sân trường chưa có. Phần sân xung quanh nhà thi đấu là nền đất cục bộ, không đồng bộ với đường chạy và sân TD Dãy nhà hiệu bộ và dãy nhà 3 phòng 15 tầng, mái lợp tôn và gỗ trảng kẽm bị hư hỏng, thấm dột; nhà để xe học sinh xây dựng lâu năm mái tôn bị rỉ rét, nền nhà lún xi măng bong tróc nhiều chỗ Cần cải tạo nâng cấp các hạng mục nêu trên, bảo đảm công tác dạy và học	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	3.000
3	Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	Sửa chữa nâng cấp nhà ký túc xá (Nhà cũ)	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện cho học sinh ở tại ký túc xá (Nhà cũ) Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp	Dãy ký túc xá 20 phòng 3 tầng mái lợp tôn, hệ xả gỗ đã xuống cấp hư hỏng, nước mưa chảy vào sân mái làm các lớp sơn trong và ngoài nhà bị bong tróc Trục sau toàn bộ khu vệ sinh của dãy nhà bị rỉu mốc ẩm ướt, Hệ thống vệ sinh hư hỏng Phần cửa, cửa gỗ kính đã bị cong vênh, mối mọt, không kín khít Cần cải tạo sửa chữa tạo điều kiện nơi ăn chốn ở cho học sinh nội trú	Sửa chữa, cải tạo nhà ký túc xá nhằm đảm bảo điều kiện cho học sinh ở tại KTX	4.500
4	Trường THPT Lê Quý Đôn	Sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất nhà trường	Thị trấn Hoan Lão, huyện Bố Trạch	Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, học tập của Trường	Dãy nhà 3 tầng 3 tầng 12 phòng, nhà thực hành và nhà 2 tầng 6 phòng; phần mái lợp tôn bị hư hỏng, làm nước mưa chảy vào trong nhà gây bong tróc các lớp sơn Nhà để xe học sinh và giáo viên: Hệ thống mái lợp tôn đã bị rỉ rét, hư hỏng, có cao độ mặt nền thấp hơn mặt sân trường, thường xuyên bị ngập lụt Sân khấu, hệ thống sân bãi và thoát nước: Hiện chưa được đầu tư. Hệ thống sân lát gạch Granito kích thước 30x30 (khu vực có mái che) bị gãy vỡ cục bộ nhiều vị trí Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng và làm mới sân khấu	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục	4.000
5	Trường THPT Nguyễn Trãi	Sửa chữa nâng cấp nhà lớp học và các công trình phụ trợ Trường THPT Nguyễn Trãi	xã Phúc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Kiện toàn cơ sở vật chất của Trường THPT Nguyễn Trãi	Dãy nhà lớp học 3 tầng 15 phòng (sử dụng năm 2010) mái nhà lợp tôn đã hư hỏng, cửa pano kính gỗ cong vênh, nhà nội trú phục vụ giáo viên (sử dụng năm 2008) mái lợp ngói hiện đã xuống cấp, sân nhà giáo viên lún võng xi măng đã xuống cấp, có cao trình thấp thường xuyên bị ngập nước; đường giao thông vào khu nội trú (phía cổng sau) hiện là nền đất rất khó khăn trong quá trình đi lại của giáo viên Hệ thống thoát nước sân trường chưa có, thường xuyên bị ngập nước. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục	4.500

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
6	Trường THPT Minh Hóa	Sửa chữa nâng cấp dãy nhà 02 tầng 08 phòng (Khu C); Nhà hiệu bộ 02 tầng 10 phòng	Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, học tập của Trường	I. Dãy nhà 02 tầng, 08 phòng (Khu C): sử dụng năm 2005, nhà hiệu bộ sử dụng năm 2012; có mái lợp tôn bị hư hỏng thấm dột. Hệ thống cửa gỗ bị cong vênh; Hệ thống điện sinh hoạt trong nhà không sử dụng được, nền nhà lát gạch trắng men bị bào mòn Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	2.500
7	Trường THPT Lê Thủy	Cải tạo sửa chữa nhà lớp học, nhà vệ sinh học sinh, các phòng chức năng, tường rào bao quanh, hệ thống thoát nước và khuôn viên	Thị trấn Kiến Giang, huyện Lê Thủy	Đảm bảo điều kiện cho tổ chức các hoạt động dạy và học của nhà trường	Ba dãy nhà hiệu bộ 2 tầng sử dụng năm 1998, phần mái lợp ngói đã hư hỏng, phần sân mái không đổ bê tông cốt thép; 2 dãy nhà 2 tầng 10 phòng mái lợp tôn đã hư hỏng, gạch lát nền kích thước 50x50 bị bung bắt gây vỡ cục bộ một vài vị trí; Nhà vệ sinh học sinh là nhà cấp 4, mái lợp tôn hiện không sử dụng được; hệ thống thoát nước sân thể dục và đường chạy chưa được đầu tư xây dựng gây ngập lụt. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng và làm mới hạng mục chưa được đầu tư	Sửa chữa, cải tạo nhà lớp học, công trình vệ sinh học sinh và khuôn viên nhằm đảm bảo điều kiện cho tổ chức các hoạt động dạy và học	5.000
8	Trường THCS và THPT Hóa Tiến	Sửa chữa, cải tạo Nhà thi đấu, nhà ăn, phòng hội trường và nhà vệ sinh học sinh.	Trường THCS&THPT Hóa Tiến, Xã Hóa Tiến huyện Minh Hóa	Đảm bảo điều kiện hoạt động giảng dạy nhà trường	Nhà ăn: sử dụng từ năm 2015 mái lợp tôn đã bị hư hỏng, nước chảy vào sân bê tông gây ẩm mốc, thấm dột; Nhà thi đấu, hội trường: sử dụng năm 2018; mái Sênô bị thấm dột, sơn quanh nhà và mặt sân bị bong tróc; Nhà vệ sinh chung của HS sử dụng năm 1999 hiện đã hư hỏng xuống cấp, không đáp ứng được nhu cầu sử dụng của học sinh; Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo nhu cầu cơ sở vật chất của nhà trường hoàn thiện	5.000
9	Trường THPT Hùng Vương	Sửa chữa cải tạo dãy nhà 02 tầng 10 phòng; Nhà hiệu bộ 02 tầng 9 phòng	Xã Cự Năm, huyện Bố Trạch tỉnh QB	Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, học tập của Trường	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng sử dụng từ năm 1997 đã hư hỏng, mái lợp tôn thấm dột, hệ thống cửa panô kính cong vênh; các lớp sơn trong và ngoài nhà bị bong tróc, đổi màu không đồng bộ. Gạch lát nền kích thước 30x30 bị phai màu; Nhà hiệu bộ sử dụng năm 2006 có hệ thống nhà vệ sinh hư hỏng thiết bị vệ sinh không sử dụng được, mái lợp tôn bị gỉ rét, nước mưa thấm vào sân bê tông tầng mái gây thấm dột cục bộ vài vị trí. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	2.000
10	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sửa chữa cải tạo nhà thi đấu đa năng và các hạng mục phụ trợ	TTNT Lê Ninh, huyện Lê Thủy	Nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới các công trình đã có dự án đầu tư đảm bảo điều kiện dạy học và giáo dục của nhà trường	*Nhà đa năng: Sử dụng năm 2011; sơn nhà bị bong tróc, hệ thống cửa nhôm kính bị cong vênh, mặt sân trong nhà đa năng bị bong tróc, hệ thống Sênô mái bao quanh nhà bị thấm dột; Hệ thống thoát nước sân thể dục và đường chạy có cao trình không đồng bộ gây ngập lụt; Hàng rào phía sau trường có kết cấu xây gạch chiều dài khoảng 450m có xuất hiện các vết nứt, Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh trong trường	5.000
11	Trường Phổ thông DTNT tỉnh	Sửa chữa nâng cấp khuôn viên, sân thể dục thể thao	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện dạy học và phục vụ các hoạt động khác của nhà trường	- Hệ thống đường chạy phục vụ giáo dục thể chất của HS chưa được đầu tư; đầu tư nâng cấp sân bóng chuyền trên nền gạch phục vụ học sinh nội trú; Khu mái che của 3 ký túc xá với diện tích khoảng 450m2 chưa được đầu tư; Hệ thống chiếu sáng trong khuôn viên trường đảm bảo sinh hoạt từ vào ban đêm chưa được đầu tư. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng và làm mới hạng mục chưa được đầu tư	Đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh trong trường	4.000
12	Trường THPT Đồng Hới	SC nâng cấp nhà lớp học 3 tầng 24 phòng; Nhà bộ môn; Nhà xe học sinh, giáo viên; hàng rào	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện dạy và học tại Trường THPT Đồng Hới	Dãy nhà cấp 4 mái lợp tôn, nền láng xi măng đã cũ, nhà trường đề nghị cải tạo sửa chữa dãy nhà này để sử dụng thành nhà bộ môn; Dãy nhà 3 tầng 24 phòng hệ thống mái lợp tôn đã hư hỏng gây thấm dột làm sơn tường nhà bị bong tróc; Nhà để xe học sinh mái lợp tôn đã hư hỏng, hàng rào phía trước trường quét vôi đã phai màu, các lớp tô trát bị bong tróc cục bộ Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh trong trường	3.000

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
13	Trường THPT Lương Thế Vinh	Nâng cấp sân thể dục, xây dựng mới nhà vệ sinh học sinh và một số công trình phụ trợ	Phường Ba Đồn - Thị xã Ba Đồn	Nâng cấp, xây dựng mới các hạng mục công trình, đảm bảo điều kiện học tập thuận lợi, nâng cao chất lượng dạy và học	Hệ thống sân thể dục bằng có cao độ thấp hơn mặt đường chạy tạo thành điểm ngập nước cục bộ; nhà vệ sinh hiện có không bảo đảm nhu cầu cho học sinh; Hàng rào bao quanh phía sau trường xây gạch có chiều cao khoảng 1,8m, chiều dài khoảng 300m hiện lớp tô trát bị bong tróc, lớp quét vôi màu bị bào mòn, xuất hiện nhiều vết nứt cục bộ trên bề mặt; Nhà để xe học sinh kết cấu mái đã bị hư hỏng. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh trong trường	4.500
14	Trung tâm GDTX tỉnh	Sửa chữa nâng cấp một số hạng mục công trình Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện dạy học và phục vụ các hoạt động khác của Trung Tâm	1. Hạng mục: Xây dựng hàng rào, sân bê tông - Hàng rào phía trước trường chiều cao khoảng 1,7m, chiều dài khoảng 150m đã được đầu tư lâu năm, hiện nay đã xuống cấp nghiêm trọng có nguy cơ bị gãy đổ, không đảm bảo an toàn. L=150m 2. Hạng mục: Sửa chữa dẫy nhà lớp học 2 tầng 8 phòng - sử dụng năm 2010: mái lợp tôn đã thấm dột, có các mảng tường đã bị bong tróc, thấm dột, ẩm ướt; thép bản Sênô bị bung lổ ra ngoài bề mặt bản bê tông 3. Hạng mục: Sửa chữa một số một số công trình phụ trợ khác đã xuống cấp: Phần sân trước nhà hiệu bộ có diện tích khoảng 150m2 chưa lát gạch Granitô gây ngập nước cục bộ, nhà vệ sinh, hệ thống điện nước và một số cơ sở vật chất hư hỏng nặng, không an toàn trong sử dụng. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh trong trường	5.000
15	Trường THPT Trần Phú	Nâng cấp, sửa chữa các dẫy nhà lớp học trường THPT Trần Phú	Xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, học tập của Trường	- Dẫy nhà 03 tầng, 15 phòng. Dẫy nhà 02 tầng, 14 phòng (sử dụng năm 2003): Gạch lát nền kích thước 30x30cm đã phai màu và bong tróc cục bộ, tróc tường phía sau bị thấm nước, sơn bong tróc; phần cửa khung gỗ panô kính đã hư hỏng cong vênh Hệ thống Điện, thiết bị điện: Hiện tại đã xuống cấp hư hỏng cần thay mới để đảm bảo trong quá trình sử dụng. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	5.000
16	Trường THPT Quang Trung	Sửa chữa nâng cấp nhà hiệu bộ, cổng trường, sân trường	và Quảng Phú- huyện Quảng Trạch	Nâng cấp, sửa chữa các dẫy nhà, và các hạng mục khác, đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dạy và học	Dẫy nhà hiệu bộ: Sử dụng từ năm 1999, nền nhà bị sụt lún, gạch nền kích thước 40x40 bị phai màu, mái tôn thấm dột, sơn tường trong và ngoài nhà bị bong tróc, hệ thống Sênô mái bị thấm dột, cửa gỗ đã mục nát hư hỏng không đảm bảo, hệ thống điện đã cũ không đảm bảo sử dụng.; Nhà vệ sinh hư hỏng không sử dụng được, hệ thống cửa bị cong vênh. Hệ thống thoát nước sân trường chưa được đầu tư với diện tích sân khoảng 7000m2 gây ngập lụt thường xuyên; Cổng chính vào trường bằng BTCT có mái lợp ngói mũi hài đã qua sử dụng lâu năm, các lớp sơn bị bong tróc, bề mặt loang lổ, mái ngói bị nứt vỡ cục bộ. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng và làm mới hạng mục chưa được đầu tư	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	6.000
II	Các đơn vị SN giáo dục và Đào tạo khác						38.000
1	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Giảng đường B, và một số hạng mục khuôn viên thuộc Cơ sở 1, ký túc xá sinh viên Lão	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện giảng dạy của trường	1. Giảng đường B (03 tầng): sử dụng từ năm 2010 hiện xuống cấp nghiêm trọng, nền nhà bị bong rộp lớp gạch men, mái lợp tôn đã bị gỉ thấm dột nhiều nơi, các lớp sơn trong và ngoài nhà bị hư hỏng, hệ thống cửa gỗ bị cong vênh 2. Hạng mục khuôn viên: Hàng rào bao quanh đã xuống cấp, mặt sân bê tông gây vỡ cục bộ 3. Ký túc xá sinh viên Lão sử dụng từ năm 1999: nhà 3 tầng hệ thống cửa sổ nhôm kính mặt sau bị cong vênh, nước mưa chảy trực tiếp vào phòng ở, phần sân tầng 3 bị nứt, nước chảy từ sân mái qua các vết nứt gây bong tróc các lớp sơn trần, tường. Cần đầu tư nâng cấp cải tạo, sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng nêu trên	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	4.000

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
2	Trường Cao đẳng nghề Quảng Bình	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Cao đẳng nghề Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	Khắc phục duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ nhu cầu dạy và học của Nhà trường và học viên Trường Cao đẳng nghề Quảng Bình	Có một số khối nhà sử dụng từ năm 2002 hệ thống cửa gỗ đã bị mối mọt, cong vênh (nhà giảng đường lý thuyết 1), hệ thống điện chiếu sáng hư hỏng. Hàng rào phía trước cổng trường đã xuống cấp, xuất hiện nhiều vết nứt trên bề mặt trát vữa. Cần cao bỏ sơn cũ, trát và sơn mới lại khối nhà giảng đường và các khối nhà khác. Sửa chữa và thay thế phần mái bị hư hỏng. Thay thế hệ thống cửa cũ bị hư hỏng bằng cửa mới đảm bảo an toàn, chất lượng. Sửa chữa, bổ sung thay thế một số thiết bị điện, vệ sinh, Đục bỏ thay thế nền nhà. Nâng cấp sân, Sơn sửa hệ thống tường rào bao quanh, Sửa chữa một số hạng mục khác	Sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục.	7 000
3	Trường Chính trị	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Chính trị	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của CB CNVC và học viên của Trường Chính trị	Hiện tại, nhiều hạng mục của Trường Chính trị được đưa vào sử dụng lâu lâu đã xuống cấp, cụ thể hàng rào phía trước trường bằng thép đã han rỉ; Hệ thống đèn bảng hiệu bị hư hỏng cục bộ, dây nhà ký túc xá 3 tầng cửa sổ cong vênh, các lớp sơn ngoài và trong nhà bộ bong tróc, thiết bị vệ sinh, thiết bị điện bị hư hỏng không sử dụng được; Hệ thống khuôn viên sân vườn, khu sân bóng chuyền hư hỏng xuống cấp, lớp bê tông mặt sân và hệ thống bồn cây bị nứt vỡ cục bộ nhiều vị trí; Tầng 3 khối nhà giảng đường C mái lợp bị hư hỏng, nước mưa chảy xuống phòng hội trường; Dãy nhà giảng đường 3 tầng bên phải khuôn viên trường bị thấm dột, tường bị bong tróc, có nơi bị nứt, hệ thống điện bị hư hỏng. Sân bãi nhiều chỗ bị trũng nước cần được xử lý sớm, nhiều đoạn hàng rào bị nứt vỡ, sơn đã cũ cần được sửa chữa kịp thời. Cần cao bỏ sơn cũ, trát và sơn mới lại khối nhà giảng đường và các khối nhà khác, Sửa chữa và thay thế phần mái bị hư hỏng. Thay thế hệ thống cửa cũ bị hư hỏng bằng cửa mới đảm bảo an toàn, chất lượng. Sửa chữa, bổ sung thay thế một số thiết bị điện, vệ sinh. Đục bỏ thay thế nền nhà, Nâng cấp sân	Nâng cấp CSVC cho đơn vị, tiến tới đạt chuẩn mức 1 Ban BT quy định	7 000
4	Trường Cao đẳng kỹ thuật CNN	Sửa chữa, cải tạo Nhà giảng đường 4 tầng, Nhà hội trường, Nhà thi sát hạch	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện giảng dạy, làm việc của Trường	Đa số các cửa đã xuống cấp, long, sẽ ban lè dẫn đến đông không được hoặc không khí cần được thay mới. Các sân, tường có hiện tượng thấm dột, bong tróc lớp hoàn thiện nên cần xử lý đục bỏ, chống thấm và hoàn thiện lại, Lớp sơn tường trong và tường ngoài trù so đã bạc màu, bong tróc cần được cao bỏ, sơn mới	Nâng cao chất lượng đào tạo	5.000
				Đảm bảo điều kiện tổ chức sự kiện đồng người của Trường	Hội trường mái lợp tôn đã gỉ sét gây thấm dột, tường nhà bị bong tróc các lớp sơn, hệ thống nhà vệ sinh đã xuống cấp gây tác nghẽn, gây bất tiện đến việc sử dụng. Cần thay thế một số vị trí mái tôn bị thấm dẫn đến trần thạch cao bị hỏng. Hệ thống điện hiện tại đã xuống cấp, khả năng mất an toàn về điện, chấp cháy rất cao nên cần thiết phải đi lại toàn bộ hệ thống điện để đảm bảo an toàn sử dụng. Sửa chữa lại nền gạch: Nền gạch trong nhà, sảnh và hành lang đã xuống cấp, bong tróc, nứt nẻ mái mòn cần được đục bỏ, lát lại nền gạch mới. Cầu thang: Bậc tam cấp bị mòn, bong tróc nứt nẻ, lan can bị long, hỏng cần ốp lát đá lại cầu thang và sửa chữa lan can. Lớp sơn tường trong và tường ngoài trù so đã bạc màu, bong tróc cần được cao bỏ, sơn mới		
				Đảm bảo điều kiện tổ chức thi sát hạch cho học viên của Trường	Cải tạo mở rộng hành lang: Hành lang khu vực thi sát hạch tầng 2 rộng 1.5m hiện sử dụng quá chật chội do lượng thí sinh đông trong thời gian chờ đợi vào thi. Cần cải tạo mở rộng hành lang hiện hữu. Thay mái tôn: Mái tôn hiện đã xuống cấp bị thấm dẫn đến trần thạch cao bị hỏng.		

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)	
5	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	Cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất tại Bể bơi 25m và 50m của TT huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	Thành phố Đồng Hới	Khắc phục sửa chữa các hạng mục hư hỏng đảm bảo vận hành các chức năng của Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao	Tầng 3 khu vực cầu thang bộ bị thấm dột, nước mưa chảy vào bên trong nhà gây hư hỏng các mảng tường, sơn, kết cấu thép dầm bị rỉ rết bung bật ra khỏi kết cấu bê tông cốt thép; Mái che khán đài khu vực bể bơi kết cấu thép được lắp đặt trên hệ thống cột dầm BTCT, mái lợp tôn đã rỉ rết có nguy cơ sập đổ rất cao; Sửa chữa hệ thống cấp thoát nước, Cạo bỏ lớp sơn cũ, xử lý tường bị bong nứt, sơn mới lại 1 nước slot 2 nước phủ, thay thế mái bị thấm dột, thay thế hệ thống cửa bị hư hỏng	Nâng cấp Bể bơi nhằm phục vụ cho công tác dạy và học	6.000	
6	TT hoạt động thanh thiếu niên khu vực Bắc Trung Bộ	Sửa chữa cải tạo trụ sở làm việc	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên khu vực Bắc Trung Bộ	Khởi nhà trung tâm sử dụng từ năm 2000, hiện nay đã xuống cấp, các lớp sơn trong và ngoài nhà bị bong tróc, sân mái BTCT bị thấm dột nhiều vị trí, Hệ thống sân khấu đã xuống cấp, quy mô nhỏ hẹp cần mở rộng đáp ứng đủ cầu ngày càng cao, Hệ thống điện chiếu sáng đã hư hỏng nặng. Hệ thống sân bê tông cũ đã xuống cấp, bong rộp cần đổ lại lát gạch, Chồng tường rào đã xuống cấp hư hỏng nặng.	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	3.000	
7	Đại học Quang Bình	Sửa chữa cải tạo cơ sở vật chất Trường Đại học Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện ăn ở sinh hoạt của giảng viên và sinh viên Lào	Kỷ túc xác cho sinh viên Lào và giảng viên khối nhà 3 tầng sân mái bị thấm dột, các mảng sơn trần, tường trong và ngoài nhà bị bong tróc, rơi xuống phòng nên không thể sử dụng được; Phần mái lợp tôn hệ Xà gỗ thép hộp đã bị rỉ rết gây thấm dột; Cạo bỏ sơn cũ, sơn lại tường ngoài nhà và trong. Chống thấm sẽ nở mái; Tháo dỡ mái tôn, lợp lại mái tôn; Thay các ô kính vỡ; Tháo dỡ thay mới bồn cầu hỏng; Cạo bỏ lớp sơn cũ, sơn lại toàn bộ cửa gỗ.	Đáp ứng nhu cầu ăn ở sinh hoạt của giảng viên và sinh viên Lào, nhu cầu dạy và học của nhà trường	6.000	
				Giảng đường A1	Sử dụng năm 1999, phần cửa gỗ panô kính phía mặt sau dãy nhà, sơn tường trong và phía sau của giảng đường chưa được đầu tư sửa chữa, Gạch lát nền trong phòng học bị bong tróc một vài vị trí;			
13	QLNN, DĂNG, ĐOÀN THỂ							26.800
1	Chi cục Kiểm lâm	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc Chi cục Kiểm lâm	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo cải thiện điều kiện làm việc của Chi cục Kiểm lâm	Nhà làm việc 4 tầng có hệ thống lan can ở ban công bị gỉ rết, các lớp sơn bên ngoài bong tróc một vài vị trí cục bộ, cửa gỗ cong vênh làm nước mưa chảy vào phòng làm việc Khu vực tầng 1 đã bị xuống cấp nghiêm trọng, khi mưa lớn thường xảy ra ngập, ứ đọng nước, đặc biệt là làm ảnh hưởng đến các kho cất giữ trang thiết bị quân dụng. Các hạng mục phụ trợ khác: Bao gồm sửa chữa nâng cấp cục bộ một số hạng mục như các vị trí hư hỏng sân, nền nhà, thay thế các lan can đã bị hư hỏng gây mất an toàn và mỹ quan của trụ sở cơ quan... Nâng cấp sửa chữa các hạng mục đã bị hư hỏng nêu trên	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	1.000	

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
2	Hạt kiểm Lâm huyện Lệ Thủy	Sửa chữa cái tạo nhà làm việc, bếp ăn và nhà công vụ, khuôn viên hàng rào Hạt kiểm Lâm huyện Lệ Thủy	huyện Lệ Thủy	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Hạt kiểm Lâm huyện Lệ Thủy	Hạng mục nhà làm việc: Cửa hiện có đã mối mọt, xuống cấp cần được thay mới. Lốp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cạo bỏ, sơn mới. Thiết bị vệ sinh đã xuống cấp gây tắc nghẽn, gây bất tiện đến việc sử dụng. Mái tôn đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Hạng mục nhà bếp ăn và nhà công vụ: Cửa hiện có đã mối mọt, xuống cấp cần được thay mới. Lốp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cạo bỏ, sơn mới. Thiết bị vệ sinh đã xuống cấp gây tắc nghẽn, gây bất tiện đến việc sử dụng. Mái tôn đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Mái che: Mái tôn, xà gỗ đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Khuôn viên sân bê tông: đã hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa. Cổng, hàng rào: đã hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa.	Sửa chữa, cái tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	2.000
		Sửa chữa, cái tạo khuôn viên hàng rào Trạm Kiểm lâm Đường 10	huyện Lệ Thủy	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trạm Kiểm lâm Đường 10	Hạng mục nhà làm việc: Cửa hiện có đã mối mọt, xuống cấp cần được thay mới bằng cửa nhôm, vách kính XingFa. Lốp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cạo bỏ, sơn mới. Thiết bị vệ sinh đã xuống cấp gây tắc nghẽn, gây bất tiện đến việc sử dụng. Mái tôn đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Hạng mục mái che: Mái tôn, xà gỗ đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Hạng mục khuôn viên sân bê tông: đã hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa. Hạng mục cổng, hàng rào: đã hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa.	Sửa chữa, cái tạo Trạm nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	2.000
		Sửa chữa, cái tạo khuôn viên hàng rào Trạm Kiểm lâm Bến Tiên	huyện Lệ Thủy	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trạm Kiểm lâm Bến Tiên	Hạng mục nhà làm việc: Cửa hiện có đã mối mọt, xuống cấp cần được thay mới bằng cửa nhôm, vách kính XingFa. Lốp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cạo bỏ, sơn mới. Thiết bị vệ sinh đã xuống cấp gây tắc nghẽn, gây bất tiện đến việc sử dụng. Mái tôn đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Hạng mục mái che: Mái tôn, xà gỗ đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Hạng mục khuôn viên sân bê tông: đã hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa. Hạng mục cổng, hàng rào: đã hư hỏng, xuống cấp cần được sửa chữa.	Sửa chữa, cái tạo Trạm nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	
3	Hạt Kiểm lâm TP Đồng Hới	Xây dựng, cái tạo hàng rào Trụ sở hạt Kiểm lâm TP Đồng Hới	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở hạt Kiểm lâm (do hàng rào cũ bị phá dỡ khi tình hình công mở rộng đường Hà Huy Tập)	- Xây mới hàng rào mặt tiền: Móng , trụ , dầm bê tông cốt thép, tường xây gạch kết hợp hoa sắt trang trí, sơn 3 lớp; - Trụ cổng, bằng trụ sở ốp đá tự nhiên, và cổng sắt, inox kết hợp - Sơn hàng rào cũ, ram dốc và lát gạch Grnito; Cạo bỏ sơn cũ hàng rào, sơn lại 3 lớp - Dỡ bê tông ram dốc lối đi vào trụ sở, lát gạch Ganito, Lát gạch Granito phần sân hư hỏng do giải phóng mặt bằng.	Xây dựng, cái tạo hàng rào nhằm đảm bảo an toàn, bảo vệ vệ lĩnh vực lâm nghiệp và công sở	300

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
4	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Cải tạo sửa chữa Trụ sở làm việc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Thành phố Đồng Hới	Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất trụ sở làm việc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	- Phần mái tôn, xà gỗ bị xuống cấp hư hỏng, sẽ nổ bị thấm dột vào phòng làm việc, hệ thống chống sét đứt gãy từ lâu; Hệ thống cửa gỗ đã mối mọt, mục nát, xệch xoạc, cong vênh, lể, khoá cửa không an toàn. - Phần gạch nền cũ kỹ, bong rộp dọc hành lang và một số phòng làm việc, Hệ thống điện sáng, thiết bị điện không đủ tải nguy cơ chập cháy rất cao - Hội trường phục vụ tập huấn hội họp: Trần bị hư hỏng, mái bị thấm dột. - Dây phòng vệ sinh và thiết bị hư hỏng, rỉ rết, bốc mùi hôi thối. - Nhà để xe cán bộ tạm bợ chưa có.+ Sân bê tông xi măng bị nứt, lún - Sửa chữa nâng cấp các hạng mục hư hỏng nêu trên	Nhằm hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất trụ sở làm việc, tạo điều kiện thuận lợi nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị	1.900
5	Chi cục Thủy lợi	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Chi cục	- Một số cửa đã được thay mới, các cửa còn lại đã mối mọt, xuống cấp cần được thay mới - Lớp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cao bô, sơn mới; - Thiết bị vệ sinh đã xuống cấp gây tắc nghẽn, gây bất tiện đến việc sử dụng: Xử lý khơi thông và thay mới các phòng vệ sinh hiện có. -Mái tôn đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới;	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	1.000
6	Chi cục Chăn nuôi và Thú y Quảng Bình	SC nâng cấp cơ sở vật chất 05 Trạm Chăn Nuôi và Thú y cấp huyện thuộc Chi cục Chăn nuôi và TY	Thành phố Đồng Hới và các huyện, thị xã	Đảm bảo điều kiện hoạt động của các Trạm	Cơ sở vật chất của các Trạm chăn nuôi và Thú y cấp huyện tại các địa phương nhiều hạng mục bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng, do thời gian xây dựng đã lâu nên đã làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác hoạt động của các trạm, do đó việc nâng cấp duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất hiện nay là hết sức cần thiết và cấp bách. Thay thế hệ thống cửa đã cũ hư hỏng, Cao bô tô trát lại tường bị nứt, sơn lại và chống thấm các trạm, Thay thế nền nhà bị bong tróc của các trạm, Sửa chữa một số hạng mục khác	Tạo môi trường làm việc tốt cho cán bộ	3.000
7	Sở GTVT	Sửa chữa nâng cấp trụ sở làm việc của Sở GTVT	Phường Đồng Phú - Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình	Đảm bảo điều kiện làm việc, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước của Sở GTVT	- Hàng rào bảo vệ khuôn viên trụ sở xây dựng đã lâu, hư hỏng, xuất hiện nhiều vết nứt trên mặt tường xây; Xây dựng lại cổng ra vào cơ quan, tường rào khuôn viên; - Sửa chữa các phòng ở tầng 3 gồm phòng làm việc 9-10xA'-C và phòng làm việc 10'-11'xG'-K'; Tháo dỡ thiết bị điện, đóng trần thạch cao, sửa chữa, thay thế hệ thống điện trong phòng. - Tháo dỡ nhà để xe máy sắt hàng rào phía đông - Xây dựng sân đường nổi bộ trên nền sân cũ - Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước mưa hàng bê tông, dầy nắp bằng tấm đan composit; - Xây dựng hệ thống bồn hoa, xây xanh, cảnh quan trong khuôn viên - Bổ sung hệ lam thép chắn nắng mặt đứng của cơ quan	Sửa chữa trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, công chức, người lao động.	1.000
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sửa chữa nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Thành phố Đồng Hới	Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất trụ sở làm việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	- Phía sau nhà làm việc nước mưa hắt vào phòng gây cản trở và khó khăn trong quá trình hđ, hệ thống máng bê tông thu thoát nước trên mái nhà nứt hỏng, phần sơn ngoài nhà bị long lổ, sẽ nổ mái bị bong tróc nhiều chỗ, hệ thống vệ sinh bị tắc, cửa phòng vệ sinh bằng gỗ bị cong vênh không khít (đã bố trí SC năm 2023 nhưng không đáp ứng đủ nhu cầu);. - Cần chống thấm, cao bô sơn cũ, sơn mới trong và ngoài. - Xử lý khơi thông và thay mới các phòng vệ sinh hiện có. - Xử lý các phần bị hỏng đã nêu trên	Nhằm hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất trụ sở làm việc, tạo điều kiện thuận lợi nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị	1.900
9	Sở Công Thương Quảng Bình	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Sở Công Thương Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Đảm bảo điều kiện làm việc của Sở Công Thương Quảng Bình	Hệ thống cửa panô kính đã bị cong vênh, hệ thống dây và thiết bị điện sinh hoạt, nhà vệ sinh đã xuống cấp, hư hỏng gây mất an toàn. Hệ thống ô văng tầng 3,4 hư hỏng tại điểm tiếp giáp với tường xây làm nước mưa thấm vào phòng làm việc, hệ thống mái bị hư hỏng. Cần thay mới cửa, Cạn bô, sơn mới tường toàn bộ tường nhà, xử lý chống thấm san, senô, tường, thay thế, sửa chữa hệ thống mái tôn, hệ thống chống sét. Làm mới trần thạch cao, sửa chữa, thay thế hệ thống thiết bị vệ sinh, điện, nước bị hư hỏng; sửa chữa hệ thống phụ trợ như thoát nước, sân, cổng, hàng rào..	Khắc phục tình trạng xuống cấp, hư hỏng của công trình	2.000

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
10	Tinh đoàn Quảng Bình	Cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất Cơ quan Tinh đoàn Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của cơ quan Tinh đoàn	Trụ sở Cơ quan Tinh đoàn được xây dựng từ năm 1997 đến nay có nhiều hạng mục bị xuống cấp cần được đầu tư sửa chữa: Tường thấm dột, hệ thống cửa cong vênh, hệ thống mái tôn xà gỗ bị thủng nhiều chỗ, các khu vệ sinh bị hư hỏng; Cao hồ sơn cũ, sơn mới lại các hạng mục; Thay thế gạch lát nền bị bong tróc; Thay thế hệ thống mái; Sửa chữa một số hạng mục khác	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	2.500
11	Sở Tài chính Quảng Bình	Sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc 5 tầng và mua sắm thang máy trụ sở	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Sở Tài chính Quảng Bình	Trụ sở đưa vào sử dụng từ năm 2008, hiện nay phần Sê nô mái đã bị thấm nước ngấm vào tường từ tầng 5 xuống tầng 1, các lớp sơn bên trong và ngoài nhiều chỗ bị bong tróc, hệ thống cửa sổ chớp phía ngoài nhà và khuôn ngoài bị cong vênh, mỗi một cục bở. Thang máy sử dụng đã lâu nên hư hỏng, mất an toàn trong quá trình vận hành; Xử lý chống thấm seno mái và hệ thống thoát nước mái, xử lý chống thấm các vị trí khác, Ốp tường nhựa một số phòng. Sơn lại toàn bộ nhà làm việc 5 tầng, Sơn sửa, thay thế cửa chớp mặt ngoài, nẹp cửa bên trong nhà hư hỏng. Thay thế thang máy cũ xuống cấp hư hỏng không còn đảm bảo khả năng phục vụ.	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	3.800
12	Hội Cựu chiến binh Tỉnh	Sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng trụ sở Hội Cựu chiến binh Tỉnh	Thành phố Đồng Hới	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan và các đơn vị đến làm việc	Nhà 3 tầng phần mái hư hỏng, thấm dột, một số chỗ bị nứt nước mưa chảy trực tiếp xuống các vết nứt gây bong tróc các lớp sơn trần bên trong nhà. Thiệt bị vệ sinh. Bậc cấp cầu thang, sảnh nứt nẻ hư hỏng. Hệ thống cống, hàng rào rỉ rỉ, hỏng, bong tróc mặt ngoài. Cần cải tạo sửa chữa các hạng mục nêu trên	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ cơ quan và các đơn vị đến làm việc	1.000
13	Hội Nhà báo	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Hội Nhà báo	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Hội Nhà báo	Nhà 3 tầng sử dụng từ năm 2008, trải nghiệm hệ xà gỗ đã xuống cấp, hư hỏng, hệ thống sê nô mái tầng 3 bị thấm dột. Hàng rào 3 phía đã cũ, xuất hiện nhiều vết nứt cục bộ trên mặt tường xây, lớp quét màu bị bong tróc, sân sau khuôn viên trụ sở còn sân nền đất, không đồng bộ; Xây dựng mới hàng rào 02 mặt bên và mặt sau (mặt trước đã thi công). Lợp lại mái hiện có bằng tôn sóng vuông kết hợp chống thấm sê nô, cải tạo hệ thống thu nước và thoát nước mặt sân khuôn viên, Xây dựng 01 sân bóng chuyền ngoài trời và 01 sân cầu lông kết hợp nhà để xe cho cán bộ nhân viên tại khu đất phía sau khuôn viên.	Cải tạo, sửa chữa trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ, nhân viên cơ quan	1.600
14	Hội chữ thập đỏ tỉnh Quảng Bình	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Hội chữ thập đỏ tỉnh Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Hội	Trụ sở chính. Một số cửa đã được thay mới, các cửa còn lại đã mối mọt, cong vênh, xuống cấp cần được thay mới Lớp sơn tường trong trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cao bô, sơn mới. Thay mới mái tôn, chống thấm sê nô mái nhà làm việc Hàng rào bao quanh đang xây song sắt, trụ gạch đã cũ, xuống cấp hư hỏng cần thay mới. Một số hạng mục phụ trợ khác: Sửa chữa mái, chống thấm nhà kho khuôn viên...	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	1.800
C	SỰ NGHIỆP KINH TẾ						26.600
1	Ban Quản lý Rừng phòng hộ Đồng Hới và ven biển tỉnh Quảng Bình	Xây dựng Cải tạo, sửa chữa Trụ sở các nhà Trạm bảo vệ rừng và khuôn viên nhà Trạm BVR thuộc BQLRPH Đồng Hới và ven biển tỉnh Quảng Bình	Huyện Quảng Ninh, Huyện Lệ Thủy	Đảm bảo điều kiện làm việc CB CNVC của Ban Quản lý Rừng phòng hộ Đồng Hới và ven biển tỉnh Quảng Bình	Các trạm BVR được đưa vào sử dụng lâu năm, xuống cấp và hư hỏng nhiều, mái tôn thấm dột, không có hàng rào và cổng, tường bị thấm và bong rộp... ảnh hưởng đến nhu cầu làm việc và sinh sống của cán bộ nhân viên Quy mô: Tại các trạm Đình Mười, Hưng Thủy, Sơn Thủy - Xây dựng, cải tạo cổng, hàng rào của các trạm, Thay thế hệ thống mái của các trạm, Thay thế, sửa chữa hệ thống công trình phụ trợ, Cao bô, sơn mới lại tường, trần nhà các trạm, Nền nhà bị bong tróc, thay thế nền cũ, Xây dựng sân bãi và khuôn viên	Nhằm sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan, tạo được sự Uy nghiêm của đơn vị chức trách đóng trên địa bàn	3.000

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
2	Trung tâm Giồng thủy sản	Sửa chữa nâng cấp hệ thống kênh thoát lũ tại Trại cá giồng nước ngọt Đại Phụng	Xã Đại Trạch, huyện Bồ Trạch, Quảng Bình	Đảm bảo an toàn cho các ao, hồ đang nuôi dưỡng, bảo tồn, duy trì các loại cá bố mẹ, cá giống trong các mùa mưa bão	Hiện tại có 03 tuyến kênh thoát nước được xây dựng bằng kết cấu BTCT bị đất đá vùi lấp tích tụ nhiều năm cây cỏ mọc um tùm làm cản dòng chảy, một vài vị trí bị sạt lở, gây vỡ nên không thoát nước được, gây ảnh hưởng rất lớn đến việc thoát lũ, không đảm bảo an toàn cho các ao hồ nuôi dưỡng trong trại giống. - Sửa chữa, cải tạo 03 tuyến kênh hư hỏng	Các kênh đất làm mới bằng kênh BTCT, một số đoạn xuống cấp thì gia cố lại mái bờ kênh bằng tấm lát BTCT	1.800
3	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất các trạm cấp nước Lê Ninh, Tiên Hóa và Ba Đồn	NT Lê Ninh huyện Lê Thủy, xã Tiên Hòa-Tuyên Hóa và thị xã Ba Đồn	Đảm bảo điều kiện làm việc của các Trạm cấp nước Lê Ninh, Tiên Hóa và Ba Đồn	- Các nhà điều hành được xây dựng từ lâu nên hiện nay đã xuống cấp cần được cải tạo sửa chữa. - Một số hạng mục của nhà kho đựng hóa chất đã xuống cấp cần được cải tạo để đảm bảo điều kiện lưu trữ hóa chất xử lý. - Sửa chữa một số đoạn hàng rào tại các trạm đã xuống cấp, và sơn mới hàng rào bao che. - Cải tạo một số đoạn rãnh thoát nước và sân vườn khuôn viên.	Nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên và ổn định quản lý, vận hành hệ thống	1.800
4	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	Sửa chữa, nâng cấp thay thế mạng lưới tuyến ống cấp nước sạch xã Mai Thủy	Xã Mai Thủy, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình	Đảm bảo lưu lượng, áp lực nước trên mạng lưới tuyến ống nhằm đáp ứng nhu cầu nước sạch của người dân xã Mai Thủy	Hệ thống cấp nước sạch cho cụm dân cư thôn Thái Xá, xã Mai Thủy được tổ chức Đông Tây Hội Ngộ tài trợ kinh phí đầu tư xây dựng năm 2012. Tuy nhiên toàn bộ mạng lưới tuyến ống cấp nước D140-32mm của công trình sử dụng ống nhựa PVC loại mỏng, kém chất lượng dẫn đến nhanh xuống cấp, thường xuyên bị bục vỡ gây rò rỉ, thất thoát nước, làm giảm lưu lượng, áp lực nước trên mạng lưới. Do đó cần thiết phải sửa chữa, thay thế bằng loại ống đảm bảo chất lượng.	Sửa chữa, thay thế mạng lưới tuyến ống PVC phục vụ cấp nước sinh hoạt	3.000
5	Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Trung tâm	Lớp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, bong tróc cần được cạo bỏ, sơn mới. Sơn lại hàng rào đã bị bong tróc, xuống màu. Phần sẽ nở bị thấm nước, têu mỡ: Chồng thấm mái bằng các chất chống thấm chuyên dụng. Nền nhà làm việc: Nền bị bong tróc lớp gạch nhiều nơi, Thay mới lớp gạch nền tại một số vị trí bị hư hỏng Xây dựng Gara xe máy. Xây dựng rãnh thoát nước	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	1.400
6	Trung tâm DV&QT, bến xe khách Quảng Bình	Sửa chữa nâng cấp nhà điều hành, sân đậu đỗ đón trả khách bên xe Nam Lý	Phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc, thực hiện tốt chức năng quản lý nhà được được giao tại bến xe trực thuộc Trung tâm	- Sân đậu đỗ, đón trả khách: Mặt sân thấp hơn so với các tuyến đường bao quanh. Tổng diện tích sân đậu đỗ, đón trả khách 3.400m ² . - Nhà điều hành, phòng vé: đã sử dụng hơn 20 năm, hệ thống cửa nhôm kính đã hư hỏng, xuống cấp, sơn trong và ngoài nhà bị bong tróc, hệ thống điện chiếu sáng và sinh hoạt hư hỏng không sử dụng được. Tháo dỡ hệ thống cửa chính và cửa sổ đã xuống cấp, lắp đặt lại lại hệ thống cửa chính và cửa sổ; Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ, và sơn mới lại dầm, trần, cột, tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ; Thi công trần thạch cao thả, lát nền sân, Pha dỡ hệ thống thoát nước cũ Cải tạo khu vực bán vé; Cải tạo hệ thống điện sảnh tầng 1	Nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên đồng thời góp phần xây dựng nên bến xe văn minh, hiện đại	2.400
7	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình	18A Quang Trung - Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của các đơn vị làm việc tại trụ sở (TT QLHT các KCN, KKT; DLS; HLG; HBTNTT&TEMCI; Hội VSPNKI)	Trụ sở (tiếp nhận từ năm 1999) đã quá cũ và xuống cấp. Hệ thống mái hư hỏng nước chảy vào trong phòng làm việc; Hệ thống tường mái, tấm lợp hồ xi măng đã bị hư hỏng, hệ thống xà gỗ đã bị gù, sàn mái bị thấm dột; thay thế hệ thống mái lợp tôn, xà gỗ thép, hệ thống chống sét.; Dục lớp đá ốp mặt ngoài toàn bộ trụ sở, tô trát sơn lại tường ngoài trụ sở Một số cửa đã được thay mới, các cửa còn lại đã mối mọt, xuống cấp cần được thay mới bằng. Mái tôn sân đã hoen rỉ, hư hỏng cần thay mới. Hệ thống điện, nước, hệ thống PCCC đã bị hư hỏng xuống cấp cần được đầu tư sửa chữa đảm bảo công năng sử dụng	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	2.000

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
8	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực Khu kinh tế	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực Khu kinh tế	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ Ban QLDA ĐTXD KV KKT	Tường xây gạch cửa trụ sở bị thấm nước vào các phòng làm việc làm các lớp sơn trong nhà bị bong tróc, cửa gỗ kính pa nô bị cong vênh, hệ thống điện chiếu sáng và thiết bị vệ sinh bị hư hỏng không sử dụng được. Đề xuất mở rộng nâng cấp nhà làm việc tầng 3 thành hội trường; Cải tạo, xây bổ sung phòng làm việc tại tầng 3; Tháo dỡ mái tôn, xà gỗ cũ, thay mới xà gỗ thép hộp mạ kẽm, thay mới toàn bộ mái tôn sóng; thay các cửa bị hư hỏng Cải tạo sửa chữa hệ thống cấp điện, cấp nước, thay mới hệ thống chống sét công trình.2; Cải tạo kho hồ sơ. Cao lớp sơn cũ toàn nhà, sơn lại toàn bộ phủ màu.; Cải tạo nhà bảo vệ - gara ô tô; Cổng - tường rào Sửa chữa các hạng mục Xây lại đoạn tường rào tiếp giáp phía nhà dã5. Gara xe máy: Tháo dỡ gara xe máy cũ . Thay mái lợp tôn sóng, vì kèo, cột Sân nội bộ - rãnh thoát nước : Chỉ thực hiện đổ bê tông sân phía sau và Xây rãnh thoát nước, nắp đầy tấm thép chiều dài 30m; Lắp đặt 06 cột đèn chiếu sáng, thay cột cũ tại sân.	Khắc phục tình trạng xuống cấp, hư hỏng của công trình.	2.500
9	Tổng đội TNXP Xây dựng kinh tế tỉnh Q.Bình	Sửa chữa cải tạo Văn phòng làm việc	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Tổng đội TNXP Xây dựng kinh tế tỉnh Quảng Bình	Nhà làm việc tiếp nhận từ năm 2008 mái tôn bị hư hỏng làm nước mưa chảy vào phòng làm việc. Tường nhà thấm dột, xuất hiện các vết nứt cục bộ, hệ thống cửa bị mất một con vênh, nhà vệ sinh và thiết bị điện hư hỏng : Cần thay mới cửa,cạo bỏ, sơn mới trong và ngoài nhà, Xử lý khơi thông và thay mới các phòng vệ sinh hiện có,....	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	1.000
10	Trung tâm DVVL Thanh Niên	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Trung tâm DVVL Thanh Niên	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trung tâm DVVL Thanh Niên	Nhà làm việc vách kính phía trước và sau bị nước mưa thấm vào từ các khe nối, tường phía sau bị thấm nước làm các lớp sơn tường bị bong tróc, hệ thống đèn báo cháy các tầng không hoạt động được. Sân mái bê tông cốt thép bị nứt cục bộ ở một số vị trí: Thay mới các cửa đã bị hư hỏng, cạo bỏ sơn tường, chống thấm, sơn lại Xử lý thay thế mới hệ thống điện chiếu sáng và hệ thống trần thạch cao các phòng làm việc; Thay mới toàn bộ hệ thống đèn báo cháy, đầu báo cháy	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	2.500
11	Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trụ sở Trung tâm	thấm nước chảy vào bên trong phòng làm việc, sân mái bê tông bị nứt cục bộ 1 số vị trí: Gia cố, xử lý các vị trí bong tróc, nứt bề của các kết cấu chịu lực toàn bộ công trình; Cắt bỏ một số kết cấu mặt đứng đã bị hư hỏng, không đảm bảo an toàn; cải tạo lại mặt đứng cho phù hợp, Thay lại hệ thống cửa đi, cửa sổ nhôm kính đã cũ, xuống cấp; Sơn lại toàn bộ tường bên trong và bên ngoài của nhà làm việc;...	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	1.000
12	Công ty TNHH LCN Long Đại	Xây mới nhà vệ sinh phục vụ công tác Bảo vệ rừng tự nhiên công ích Công ty TNHH LCN Long Đại	Xã Lâm Thủy, Kim Thủy, Ngân Thủy, xã Trường Sơn, và xã Phú Định,	Đảm bảo điều kiện làm việc của các Trạm Bảo vệ rừng	7 trạm bảo vệ rừng thuộc quản lý của Công ty TNHH LCN Long Đại đang thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ 24.500ha rừng tự nhiên công ích tại 2 chi nhánh Lâm trường Khe Giũa và Trường Sơn. Các trạm đều ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, giao thông đi lại, đời sống vật chất, tinh thần cực kỳ khó khăn. - Nhà vệ sinh: mỗi trạm có 1 nhà vệ sinh đào hố bằng đất, đa số lợp tôn, biaro xi măng, thùng che xung quanh bằng gỗ đã xuống cấp nghiêm trọng, không đảm bảo vệ sinh, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe, sinh hoạt của lực lượng bảo vệ rừng: Cần xây mới các nhà vệ sinh	Bảo đảm sinh hoạt cho lực lượng BVR	1.200

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
13	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy Lợi Quảng Bình	Sửa chữa nâng cấp kênh chính Nam hồ Vực Tròn đoạn từ K18+651,7 đến K20+00	Huyện Quảng Trạch	Điều tiết cấp nước tưới 1.400 ha đất trồng lúa 02 vụ	Đoạn kênh từ K18+651,7 đến K20+00 sau nhiều năm sử dụng dưới tác động mưa lũ, biến đổi khí hậu, đoạn kênh này đã hư hỏng, xuống cấp; Đoạn kênh đi qua địa chất nền là đất cát, đáy kênh bị mục thủng, hư hỏng nhiều gây ra hiện tượng thấm nước, mất ổn định tường và đáy kênh. Tường kênh áp trong tường kênh cũ, kênh được chia thành các đoạn dài 10,0m, tại điểm nối tiếp giữa các đoạn kênh bố trí khớp lún bằng 02 lớp giấy dầu, 03 lớp nhựa đường; - Sửa chữa, thay thế các giằng kênh trên tuyến bị hư hỏng - Sửa chữa một số công trình trên kênh bị hư hỏng, xuống cấp	nhằm đảm bảo an toàn tuyến kênh và chuyển tải đủ nước tưới theo thiết kế để kịp thời phục sản xuất, bảo vệ môi trường	3.000
D	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA						5.000
1	Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh tỉnh	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh tỉnh	Thành phố Đồng Hới	Phục vụ các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ văn hóa, văn nghệ, hội thi hội diễn, tuyên truyền lưu động và đảm bảo các hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị, đại hội Đảng	TTVH đưa vào sử dụng từ năm 2018, hiện nay hệ thống đá ốp xung quanh nhà bị bám bụi mất làm mất mỹ quan. Hệ thống sân khấu hội trường một số đèn đã bị cháy, hư hỏng, ván gỗ sân và 2 bên khán đài bị mối mọt, cong vênh, vỡ vụn. Hệ thống âm thanh ánh sáng một số đã bị hư hỏng. Mái nhà bị thấm dột cục bộ một vài vị trí. Đánh bóng sửa chữa, chống thấm bậc cấp, nền trong nhà đá Granit trong nhà và ngoài. Gia cố lại, đánh bóng đá granit mặt đứng bao quanh nhà. Sửa chữa, thay thế trần thạch cao bị hỏng. Ốp thay thế tường gỗ trang trí khu vực hai bên sân khấu bị mối mọt; Thay thế nẹp gỗ, phào gỗ trang trí tường bị mối mọt bằng nẹp gỗ nhựa. Thay thế Ốp tường tấm MDF dày 16mm, phủ veneer bao gồm cả khung xương gỗ bị hỏng do mối mọt bằng gỗ nhựa. Thay thế Ốp tường tấm MDF dày 16mm, phủ veneer bao gồm cả khung xương gỗ bị hỏng do mối mọt bằng gỗ nhựa; Thay thế gỗ sân khấu, Thay thế Cửa đi, cửa sổ gỗ tự nhiên kết hợp vật liệu cách âm do bị mối mọt; Sơn lại toàn bộ cửa gỗ; Thay thế phụ kiện hệ thống cửa kính khu vực sảnh chính chính bị hỏng; Vệ sinh sơn lại tường, trần ngoài nhà; Thay thế phụ kiện hệ thống cửa kính khu vực sảnh chính chính bị hỏng; Thay thế, bổ sung hệ thống đèn chiếu sáng khu vực hội trường chính, khu vực hành lang, sảnh trong, ngoài nhà hát...	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện phục vụ chuyên môn nghiệp vụ và các nhiệm vụ chính trị, Đại hội Đảng	3.000
2	Bảo tàng tỉnh Quảng Bình	Sửa chữa, cải tạo Bảo tàng tỉnh Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo việc bảo tồn các di tích, văn hóa được lưu trữ ở khu vực Bảo tàng	- Hiện tại phần mái và tầng áp mái khối nhà chính bị bong tróc, nứt gãy, gây thấm dột nghiêm trọng cần phải cải tạo, chống thấm lại. - Hệ thống mái che khu trưng bày ngoài trời đã bị gỉ sét, không đảm bảo được việc che chắn, bảo vệ cho hiện vật trưng bày cần được sửa chữa lại. - Lớp sơn tường trong nhà tại các vị trí bị thấm dột gây bong tróc, rêu mốc cần được cao bỏ, sơn mới. - Thay thế hệ thống trần thạch cao đã bị thấm dột gây nứt vỡ, rơi rớt. - Thay thế hệ thống đèn chiếu sáng và các camera đã bị hỏng, lắp mới camera tại một số vị trí cần thiết. Công, hàng rào và khuôn viên ngoại thất: xây mới hệ thống công hàng rào với chiều dài khoảng 400m, Xây dựng mới biển hiệu trụ sở cơ quan, Cải tạo khuôn viên ngoại thất, sửa chữa một số vị trí mặt sân bị sụt lún, nứt gãy. Bổ sung hệ thống cây xanh, điện chiếu sáng...	Nhằm bảo tồn và lưu giữ các hiện vật văn hóa, đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan, làm tăng mỹ quan cho khách khi tham quan Bảo tàng.	2.000
D	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC						1.500

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
1	Trung tâm Kỹ thuật Đo lường thử nghiệm	Sửa chữa cải tạo cơ sở vật chất Trung tâm Kỹ thuật Đo lường thử nghiệm	Thành phố Đồng Hới	Đàm phán điều kiện làm việc của Tru sở Trung tâm	Khu nhà hành chính phòng thí nghiệm cơ điện đã bị hư hỏng để nghị cải tạo phòng này làm phòng chức năng khác, hệ thống cửa panô kính bên trong nhà bị cong vênh, hư hỏng cục bộ một số vị trí. Khu vệ sinh thiết bị và cửa đi, hệ thống điện hư hỏng: cần phải được cải tạo sửa chữa Hệ thống kiểm định xi téc ô tô: Bể chứa nước quân hàng thép bị nổi do mưa bão ngập nước, hiện tại không thể sử dụng cần được đào móng gia cố bằng bê tông, giằng neo chống nổi, xây tường bao quanh chống ngập nước, xây dựng và đấu nối hệ thống thoát nước Kho lưu và bảo quản mẫu: Tường bị bong rộp, cần được cạo bỏ, sơn và chống thấm, hệ thống cửa bị mối mọt xuống cấp cần phải thay thế Hàng rào: Hàng rào bị nghiêng, nứt vỡ, một số đoạn bị hỏng	Sửa chữa, cải tạo trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan, phục vụ doanh nghiệp và người dân đến kiểm định	1.500
F	SỰ NGHIỆP Y TẾ						4.500
1	Bệnh viện y học cổ truyền và chăm sóc SKCB	Sửa chữa cải tạo trụ Sở Phòng Khám - Quản lý sức khỏe cán bộ	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo khả năng đáp ứng cơ sở hạ tầng phục vụ công tác khám, điều trị và chăm sóc sức khỏe cho cán bộ	Nhà làm việc đưa vào sử dụng đã lâu, công trình đã xuống cấp, sơn tường trong và ngoài nhà đã bị bong tróc, hệ thống điện một số đã bị hư hỏng... Cần cạo bỏ lớp sơn cũ, sơn mới trong và ngoài nhà, thay toàn bộ hệ thống điện bị hỏng, Chống thấm mái và sẽ nỏ, sửa chữa toàn bộ các nhà vệ sinh và hệ thống nước thải phòng xét nghiệm...	Đảm bảo khả năng đáp ứng của cơ sở hạ tầng phục vụ công tác khám, điều trị và chăm sóc sức khỏe cho cán bộ	1.500
2	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Bắc Quảng Bình	Cải tạo, sửa chữa dãy nhà làm việc Khoa dược và Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quảng Bình	Phường Quảng Thọ - Thị xã Ba Đồn	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục dãy nhà làm việc Khoa dược và Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, đảm bảo điều kiện làm việc và nâng cao chất lượng bảo quản thuốc cũng như kiểm soát nhiễm khuẩn	Dãy nhà 2 tầng bố trí nơi làm việc và kho thuốc của Khoa dược và Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn được xây dựng từ những năm 1996-1997, từ đó đến nay đã gần 30 năm nhưng vẫn chưa được đầu tư sửa chữa triệt để các hạng mục thuộc dãy nhà. - Hiện trạng dãy nhà: Mái bị thấm dột một số vị trí; Tường nhà bị bong tróc vữa, lớp sơn tường dần dần bị hoen ố, mốc meo; Nền gạch bị vỡ, Hệ thống cửa hàng gỗ đã bị mối mọt, hư hỏng nặng nề, Hệ thống điện quá cũ kỹ, không đảm bảo an toàn. Sửa chữa, thay thế một số vị trí mái bị thấm dột, quét chống thấm seno mái; Tô trát lại tường ngoài, sơn lại; Dầm, trần cao xà sơn cũ, sơn lại; Thay thế gạch nền cả 2 tầng; Thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ các hạng mục bị hư hỏng; Thay mới toàn bộ hệ thống, thiết bị điện, mạng.	Cải tạo sửa chữa các hạng mục thuộc dãy nhà làm việc Khoa dược và Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn	3.000
G	ĐÀM BẢO XÃ HỘI						4.000
1	Cơ sở cai nghiện ma túy	Sửa chữa cải tạo cơ sở vật chất Cơ sở cai nghiện ma túy	TP Đồng Hới	Đảm bảo cơ sở vật chất của cơ sở	Nhiều hạng mục đã được xây dựng và đưa vào sử dụng từ lâu đã cũ, tường bị rêu mốc bong rộp, trần nhà bị thấm dột do mái đã cũ, nền nhà bị bong tróc, các hạng mục phụ trợ trong khuôn viên còn chưa đảm bảo như đường giao thông nhỏ hẹp, hệ thống thoát nước chưa đồng bộ gây ngập nước cục bộ, hệ thống điện chiếu sáng, nước sinh hoạt bị hư hỏng, sân vườn khuôn viên chưa đồng bộ; Thay thế hệ thống mái nhà,, sơn mới lại tường, trần trong và ngoài nhà, Sửa chữa, thay thế hệ thống điện đã cũ, Thay thế hệ thống cửa bị mối mọt hư hỏng, Hệ thống thoát nước hạ tầng trong khuôn viên, Sửa chữa một số hạng mục khác	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, nhân viên cơ quan	2.500
2	Trung tâm công tác xã hội tỉnh Quảng Bình	Sửa chữa cải tạo trung tâm công tác xã hội tỉnh Quảng Bình (Cơ sở 2)	TP Đồng Hới	Đảm bảo cơ sở vật chất của cơ sở	Nhiều hạng mục đã được xây dựng và đưa vào sử dụng từ lâu đã cũ, tường bị rêu mốc bong rộp, trần nhà bị thấm dột do mái đã cũ, nền nhà bị bong tróc, Lớp sơn tường trong và tường ngoài trụ sở đã bạc màu, các hạng mục phụ trợ trong khuôn viên còn chưa đảm bảo: Cần chống thấm mảng tường phía Nam, sơn trong và ngoài; Thay mới mái tôn nhà làm việc; Chống thấm sẽ nỏ và một số hạng mục đã bị hư hỏng.	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất trụ sở nhằm đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, đối tượng DBXH	1.500
H	ĐƠN VỊ KHÁC						2.500

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
1	Viện kiểm sát ND tỉnh	Sửa chữa cải tạo cơ sở vật chất Viện kiểm sát ND tỉnh	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo điều kiện làm việc CB CNVC của Viện kiểm sát ND tỉnh	Hệ thống cửa sổ mặt ngoài xung quanh nhà bị hư hỏng cục bộ, sơn cửa bị bong tróc mỗi một cục bộ. Hệ thống nhà vệ sinh phía trong nhà khuôn ngoại bị mối mọt, trần phòng vệ sinh bị bong tróc phải gia cố bằng dây thép, trần nhà làm bằng tấm thạch cao lớp sơn đã bị bong tróc nhiều chỗ, mái nhà thấm dột (đã bố trí KPSC năm 2024 nhưng đáp ứng chưa đủ nhu cầu), hệ thống điện bị hư hỏng. . . : Sửa chữa hệ thống điện, Cao bỏ lớp sơn cũ, xử lý tường bị bong nứt, sơn mới lại 1 nước lót 2 nước, Dục, thay thế nền nhà bị hỏng, Thay thế hệ thống cửa bị hư hỏng....	Nhằm khắc phục sửa chữa các hạng mục hư hỏng đảm bảo điều kiện làm việc CB CNVC của Viện kiểm sát ND tỉnh	2.500
1	SỰ NGHIỆP TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG						18.291
1	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình	Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động tại Nhà máy xử lý nước thải KCN Cảng biển Hòn La	KCN Cảng biển Hòn La, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Theo quy định pháp luật về môi trường thì Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN phải có hệ thống quan trắc nước thải tự động	1. Đầu tư lắp đặt các thiết bị quan trắc nước thải theo quy định, bao gồm: Các thiết bị đo các chỉ tiêu của nước COD, TSS, PH, Temp, NH4+, Máy lấy mẫu; 2. Hạng mục phụ trợ: Hệ thống camera xoay giám sát; hệ thống báo cháy khói; Bộ lưu điện UPS 2KVA; bơm thu mẫu từ bể khử trùng về trạm quan trắc; Chất chuẩn; 3. Phụ kiện lắp đặt và kết nối hệ thống 4. Chi phí truyền số liệu về Sở TNMT + hiệu chuẩn + báo cáo kết quả ra; 5. Chi phí lắp đặt.	Đảm bảo tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước về việc phải có hệ thống quan trắc nước thải tự động tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung và truyền dữ liệu về Sở Tài Nguyên và Môi trường.	3.000
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sửa chữa hệ thống phòng cháy và chữa cháy tự động bằng khí FM200 tại kho lưu trữ tầng 7,8,9 Trụ sở làm việc Văn phòng Sở, Trung tâm Dữ liệu địa chính và các đơn vị trực thuộc Sở	Thành phố Đồng Hới	Đảm bảo theo điều kiện quy định Phòng cháy và chữa cháy	Hệ thống phòng cháy và chữa cháy tự động bằng khí FM200 tại kho lưu trữ tầng 7,8,9 trụ sở làm việc VP Sở, Trung tâm dữ liệu địa chính không còn hoạt động được. Hệ thống đèn tín hiệu báo cháy không hoạt động do hỏng hóc; Xây dựng lại bể nước PCCC và đặt nhà máy bơm chữa cháy cho toàn bộ nhà; Khắc phục sửa chữa và xây mới các nội dung nêu trên	Hạn chế tối đa những rủi ro mà cháy nổ gây ra về người và tài sản của trụ sở, góp phần thực hiện hiệu quả Luật Phòng cháy và chữa cháy.	4.500
3	Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng	Hàng rào khuôn viên và các hạng mục phụ trợ khu nuôi cứu hộ các cá thể Hồ tiếp nhận từ VQG Pù Mát	Huyện Bố Trạch	Đảm bảo điều kiện sinh sống của các cá thể Hồ tiếp nhận từ VQG Pù Mát về VQG Phong Nha - Kẻ Bàng	Do loài Hồ khí trường thành cần có không gian vận động gần gũi với môi trường tự nhiên, nên cần hoàn thiện cơ sở hạ tầng để tạo nên khu cách ly an toàn, thuận lợi cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc động vật hoang dã, cũng như các hoạt động nghiên cứu và du lịch mở rộng. Do đó việc xây dựng khuôn viên và các hạng mục phụ trợ khác là rất cần thiết Cần xây dựng khu nuôi mở rộng liên kế với 03 khu nuôi nhốt Hồ hiện có, gồm 6 chuồng nuôi riêng biệt ngăn cách bằng hàng rào thép và các hạng mục phụ trợ khác	Nhằm đảm bảo điều kiện sinh sống của các cá thể Hồ tiếp nhận từ VQG Pù Mát về VQG Phong Nha - Kẻ Bàng	4.500

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
4	Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng	Sửa chữa Trạm Kiểm lâm Chả Nồi	Xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch	Đảm bảo điều kiện làm việc của Trạm kiểm lâm Chả Nồi	Nhà làm việc mái lợp ngói xi măng trên hệ thống xà gỗ một số vị trí đã bị vỡ ngói làm nước mưa tràn vào trong sàn BTCT gây thấm dột bong tróc các lớp sơn trong nhà. Hệ thống điện và thiết bị vệ sinh bị hư hỏng không sử dụng được. Khu nhà ở cán bộ kiểm lâm là nhà cấp 4: phần mái lợp đã sập tại góc tường; sửa chữa, nâng cấp các hạng mục đã bị hư hỏng	Khắc phục tình trạng xuống cấp, hư hỏng của công trình, đảm bảo môi trường làm việc, sinh hoạt cho cán bộ kiểm lâm quản lý, bảo vệ rừng, góp phần nâng cao hiệu quả công quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị Di sản thế giới	2.000
5	Văn phòng Đăng ký đất đai	Cải tạo trụ sở làm việc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bố Trạch	Thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Đảm bảo trụ sở làm việc, kho lưu trữ hồ sơ tài liệu của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bố Trạch	Cải tạo lại nhà khách của VPUBND huyện BT để làm Văn phòng; Nhà làm việc: đã xuống cấp, thiết kế trước đây là nhà khách, không phù hợp với phòng làm việc; Phần mái: phá dỡ tôn bằng thủ công, Phá dỡ nền, Tháo dỡ cửa, Phá dỡ tường xây gạch: phòng WC, phòng kho; Phần điện, nước: hệ thống điện nước đã rì, sét, không còn sử dụng được, làm mới lại; Nhà xe – hạ tầng ngoài nhà: không có hàng rào, sân nền lổ ổ bê tông: làm mới một số hạng mục	Cải tạo nhà, đất Nhà khách huyện Bố Trạch thành trụ sở làm việc của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bố Trạch	1500
6	Văn phòng Đăng ký đất đai	Sửa chữa trụ sở làm việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Minh Hóa	Huyện Minh Hóa	Đảm bảo Trụ sở làm việc và kho lưu trữ cho chi nhánh huyện Minh Hóa	1. Phần mái: Mái lợp tôn đã xuống cấp, tôn mái, tôn úp nóc hỏng hoàn toàn; xà gỗ gỗ mục nát không còn sử dụng được. 2. Sửa chữa các phòng làm việc và kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu;	Sửa chữa trụ sở làm việc của chi nhánh huyện Minh Hóa	556
7	Chi cục thủy lợi	Dự án điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ và vùng lòng tỉnh QB	Trên vùng biển toàn tỉnh QB	Điều tra về nguồn lợi thủy sản, thủy sinh, năng lực khai thác	Từ trước đến nay tỉnh Quảng Bình chưa triển khai thực hiện các nhiệm vụ này nên chưa đánh giá được nguồn lợi thủy sản, thủy sinh và năng lực khai thác. Do đó UBND tỉnh đã phê duyệt Dự án (Dự án đã được bố trí vốn nhưng đầu thầu vào cuối năm, đơn vị không giải ngân kịp và bị hủy dự toán. Hiện nay đơn vị đã hoàn thành nhiệm vụ theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nên cần phải bố trí kinh phí thanh toán, tránh nợ đọng)	Để xác định được năng lực khai thác phù hợp với nguồn lợi thủy sản vùng bờ vùng lòng tỉnh QB (hạn ngạch khai thác)	2.235
K	SỰ NGHIỆP KINH TẾ (Kinh phí duy tu, bảo dưỡng, xử lý cấp bách sự cố đề điều)						14.000
		Tuyến đê bao Thượng Mỹ Trung	xã Gia Ninh, Quảng Ninh	Sửa chữa, khắc phục sạt lở đê; đảm bảo an toàn, ổn định cho công trình	Mặt đê bị xói lở sâu xuống từ 15-20cm, mái đê bị sạt cục bộ một số đoạn; không đảm bảo chống lũ sớm, lũ tiểu mãn, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt đi lại: Gia cố mặt đê bằng bê tông, mái đê bằng tấm lát	Góp phần chủ động ứng phó với lũ sớm, lũ tiểu mãn, đảm bảo phục vụ sản xuất, dân sinh	4.000

TT	Tên đơn vị	Hạng mục công trình	Địa điểm	Nhiệm vụ	Hiện trạng, sự cần thiết	Mục tiêu	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
1	Chi cục Thủy lợi	Tuyến đê bao Thượng Mỹ Trung (Cánh Ca Phú Thọ) và cống trên tuyến đê Tân Kiến Giang HTX Tân Lệ	xã An Thủy, Lệ Thủy	Sửa chữa, khắc phục sạt lở đê; đảm bảo an toàn, ổn định cho công trình.	Đê đất, thấp nhỏ, bị xói sạt, không đảm bảo chống lũ sớm, lũ tiểu mãn, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và di lại, sinh hoạt của nhân dân; có 02 cống trên đê hư hỏng hệ thống cửa van dẫn đến khó khăn trong quá trình điều tiết nước, ảnh hưởng đến an toàn công trình và sản xuất nông nghiệp. Cần gia cố bằng đá học và nâng cấp sửa chữa 02 cống, lắp đặt cửa van mới	Chủ động ứng phó với lũ sớm, lũ tiểu mãn, ngăn mặn giữa ngọt và vận hành an toàn trong mùa mưa lũ	4.800
		Đê Tân Sông Gianh và các cống trên đê	Phường Quảng Phong, TX Ba Đồn	Sửa chữa, khắc phục sạt lở đê; đảm bảo an toàn, ổn định cho công trình	1) Hiện trạng còn 120m là đê đất, bờ sông bị sạt lở, cần xây dựng nâng cấp đảm bảo chống lũ thiết kế và sạt lở bờ sông ảnh hưởng lớn vào mùa mưa lũ; 2) Có 2 cống dưới đê bị hư hỏng hệ thống cửa van dẫn đến khó khăn trong quá trình điều tiết nước, ảnh hưởng an toàn công trình và phục vụ sản xuất. Cần gia cố, cứng hóa mặt đê và sửa chữa mái đê bảo vệ phía sông và nâng cấp sửa chữa 02 cống, lắp đặt cửa van mới	chống lũ, chống sạt lở bờ sông, ngăn mặn giữa ngọt và vận hành an toàn trong mùa lũ	4.200
		Đê Nhật Lệ - Bầu Tró	Phường Đồng Hải, TP Đồng Hới	đảm bảo ổn định công trình,	Vữa tường xây đá học mặt phía sông bị bong tróc, dẫn đến mất đất trong thân đê làm tăng nguy cơ cao gây sụp lún đê. Cần gia cố đoạn tường bị bong tróc	đảm bảo ổn định công trình, an toàn lâu dài cho tuyến đê	1.000

Phụ lục 3.3

PHÊ DUYỆT DANH MỤC MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ TÀI SẢN

theo Nghị quyết số: /NQ-HDND ngày tháng năm 2024 của HDND tỉnh Quảng

TT	CHUNG LOẠI	DVT	SỐ LƯỢNG THEO ĐỊNH MỨC	SỐ LƯỢNG HIỆN CÓ	SỐ LƯỢNG ĐỀ XUẤT MUA	Ghi chú
Tổng cộng: 24.100 triệu đồng						Thời gian thực hiện: Năm 2025
Sự nghiệp kinh tế (triệu đồng)						9.100
Trung tâm Văn hóa và điện ảnh: 7.800 triệu đồng						
Mục tiêu, sự cần thiết: Trung tâm Văn hóa, Trung tâm phát hành phim và Chiếu bóng và Tạp chí văn hóa theo Quyết định số 5150/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Thời gian qua, được sự quan tâm của các cấp, các ngành, đơn vị đã tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị, các hoạt động chuyên môn, hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, máy móc, trang thiết bị chuyên dùng phục vụ các hoạt động của Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh thường xuyên xảy ra hư hỏng, một số thiết bị đã hết thời hạn sử dụng, một số thiết bị chuyên dùng chưa được đầu tư, gây cản trở các hoạt động chuyên môn của đơn vị, đồng thời, để đảm bảo phục vụ tốt các sự kiện chính trị lớn của tỉnh và phục vụ các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Đặc biệt là chuẩn bị phục vụ Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XVIII sẽ diễn ra năm 2025						
1	Màn hình led	Bộ	1	0	1	QĐ 42 /2023/QĐ-UBND 31/12/2023 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình
-	Hệ thống xử lý kỹ xảo màn hình led	Bộ	1	0	1	
-	Laptop màn hình led i7, SSD 1T	Bộ	1	0	1	
-	Phụ kiện lắp đặt màn hình led	Bộ	1	0	1	
2	Mixer đèn	Cái	1	0	1	
3	Mixer kỹ thuật số	Cái	1	0	1	
4	Đèn Follow sport 350W 17R - Đèn Par led	Bộ	40	0	13	
5	Đầu rần kỹ thuật số 32 đường	Cái	1	0	1	
6	Đèn Moving beam 450 smart (3 in 1)	Bộ	8	0	4	
7	Micro không dây cầm tay	Bộ	10	0	2	
-	Micro cổ ngỗng có dây phát biểu	Bộ	10	0	3	
-	Bộ micro hội nghị có dây (1 chủ tịch, 19 đại biểu)	Bộ	10	0	1	
-	Micro cài đầu (Máy vi tính, loa kiểm tra, micro, Sạc sạc thu âm thanh	Bộ	10	0	1	
-	Đầu micro cài tai (Máy vi tính, loa kiểm tra, micro, Sạc sạc thu âm thanh	Bộ	10	0	1	
-	Bộ kiểm âm (headphone) (Máy vi tính, loa kiểm tra, micro, Sạc sạc thu âm thanh	Bộ	10	0	2	
-	Thiết bị tăng sóng cho micro (Máy vi tính, loa kiểm tra, micro, Sạc sạc thu âm thanh	Bộ	10	0	1	
8	Loa sub đơn (Loa SUBWOOFERSUB 218G)	Bộ	8	0	4	
9	Loa thùng kèm giá đỡ	Bộ	6	0	4	
-	Bao gồm: Loa array	Bộ			6	
-	Loa monitor 15 inch	Bộ			4	

TT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG THEO ĐỊNH MỨC	SỐ LƯỢNG HIỆN CÓ	SỐ LƯỢNG ĐỀ XUẤT MUA	Ghi chú
10	Máy chủ chiếu phim (Máy chiếu lazer)	Cái	6	0	5	
11	Máy chiếu	Cái	6	0	5	
12	Máy miễn kỹ thuật số (Laptop máy chiếu i7, SSD 1T)	Cái	6	0	5	
13	Dây tín hiệu, cáp, dây điện	Bộ	1	0	1	

Đoàn nghệ thuật và Truyền thống: 1.000 triệu đồng
Mục tiêu, sự cần thiết : Đoàn nghệ thuật Truyền thống Quảng Bình không ngừng xây dựng các chương trình nghệ thuật nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh và phục vụ bà con vùng sâu, vùng xa, nhằm góp phần phát triển Văn hóa xã hội của tỉnh nhà. Luôn tổ chức các lớp tập huấn tại đơn vị, để cho đội ngũ diễn viên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tuy nhiên, hiện nay, một số thiết bị chuyên dùng chưa được đầu tư, gây cản trở các hoạt động chuyên môn của đơn vị

1	Mixer kỹ thuật số	Cái	2	0	1	Quyết định 58/2022/QĐ-UBND tỉnh ngày 12/12/2022 Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình
2	Dàn organ	Cái	4	0	1	
3	Bộ trống Jazz	Bộ	1	0	1	
4	Đàn guitar lender (Phơ guitar solo B2Four Zoom)	Bộ	2	0	1	
5	Đàn guitar bass (Phơ guitar bass GT1000 core Boss)	Bộ	2	0	1	
6	Đèn par - led màu. Trong đó:	Cái	60	14	26	
-	Đèn cob 4 mắt	Cái		0	8	
-	Đèn Moving beam 450 smart (3 in 1)	Cái		4	4	
-	Đèn Par led indoor	Cái		10	12	
-	Bee Moving head 19x40W	Cái		0	2	
7	Loa 2000WR.M.S-8000W (loa full)	Bộ	20	8	2	
8	Loa subass	Bộ	16	4	2	
9	Đàn guitar thùng	Cái	1	0	1	

Bệnh viện y được cổ truyền và chăm sóc sức khỏe cán bộ: 300 triệu đồng.
Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh từ xa, kết nối các bệnh viện chuyên khoa tuyến trung ương, đồng thời phục vụ công tác hội họp trực tuyến, giao ban định kỳ, thực hiện công tác chỉ đạo điều hành do bệnh viện có 2 cơ sở đóng ở 2 nơi cách xa nhau.

1	Lắp đặt hệ thống cầu truyền hình trực tiếp phục vụ công tác khám chữa bệnh		1	0	1	
---	--	--	---	---	---	--

Sự nghiệp Y tế (Triệu đồng) **15.000**

Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh: 2.306 triệu đồng.
Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Bộ ghế răng	Bộ	3	1	2	
2	Giường hồi sức cấp cứu	Cái	20	5	10	
3	Tủ đầu giường	Cái	400	150	50	
4	Bàn mổ	Cái	4	2	1	
5	Đèn mổ	Cái	4	2	1	
6	Máy X quang Carm	Hệ thống	1	0	1	

Bệnh viện đa khoa huyện Minh Hóa: 1.192,18 triệu đồng.
Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

TT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG THEO ĐỊNH MỨC	SỐ LƯỢNG HIỆN CÓ	SỐ LƯỢNG ĐỀ XUẤT MUA	Ghi chú
1	Bồn rửa tay	Cái	3	2	1	
2	Bồn tắm bé	Cái	1	0	1	
3	Đèn mổ	Cái	4	3	1	
4	Bàn mổ	Cái	5	2	1	
5	Bộ dụng cụ chấn thương chỉnh hình	Bộ	2	1	1	
6	Bộ ghế nha khoa	Bộ	4	2	1	
7	Hệ thống thiết bị lưu điện UPS trong phòng máy chủ	Hệ thống	1	0	1	

Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa: 2.600 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Hệ thống tán sỏi niệu quản ngược dòng công nghệ Laser	Hệ thống	1	0	1	
---	---	----------	---	---	---	--

Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch: 2.687,9 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy phá rung tim	Máy	8	0		
2	Bộ đặt nội khí quản	Bộ	10	0		
	Bộ đặt nội khí quản người lớn	Bộ		0		
	Bộ đặt nội khí quản trẻ em	Bộ		0		
3	Máy đo chỉ số khúc xạ tự động	Máy	1	0		
4	Đèn soi dây mắt	Cái	2	0		
5	Bộ kính thử thị lực mắt	Bộ	2	0		
6	Máy kéo giãn cột sống các loại	Máy	2	0		
7	Máy siêu âm điều trị	Máy	1	0		
8	Máy điều trị điện xung	Máy	4	0		
9	Máy làm ấm trẻ sơ sinh	Máy	2	0		
10	Giường bệnh	Cái	70	30		
11	Bơm tiêm điện	Cái	20	0		
12	Đèn chiếu vàng da	Cái	2	0		
13	Ghế răng	Bộ	2	0		
14	Máy giặt vát công nghiệp	Máy	1	0		
15	Máy lấy cao răng	Máy	2	0		
16	Máy phân tích huyết học	Máy	6	3		
17	Máy phân tích nước tiểu	Máy	5	3		
18	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng	Máy	5	1		
19	Máy điện tim	Máy	6	2		
20	Tủ lạnh bảo quản rác thải y tế	Cái	17	3		

Trung tâm Y tế Thị xã Ba Đồn: 370,82 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng	Máy	1	0	1	
2	Máy tạo oxy 10 lít	Máy	1	0	1	

TT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG THEO ĐỊNH MỨC	SỐ LƯỢNG HIỆN CÓ	SỐ LƯỢNG ĐỀ XUẤT MUA	Ghi chú
3	Máy điều trị vật lý trị liệu đa năng	Máy	16	0	16	
4	Máy xét nghiệm nước tiểu (máy thử nước tiểu)	Máy	16	10	6	

Trung tâm Y tế huyện Lệ Thủy: 402,33 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy đo khúc xạ, giác mạc	Máy	1	0	1	
2	Máy điện tim	Máy	1	0	1	
3	Máy điều trị vật lý trị liệu đa năng	Máy	26	0	9	
4	Máy xét nghiệm nước tiểu (máy thử nước tiểu)	Máy	26	0	1	

Trung tâm Y tế huyện Quảng Ninh: 398,8 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy đo khúc xạ mắt	Máy	1	0	1	
2	Máy tạo oxy 10 lít (Trạm Y tế)	Máy	15	0	4	

Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa: 400,31 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Bộ dụng cụ khám Tai Mũi Họng	Bộ	02	01	01	
2	Bộ kính thử thị lực	Bộ	01	0	01	
3	Máy soi cổ tử cung	Máy	01	0	01	
4	Máy hút dịch	Máy	19	05	4	
5	Máy tạo Oxy 5 lít	Máy	22	10	4	
6	Tủ lạnh bảo quản vacxin	Cái	19	10	1	

Trung tâm Y tế huyện Bố Trạch: 425,175 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy nội soi tai mũi họng	Máy	1	0	1	
2	Máy hút âm	Máy	4	1	3	
3	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy	28	1	16	

Trung tâm Y tế TP Đồng Hới: 386,875 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy xét nghiệm huyết học	Máy	2	0	1	
2	Máy xét nghiệm nước tiểu	Máy	2	0	1	
3	Máy hút âm	Máy	5	0	3	
4	Máy li tâm	Máy	2	1	1	

Trung tâm Y tế huyện Tuyên Hóa: 387,61 triệu đồng.

Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn

1	Máy xét nghiệm sinh hóa	Máy	2	1	1	
2	Máy soi cổ tử cung	Máy	1	0	1	
3	Máy lấy cao răng	Máy	1	0	1	
4	Máy điện tim	Máy	2	1	1	

TT	CHUNG LOẠI	ĐVT	SỐ LƯỢNG THEO ĐỊNH MỨC	SỐ LƯỢNG HIỆN CÓ	SỐ LƯỢNG ĐỀ XUẤT MUA	Ghi chú
Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm: 500 triệu đồng. Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác kiểm nghiệm mẫu tại đơn vị						
1	Máy thử độ hoà tan	Máy	3	2	1	
Bệnh viện Mắt: 2.942 triệu đồng. Mục tiêu, sự cần thiết: Để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân trên địa bàn						
1	Máy chụp cắt lớp võng mạc OCT (Máy chụp cắt lớp đáy mắt OCT)	Máy	1	0	1	
2	Sinh hiển vi khám mắt	Cái	5	2	1	

PHỤ LỤC 3.4
GIAO CHI TIẾT DANH MỤC SỬA CHỮA KẾT CẤU CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị thực hiện	Công trình	Sự cần thiết	Mục tiêu, quy mô	Quy mô xây dựng	Địa điểm	Chiều dài (m)	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
Sửa chữa kết cấu công trình thủy lợi (Nghị định 129/2017/NĐ-CP)							
	Bảo trì hư hỏng công trình, đào đắp đất đá bồi lấp, sạt trượt trên các công trình thủy lợi thuộc đơn vị quản lý, khai thác	Công ty quản lý, khai thác 35 hồ chứa nước lớn và vừa; hệ thống thủy lợi Rào Nan; 03 đập dâng; 09 trạm bơm tưới, tiêu; cống ngăn mặn giữ ngọt Mỹ Trung; hơn 289km kênh mương các loại và 12,23km đê bao chống úng vùng II tả Kiến Giang, với hàng nghìn công trình trên các hệ thống. Hàng năm sau mùa mưa, bão, sau mỗi vụ tưới, tiêu hoặc sau các trận mưa lớn đều bị đất đá bồi lấp, sạt trượt cần phải đào, đắp, sửa chữa các hư hỏng thường xuyên	Đào, đắp đất đá bồi lấp, sạt trượt, sửa chữa thường xuyên các hạng mục công trình đảm bảo theo yêu cầu thiết kế quy định	Phục vụ cho gần 32.000ha/năm, cấp nước thô cho nhà máy nước sinh hoạt, phòng chống lụt bão và ứng phó thiên tai trên địa bàn toàn tỉnh.	Tỉnh Quảng Bình		
	Bảo trì trạm biến áp Sông Thai	Đợt mưa giông từ ngày 15/7 đến ngày 17/7/2024 tại khu vực đầu mối hồ Sông Thai xảy ra giông và sét. Trạm biến áp LIOA 100 KVA-22/0.4KV ở đầu mối Sông Thai tại thôn 5 xã Quảng Kim đã bị sét đánh hư hỏng không vận hành được	Sửa chữa lại máy biến áp bị cháy đảm bảo chủ động trong vận hành cửa tràn xả lũ hồ Sông Thai	Cung cấp nguồn điện vận hành cửa tràn van cung điều tiết lũ và điều tiết mực nước hồ	Huyện Quảng Trạch		
	Cắm mốc chỉ giới Phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước Đồng Suôn; hồ chứa nước Long Đền	Hồ chứa nước Đồng Suôn thuộc xã Hùng Trạch-Bố Trạch, hồ chứa nước Long Đền xã Trường Xuân-Quảng Ninh được bàn giao Công ty quản lý, khai thác từ năm 2021, nhưng chưa có mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước, đến nay việc lấn chiếm đất diễn ra hết sức phức tạp. Để có căn cứ quản lý, bảo vệ chấm dứt tình trạng lấn chiếm phải cắm mốc bảo vệ	Lập phương án, cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Hồ Đồng Suôn điều tiết, dẫn nước tưới 78 ha đất lúa 02 vụ, phòng chống thiên tai; hồ Long Đền điều tiết, dẫn nước tưới 30 ha đất lúa 02 vụ, phòng chống thiên tai	Huyện Bố Trạch, Quảng Ninh		

Đơn vị thực hiện	Công trình	Sự cần thiết	Mục tiêu, quy mô	Quy mô xây dựng	Địa điểm	Chiều dài (m)	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
	Lập Quy trình vận hành các hồ chứa nước: An Mã, Tiên Lang, Vực Nôi, Thanh Sơn	Hiện nay các hồ chứa nước An Mã, Tiên Lang, Vực Nôi, Thanh Sơn là những hồ chứa thuộc loại hồ lớn nhưng chưa có Quy trình vận hành nên rất khó khăn trong quá trình vận hành, khai thác hồ chứa nhiệm vụ thiết kế của công trình. Do đó, việc lập quy trình vận hành các hồ chứa nói trên là rất cần thiết	Việc xây dựng Quy trình vận hành hồ chứa nước nhằm nâng cao hiệu quả quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du, nhất là trong mùa mưa bão. Đồng thời nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng nguồn nước phục vụ sản xuất	Phục vụ cấp nước tưới cho 7.260 lúa 02 vụ, NTTS và nâng cao năng lực điều tiết, phòng lũ trong mùa mưa bão	Các huyện: Lệ Thủy, Quảng Trạch, Bố Trạch		
	Bảo trì kênh chính Bắc (kênh Hàm Bò) đập dâng Rào Sen	Hiện nay bờ phía hữu đê gia cố bằng bê tông đổ tại chỗ, mái bờ kênh gia cố bằng tấm lát bê tông lắp ghép, nay bê tông đê đã bị vỡ nhiều nơi, mái tấm lát bị sạt trượt gây mất an toàn cho công trình.	Gia cố lại đoạn bờ kênh hỏng bằng BTCT đảm bảo mặt cắt thiết kế	Tưới gần 100ha đất lúa 02 vụ, NTTS, chống úng khi có lũ tiểu mãn, trả lại dòng chảy để tiêu thoát lũ trong mùa lũ chính vụ	Huyện Lệ Thủy		
	Bảo trì gia cố đập dâng 4 cửa hồ Phú Hoà	Cổng 4 cửa Đập dâng hồ chứa nước Phú Hoà đưa vào sử dụng từ năm 2003 và ảnh hưởng của bão lũ năm 2024 gây xói lở mái thượng, hạ lưu gây hư hỏng trầm trọng cho an toàn công trình	Sửa chữa, gia cố mái đập dâng theo yêu cầu thiết kế	Điều tiết nước tưới 263ha đất trồng lúa 02 vụ	Huyện Lệ Thủy		
	Bảo trì Máng số 01 trên kênh chính hồ Trung Thuần (đoạn từ K0+250 đến K0+290)	Máng số 01 trên kênh chính, đoạn từ K0+250 đến K0+290 dài 40m có BxH=(0,7x1,0)m bằng BTCT nay mục thùng đáy máng, trụ máng nguy cơ sập gãy.	Làm lại cầu máng bằng BTCT, chuyển tải đủ nước tưới theo quy định thiết kế	Điều tiết nước tưới 186ha đất trồng lúa 02 vụ	Huyện Quảng Trạch		
	Bảo trì kênh chính Nam hồ Vực Tròn (đoạn từ K4+450 đến K6+830)	Hệ thống kênh chính Nam hồ Vực Tròn dài 28,4km, trong đó các đoạn từ K4+450 đến K5+710; K6+530 đến K6+830, có mặt cắt hình thang, đáy BTCT đổ tại chỗ, rộng 3,3m, mái BT tấm lát đúc sẵn, hệ số mái m=1,5, hiện nay bê tông tấm lát mái bị sạt trượt, đáy kênh bê tông nứt gãy, gây mất ổn định và nguy cơ vỡ kênh cần đầu tư sửa chữa, đảm bảo tuyến kênh làm việc ổn định.	Bọc lại kênh bằng BTCT, đảm bảo công trình ổn định, chuyển tải đủ nước tưới theo quy định thiết kế	Điều tiết nước tưới 1150ha đất trồng lúa 02 vụ	Huyện Quảng Trạch		

Đơn vị thực hiện	Công trình	Sự cần thiết	Mục tiêu, quy mô	Quy mô xây dựng	Địa điểm	Chiều dài (m)	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy Lợi Quảng Bình	Bảo trì trạm bơm Tiên Thiệp	Nhà trạm bơm được xây dựng từ năm 1970, qua 54 năm sử dụng nay đã xuống cấp, hư hỏng nặng: trụ, dầm nhà, dầm cầu máy, ray, sàn chống lũ bằng BTCT bị bong, tróc nứt nẻ làm thép bị hoen rỉ nhiều; dầm cầu máy làm bằng gỗ bị cong vênh mối, mọt; gỗ vì kèo, li tô mái ngói đã hư hỏng;...	Xây dựng lại nhà trạm bơm đảm bảo vững chắc, ổn định lâu dài trong quản lý vận hành máy bơm, động cơ, thiết bị trạm bơm	Bơm nước tưới cho hơn 210ha lúa/năm	Xuân Thủy - Lệ Thủy		20.000
	Bảo trì kênh chính hồ Đồng Vạt	Hệ thống kênh chính dài 1,3km, BxH=(0,5x0,6)m trong đó đoạn kênh K0+220 đến K0+861 dài 641m kênh bằng BTCT đã bị sập	Đào bỏ kênh cũ làm lại kênh bằng BTCT	Điều tiết nước tưới 25ha đất trồng lúa 02 vụ	Huyện Quảng Trạch		
	Bảo trì hầm van công, hệ thống kênh chính hồ Vực Nổi	Hầm van công hạ lưu công áp lực hồ Vực Nổi bị ngập nước; kênh chính bị hư hỏng đoạn K0+K0+800 dài 800m bị mục bê tông tiếp giáp đáy với chân tường; kênh chính nam đoạn từ K1+150- K1+230 dài 80m mặt cắt kênh bị co hẹp không tải được lưu lượng theo yêu cầu	Làm kênh mới bằng BTCT	Điều tiết nước tưới 517ha đất trồng lúa 02 vụ, 23ha đất nuôi trồng thủy sản	Huyện Bố Trạch		
	Bảo trì đập Phường Bún	Đập Phường Bún có 8 khoang mỗi khoang có chiều cao trụ Pin 3,0m, rộng 2,2m. Hiện có 02 khoang giữa đã làm dãn van, cửa van và lắp máy đóng mở V5, còn lại 06 khoang vận hành khi tưới bằng lắp 02 hàng van phai đắp đất ở giữa, khi có mưa lớn hoặc đến mùa lũ phải đào đất, tháo phai trả lại dòng chảy rất nguy hiểm trong qly vận hành	Sửa chữa trụ Pin bằng BTCT, làm dãn van, cửa van và máy đóng mở V5 đảm bảo vận hành an toàn, ổn định lâu dài	Điều tiết nước phục vụ tưới 73 ha đất trồng lúa 2 vụ của Thị trấn Hoàn Lão	Huyện Bố Trạch		
	Bảo trì kênh chính hồ Đồng Sơn (K0+320-:- K0+720)	Hệ thống kênh chính hồ Đồng Sơn dài 2,7km, đoạn từ K0+320 đến K0+720 dài 400m; đáy bằng BTCT, tường xây gạch đất sét nung. Hiện nay đáy bê tông, tường gạch đã bị mục nát, hư hỏng nặng. Hệ thống kênh đều đi chìm sâu trong khu dân cư đông đúc, việc giải phóng mặt bằng không thể thực hiện được để nâng cấp kênh bằng BTCT trên toàn tuyến.	Đầu tư xây dựng đường ống HDPE đảm bảo dẫn nước, ổn định lâu dài	Điều tiết nước tưới 42ha đất trồng lúa 2vụ	TP Đồng Hới		

Đơn vị thực hiện	Công trình	Sự cần thiết	Mục tiêu, quy mô	Quy mô xây dựng	Địa điểm	Chiều dài (m)	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
	Bảo trì cửa van cung tràn xả lũ hồ Rào Đá	03 cánh cửa van cung tràn bằng thép được đưa vào sử dụng từ năm 2010 đến nay lớp sơn bảo vệ đã bị bong tróc, thép có hiện tượng rỉ sét nhiều nơi để đảm bảo tuổi thọ theo quy định thiết kế, cần được sơn lại	Cạo lớp sơn cũ, đánh rỉ, vệ sinh sạch bề mặt và sơn chống rỉ	Điều tiết xả lũ hồ Rào Đá	Huyện Quảng Ninh		
	Bảo trì kênh chính hồ Bẹ (đoạn từ K1+600 đến K1+790; K6+150-:-K6+370)	Đoạn kênh chính từ K1+600 đến K1+790 dài 190m có BxH=(1,2x0,9)m; K6+150-:-K6+370 dài 220m BxH=(0,6x0,7)m bằng BTCT không có gờ ngăn nay mực thùng BT tiếp giáp giữa đáy với tường gây xói gây tổn thất nước	Phá bỏ kênh cũ, làm lại kênh bằng BTCT	Điều tiết nước tưới 262,82 ha đất trồng lúa 02 vụ, 0,22 nuôi trồng thủy sản	Huyện Tuyên Hóa		
	Bảo trì cống áp lực, hồ An Mã	Cửa sự cố bị hư hỏng không đóng kín được làm nước rò rỉ nhiều, gây thất thoát, các tấm đan đỡ 02 bộ máy đóng mở bị hư hỏng, nứt, lún, bong tróc, 03 cửa sổ nhà quản lý cống áp lực bị hư hỏng, xuống cấp.	Sửa chữa hư hỏng cửa cống, các tấm đan và cửa sổ nhà tháp cống áp lực.	Tạo nguồn tưới 4,500ha lúa/ năm và phục vụ dân sinh, môi trường cho sông Kiến Giang	huyện Lệ Thủy		
	Bảo trì cống áp lực hồ Rào Đá	Roăng củ tỏi cửa van phẳng bị rách; một số thiết bị, hệ thống thủy lực van côn hạ lưu cống áp bị hỏng	Thay roăng củ tỏi cửa van phẳng, thay thế thiết bị và sửa hệ thống thủy lực van côn	Điều tiết nước phục vụ tưới 1.632ha đất lúa 02 vụ, 14ha đất nuôi trồng thủy sản	Huyện Quảng Ninh		
	Bảo trì cống xả nước xuống sông Kiến Giang tại K0+190 trên kênh chính, hồ An Mã	Tấm đan lát bảo vệ kênh ở cửa vào cống, mái đá học lát khan hạ lưu cống sạt trượt, gây xói lở vào thân cống. Cầu thang công tác bằng thép bắc lên Dàn van bị hoen rỉ; cửa cống, máy đóng mở đã hỏng.	Gia cố lại cửa vào, ra, làm lại cầu thang, cửa cống và thay máy đóng, mở	Điều tiết nước tưới tạo nguồn 4.500ha lúa/ năm và phục vụ dân sinh, môi trường cho sông Kiến Giang	huyện Lệ Thủy		
	Bảo trì hư hỏng vật tư, máy móc, thiết bị trực đứng của 02 trạm bơm Hối Quan I 02 tổ), Hối Quan II (02 tổ). Thay lưới chắn rác các trạm bơm Hối Quan I, II, III; sửa chữa bể xả trạm bơm Hối Quan I	Hiện nay 04 tổ máy bơm loại trục đứng, công suất 2,400m ³ /h, động cơ 37Kw.h, n= 980v/p có một số thiết bị đã hỏng cần sửa chữa, thay thế như: cánh quạt, bạc, bi, gối đỡ,... Lưới chắn rác ở các TB: Hối Quan I (3 cái), Hối Quan II (2 cái), Hối Quan III (3 cái) bị hỏng nguy cơ rác, cây nổi vào buồng hút máy bơm làm gây cánh quạt, hỏng máy bơm và động cơ. Bể xả TB Hối Quan I bị thùng tiếp giáp đáy với tường, cầu công tác bể xả bị hỏng	Thay 4 cánh quạt, thiết bị máy bơm và 08 lưới chắn rác	Tiêu úng, chống ngập cho 650ha lúa/năm	Huyện Lệ Thủy		

Đơn vị thực hiện	Công trình	Sự cần thiết	Mục tiêu, quy mô	Quy mô xây dựng	Địa điểm	Chiều dài (m)	Dự toán kinh phí (triệu đồng)
	Bảo trì hệ thống công trình trạm bơm Hới Nặng	Nền nhà trạm bơm Hới Nặng bằng bê tông bị xuống cấp, hư hỏng không giữ cố định được 02 bộ máy bơm và động cơ, khi vận hành gây rung lắc. Lưới chắn rác ở máy bơm số 2 bị hỏng, không đảm bảo được nhiệm vụ chắn rác.	Làm lại nền nhà máy bằng BTCT, sửa bộ máy, Thay mới lưới chắn rác	Tiêu nước, chống úng cho 76ha đất lúa 02 vụ	Huyện Lệ Thủy		
	Bảo trì tấm đan mặt cầu qua cống Mỹ Trung	Các tấm đan làm đường giao thông qua cống có 80 tấm bị nứt gây ảnh hưởng đến việc lưu thông qua cống của người dân	Thay 80 tấm đan bị nứt vỡ	Ngăn mặn, giữ ngọt, TN tưới hơn 4.350ha lúa/năm, kết hợp cầu giao thông qua cống	Huyện Quảng Ninh		
	Bảo trì tràn chữ U đầu kênh Vạn Ninh và cầu máng tại K2+100-/- K2+112	Tràn chữ U đầu kênh Vạn Ninh dâng cột nước tưới cho kênh Vạn Ninh bằng đá học xây từ những năm 1960 bị mục vỡ gây thất thoát nước, ảnh hưởng đến an toàn công trình. Cầu máng trên kênh Vạn Ninh đoạn từ K2+100 đến K2+120 dài 12m (BxH = 1,0x1,0) bị nứt, gãy mặt cốt bị co hẹp không đảm bảo dẫn nước tưới theo nhiệm vụ thiết kế của tuyến kênh	Bảo trì, gia cố lại tràn và cầu máng bằng bê tông cốt thép	Dâng, dẫn nước tưới 263ha đất lúa 2vụ	Huyện Quảng Ninh		
	Bảo trì đoạn kênh N2A Bắc hồ Phú Vinh (đoạn từ K1+625 đến K2+025)	Tuyến kênh tưới bằng bê tông, kích thước BxH=50x60cm dài 400m, bê tông đã bị mục, phần đất dưới đáy kênh bị xói lở làm một số đoạn kênh bị sập hoàn toàn, hiện tại đang khắc phục tạm bằng ống nhựa để cấp nước tưới.	Phá dỡ làm lại bằng BTCT	Điều tiết nước tưới 55,2 ha đất trồng lúa 02 vụ	TP Đồng Hới		

PHỤ LỤC 3.5

**GIAO CHI TIẾT DANH MỤC SỬA CHỮA, TRỪNG TU, TÔN TẠO DI TÍCH VÀ BẢO TỒN,
PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA PHI VẬT THỂ NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HDND ngày tháng năm 2024 của HDND tỉnh
Quảng Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Số tiền	Đơn vị thực hiện
1	Tu bổ, tôn tạo DTLS Mộ Mai Lượng, xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn	500	Bảo tàng Tổng hợp
2	Tu bổ, tôn tạo DTLS Chùa Ngọa Cương, xã Cảnh Hóa, huyện Quảng Trạch	2.000	Bảo tàng Tổng hợp
3	Tu bổ, tôn tạo DTLS Trận địa pháo Đại đội nữ dân quân Ngư Thủy, xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy	1.000	Bảo tàng Tổng hợp
4	Tu bổ, tôn tạo DTLS Đường Ba Trại - Ngã 3 Thọ Lộc, xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch	1.000	Bảo tàng Tổng hợp
5	Tu bổ, tôn tạo DTLS Lũy Đào Duy Từ (Lũy Nhật Lệ, Lũy Trường Dục), phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới và xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh	4.000	Bảo tàng Tổng hợp
6	Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn toàn tỉnh	1.000	Sở Văn hóa và Thể thao
7	Trích đo, xác định khu vực khoanh vùng bảo vệ các di tích trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	500	Bảo tàng Tổng hợp
	Tổng cộng	10.000	

Phụ lục 3.6

DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ NĂM 2025 CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY BỀN VỮNG GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2025

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025
I	Sở Văn hóa và Thể thao	6.900
1	Dự án kho lưu giữ, bảo quản hiện vật	4.000
2	Bảo dưỡng, sửa chữa di tích trong nội dung chống xuống cấp, tu bổ cấp thiết di tích cấp quốc gia Đình Lý Hòa	2.000
3	Tổ chức các lớp truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng (03 lớp)	900

PHỤ LỤC 3.7
DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 04

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HDND ngày tháng năm 2024 của HDND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Kế hoạch 2025	
		Kinh phí đề xuất	Nội dung đề xuất
I	Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh	2.880	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	150	Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ giáo viên làm công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh.
2	Sở Thông tin - Truyền thông	100	Sản xuất chương trình phát thanh về công tác phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; cung cấp thông tin bằng sản phẩm báo chí phục vụ công tác phát triển nguồn nhân lực.
3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.230	Truyền thông về phát triển nguồn nhân lực (250tr) (bao gồm kinh phí tổ chức hoạt động về ngày Kỹ năng lao động; 50tr); Tổ chức Hội nghị tư vấn tuyển sinh, việc làm thanh niên, thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an (80 triệu); Tổ chức Ngày hội tư vấn tuyển sinh, nghề nghiệp và việc làm (150 triệu); Kiểm tra giám sát, quản lý thực hiện chương trình (50tr); Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý (250 triệu); Tổ chức Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh và tham dự Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc (400tr); Tổng kết KH 463, CTHĐ số 04 (50 tr).
4	Tỉnh Đoàn	300	Tổ chức Hội nghị truyền thông, tư vấn hướng nghiệp, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho thanh niên; Tập huấn chuyển giao KHKT, khởi nghiệp, khởi sự doanh nghiệp cho đoàn viên, thanh niên
5	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	300	Tập huấn khởi nghiệp, khởi sự doanh nghiệp, thành lập THTT, HTTX, xây dựng mô hình sau học nghề cho các nhà quản lý DN nhỏ và vừa, phụ nữ, hội viên và cán bộ Hội cơ sở
6	Hội Nông Dân tỉnh	300	Tập huấn nâng cao nhận thức và bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, vai trò của nhân lực đối với sự phát triển KTXH; tổ chức các hoạt động tuyên truyền về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động nông thôn cho cán bộ, hội viên, nông dân; xây dựng mô hình mô hình du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các huyện có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng.
7	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	300	Video clip, phóng sự; Giao lưu - Đối thoại - Tọa đàm về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là những ngành, nghề kinh tế trọng điểm trên địa bàn tỉnh.
8	Báo Quảng Bình	100	Tổ chức tuyên truyền, đưa tin về phát triển nguồn nhân lực
9	Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh	100	Phát triển, nâng cao chuyên mục phát triển nguồn nhân lực; đưa tin bài tuyên truyền về chương trình phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề, hướng nghiệp, các chế độ, chính sách về GDNN.
II	UBND cấp huyện	2.110	
1	UBND thành phố Đồng Hới	300	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH463
2	UBND huyện Bố Trạch	350	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH464
3	UBND huyện Tuyên Hóa	300	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH465
4	UBND huyện Minh Hóa	280	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH466
5	UBND thị xã Ba Đồn	300	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH467
6	UBND huyện Quảng Ninh	280	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH468
7	UBND huyện Lệ Thủy	300	- Hỗ trợ đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; - Kiểm tra, giám sát, quản lý và tổng kết KH469

TT	Tên đơn vị	Kế hoạch 2025	
		Kinh phí đề xuất	Nội dung đề xuất
III	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	30.010	
1	Trường Đại học Quảng Bình	400	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức khởi nghiệp cho sinh viên; Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo ngành, nghề kinh tế mũi nhọn của tỉnh.
2	Trường Cao đẳng Nghề Quảng Bình	2.000	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; biên soạn, đổi mới giáo trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm (500tr); Đầu tư mua sắm thiết bị các ngành, nghề trọng điểm (1.500tr)
3	Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình	1.000	Xây dựng chương trình, giáo trình nghề điều dưỡng theo chuẩn khu vực Asean (100tr); Mua sắm thiết bị, mô hình phục vụ trực tiếp công tác giảng dạy (900tr)
4	Trường Cao đẳng KT Công - Nông nghiệp Quảng Bình	1.800	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý (300tr); Mua sắm máy móc, thiết bị đào tạo nghề trọng điểm (1.500tr)
5	Trường TC Du lịch - Công nghệ số 9	3.000	Mua sắm máy móc, thiết bị đào tạo nghề trọng điểm (800tr); Sửa chữa KTX, khuôn viên, hàng rào, nhà vệ sinh và một số hạ tầng khác (2.200tr)
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lệ Thủy	1.000	Sửa chữa, nâng cấp nhà xưởng thực hành.
8	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Quảng Ninh	3.000	Sửa chữa nhà hiệu bộ, nhà xưởng đào tạo nghề.
9	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Quảng Trạch	3.000	Sửa chữa dây nhà phòng học, khu nhà làm việc hiệu bộ.
6	Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Ba Đồn	3.500	Sửa chữa nhà hoạt động hành chính trung tâm, phòng học lý thuyết và thực hành tin học, hội trường trung tâm.
7	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bố Trạch	3.500	Nâng cấp, xây dựng sân bãi và các hạng mục phụ trợ (500tr); Xây dựng nhà lớp học (3.000)
10	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tuyên Hóa	3.500	Mua sắm thiết bị phục vụ đào tạo nghề Kỹ thuật chế biến món ăn, May công nghiệp (500tr); Xây dựng nhà lớp học (3.000tr)
11	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Minh Hóa	2.000	Sửa chữa nhà hành chính (2000 tr)
12	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Bình	2.100	Xây dựng phòng học lý thuyết và thực hành đào tạo ngoại ngữ và kỹ năng nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ lao động đi làm việc ở nước ngoài.
13	Trung tâm GDNN và hỗ trợ ND-PN	210	Tập huấn khởi nghiệp, khởi sự doanh nghiệp, thành lập hợp tác xã, xây dựng mô hình sau học nghề; Xây dựng mô hình học thực hành nghề nghiệp vụ nhà hàng, mô hình học thực hành nghề bán hàng Marketing, livestream.
	Tổng cộng	35.000	

PHỤ LỤC 3.8
DỰ TOÁN CHI TIẾT NGUỒN THU PHÍ HẠ TẦNG CỬA KHẨU CHA LO

Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình,

TT	Tên công trình/dự án	Dự toán kinh phí (triệu đồng)	Cơ quan/đơn vị thực hiện
A	Sửa chữa hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình	400	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình
B	Sửa chữa hạ tầng các KCN, KKT Quảng Bình	12.984	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình
I	Khu vực Cha Lo	1.554	
1	Sửa chữa hai luồng xuất cảnh, nhập cảnh; sơn nhà làm việc Liên ngành Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (thuộc dự án Nhà Liên ngành và Quốc môn Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cha Lo)	1.100	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình
2	Sửa chữa công trình Quốc Môn cửa khẩu Quốc tế Cha Lo (thuộc dự án Nhà Liên ngành và Quốc môn Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Cha Lo)	454	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình
II	Khu vực Hòn La	6.930	
1	Sửa chữa mạng lưới thoát nước thải bằng ống nhựa HDPE D250 tại KCN Cảng biển Hòn La (thuộc dự án Xây dựng nhà máy xử lý nước thải KCN cảng biển Hòn La)	1.330	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình
2	Sửa chữa mặt đường đường DCD 02 KCN Cảng biển Hòn La (thuộc dự án Xây dựng hệ thống GT GD1 KCN cảng biển Hòn La)	5.600	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình
III	Khu vực KCN Tây Bắc Đồng Hới	4.500	
1	Sửa chữa mặt đường đường DCD 05 KCN Tây Bắc Đồng Hới (thuộc dự án: Xây dựng mặt, lề đường nội vùng Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới)	4.500	Trung tâm QLHT các KCN, KKT Quảng Bình
	TỔNG CỘNG (A+B)	13.384	

Phụ lục 3.9

Chi tiết các nguồn giao cho UBND tỉnh giao chi tiết khi đủ điều kiện giao dự toán

theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh Quảng 1

DVT: triệu đồng

STT	Danh mục, đơn vị	Các nguồn giao cho UBND tỉnh giao chi tiết khi có phát sinh
	TỔNG CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	990.015
A	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	110.000
1	Mua xe	20.000
2	Đoàn ra, đoàn vào	10.000
3	Đại hội, ngày lễ, kinh phí Đại hội Đảng các cấp, Đại hội thể dục thể thao	50.000
4	Chi đột xuất hành chính khác	30.000
B	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	188.565
I	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC	153.065
1	SN giáo dục khác	30.000
2	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội thuộc sự nghiệp giáo dục	63.430
3	Kinh phí hợp đồng lao động theo NĐ 111	59.635
II	SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO	35.500
1	Sự nghiệp đào tạo Y tế	1.000
2	Sự nghiệp đào tạo thuộc Sở GD - ĐT	1.500
3	Đào tạo lại	3.000
4	Kinh phí thực hiện chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông	20.000
5	Đề án Nâng cao năng lực dạy và học ngoại ngữ	10.000
E	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	5.715
7	Sự nghiệp khoa học công nghệ	5.715
G	SỰ NGHIỆP KINH TẾ	528.153
1	Chương trình lâm nghiệp	98.640
2	Vốn đối ứng CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	8.932
3	Vốn đối ứng CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025	17.227
4	Chương trình bố trí dân cư	7.000
5	Kp thực hiện NQ hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ Giám sát hành trình	2.936
6	Kinh phí thực hiện Quyết định 48/QĐ-TTg	320.136
7	Kinh phí thực hiện chuyển đổi số	20.000
8	Vốn đối ứng nước ngoài và đối ứng khác	2.000
9	Kinh phí quy hoạch và kinh phí khác còn lại	51.282
I	ĐẢM BẢO XÃ HỘI	109.082
1	Chế độ bảo trợ xã hội	85.510
2	Đột xuất khác	15.000
3	Kinh phí thực hiện Đề án 1371	3.572
4	Kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024-2026 và Nghị quyết hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy	5.000
K	QUỐC PHÒNG, AN NINH	3.500

STT	Danh mục, đơn vị	Các nguồn giao cho UBND tỉnh giao chi tiết khi có phát sinh
1	Kinh phí ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia	3.500
2	Đợt xuất ANQP	10.000
L	CHI KHÁC	35.000
2	Hỗ trợ các đơn vị và đợt xuất khác	35.000
M	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội (theo số phát sinh thực tế)	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2025

Phụ lục số 4a

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HDND ngày tháng năm 2024 của HDND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Minh Hóa	Tuyên Hóa	Quảng Trạch	Ba Đồn	Bố Trạch	Đồng Hới	Quảng Ninh	Lệ Thủy
1	Tổng thu NSNN trên địa bàn	3.366.370	28.360	112.270	290.350	303.750	395.860	1.725.450	273.300	237.030
	<i>Ngân sách địa phương được hưởng</i>	<i>2.384.515</i>	<i>25.815</i>	<i>99.890</i>	<i>240.540</i>	<i>253.885</i>	<i>319.720</i>	<i>1.012.425</i>	<i>225.410</i>	<i>206.830</i>
1	Thu XNQD địa phương	7.700						7.700		
2	Thu DN có vốn DTNN	0								
3	Thuế CTN & DV NQD	353.500	9.500	33.000	24.000	34.000	61.000	110.000	28.000	54.000
4	Lệ phí trước bạ	245.000	6.000	13.500	20.000	25.000	35.000	99.000	21.000	25.500
5	Thuế sử dụng đất phi NN	10.650	10	10	50	200	150	10.000	80	150
6	Thu tiền thuê đất	15.460	140	360	500	550	660	11.800	550	900
7	Thuế thu nhập cá nhân	113.180	1.900	3.500	7.800	11.000	21.000	52.000	6.400	9.580
8	Thu phí và lệ phí	45.000	2.200	7.200	3.000	3.800	7.400	11.200	4.300	5.900
	- Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản	14.000	300	5.000	200	1.000	1.900	1.500	2.200	1.900
	- Phí tham quan	900	900							
9	Thu tiền sử dụng đất	2.480.000	5.000	45.000	228.000	220.000	255.200	1.396.800	200.000	130.000
	<i>Trong đó thu tiền sử dụng đất</i>	<i>2.257.807</i>	<i>5.000</i>	<i>45.000</i>	<i>228.000</i>	<i>220.000</i>	<i>255.200</i>	<i>1.174.607</i>	<i>200.000</i>	<i>130.000</i>
	<i>Ghi thu ghi chi chi phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất các dự án tại ngân sách cấp tỉnh</i>	<i>222.193</i>						<i>222.193</i>		
10	Thu khác	72.800	3.000	6.000	5.500	7.500	12.000	24.000	7.500	7.300
	<i>Trong đó: Thu khác NSTW</i>	<i>30.850</i>	<i>1.480</i>	<i>2.490</i>	<i>2.480</i>	<i>5.590</i>	<i>5.070</i>	<i>8.300</i>	<i>2.250</i>	<i>3.190</i>
	<i>Thu tiền và bảo vệ đất trồng lúa</i>	<i>2.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>		<i>50</i>	<i>300</i>	<i>550</i>	<i>500</i>	<i>600</i>
11	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	7.980	600	3.500	0	400	250	1.500	430	1.300
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14.000	10	200	1.500	1.300	3.200	350	5.040	2.400
13	Thu tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP được hưởng 100%	1.100						1.100		
II	Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý	93.055	80	7.517	4.424	700	10.053	64.500	1.453	4.329
1	Thu tiền thuê đất	57.230	80	600	1.500	700	4.000	46.500	1.250	2.600
2	Thu phí tham quan	5.550					5.550			
3	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	18.000						18.000		
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	12.275		6.917	2.924		503		203	1.729

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HDND ngày tháng năm 2024 của HDND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: triệu đồng

Phụ lục số 4b

STT	Chi tiêu	Tổng số	Minh Hóa	Tuyên Hóa	Quảng Trạch	Ba Đồn	Bố Trạch	Đồng Hới	Quảng Ninh	Lệ Thủy
		DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025	DT 2025
A	TỔNG SỐ THU NSDP (I+II+III+IV)	10.056.899	867.693	872.691	1.078.187	1.107.228	1.565.662	2.300.897	940.219	1.324.322
	Trong đó: NSDP được hưởng	8.852.851	865.148	860.311	1.028.377	1.057.363	1.489.522	1.365.679	892.329	1.294.122
I	Thu cân đối NSDP trên địa bàn	3.366.370	28.360	112.270	290.350	303.750	395.860	1.725.450	273.300	237.030
	Trong đó: NSDP được hưởng	2.162.322	25.815	99.890	240.540	253.885	319.720	790.232	225.410	206.830
1	Tiền cấp quyền sử dụng đất	2.480.000	5.000	45.000	228.000	220.000	255.200	1.396.800	200.000	130.000
	Trong đó NSDP hưởng	1.314.982	4.455	35.290	180.920	176.000	184.460	475.782	154.635	103.440
2	Các khoản thu cân đối còn lại	886.370	23.360	67.270	62.350	83.750	140.660	328.650	73.300	107.030
	Trong đó NSDP hưởng	847.340	21.360	64.600	59.620	77.885	135.260	314.450	70.775	103.390
II	Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý	93.055	80	7.517	4.424	700	10.053	64.500	1.453	4.329
III	Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang	163.201	4.599	7.588	6.027	8.141	9.268	107.327	12.159	8.092
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.434.273	834.654	745.317	777.386	794.637	1.150.482	403.620	653.307	1.074.872
1	Bổ sung cân đối	3.927.840	533.221	448.015	471.135	463.617	714.274	209.361	420.250	667.968
	Trong đó số BSCĐ tăng thêm do giám thu dự toán 2025 so với dự toán 2023	161.427	3.113	0	21.786	29.217	39.663	55.602	7.377	4.669
2	Bổ sung có mục tiêu	832.870	98.024	81.531	99.278	137.325	109.136	103.307	77.740	126.527
3	Bổ sung để thực hiện chính sách tiền lương 2,34 triệu đồng/tháng theo quy định	1.673.563	203.409	215.770	206.974	193.695	327.071	90.952	155.317	280.376
B	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NSNN	8.852.851	865.148	860.311	1.028.377	1.057.363	1.489.522	1.365.679	892.329	1.294.122
I	Chi xây dựng cơ bản	1.492.212	26.407	55.356	200.637	195.752	213.360	496.239	173.779	130.682
1	Vốn tập trung trong nước	177.230	21.952	20.066	19.717	19.752	28.900	20.457	19.144	27.242
2	Vốn đầu tư từ nguồn SD đất	1.314.982	4.455	35.290	180.920	176.000	184.460	475.782	154.635	103.440
-	Vốn từ cấp quyền sử dụng đất	1.314.982	4.455	35.290	180.920	176.000	184.460	475.782	154.635	103.440
II	Chi thường xuyên	6.350.051	725.374	708.170	709.880	705.885	1.139.418	723.245	624.518	1.013.561
	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo	3.684.486	444.623	416.844	415.091	386.986	703.923	387.049	355.880	574.091
III	Dự phòng ngân sách	159.718	15.342	15.254	18.582	18.401	27.608	24.887	16.292	23.352
C	Chi mục tiêu từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với rác thải	18.000						18.000		

STT	Chỉ tiêu	Tổng số DT 2025	Minh Hóa DT 2025	Tuyên Hóa DT 2025	Quảng Trạch DT 2025	Ba Đồn DT 2025	Bố Trạch DT 2025	Đồng Hới DT 2025	Quảng Ninh DT 2025	Lệ Thủy DT 2025
D	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	832.870	98.024	81.531	99.278	137.325	109.136	103.307	77.740	126.527
1	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	2.201	89	165	218	369	306	653	145	257
2	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất trường học, đạt chuẩn quốc gia, đạt tiêu chí trường học	101.100	10.050	12.750	10.650	10.350	24.750	10.050	8.250	14.250
3	Kinh phí ứng dụng phần mềm ngành tài chính công khai ngân sách; kinh phí đào tạo...	3.934	388	485	477	448	666	444	405	621
4	Kinh phí vận hành Quảng trường, trang trí các ngày lễ lớn, nhiệm vụ vệ sinh môi trường, chăm sóc công viên cây xanh, vận hành hệ thống điện, tiền điện chiếu sáng, trang trí trên địa bàn TP Đồng Hới năm 2024	15.000						15.000		
5	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội tăng thêm	321.311	50.674	33.052	33.596	30.474	35.303	38.657	37.182	62.374
6	Bổ sung tăng sự nghiệp kinh tế để thực hiện các nhiệm vụ xử lý môi trường, chỉnh trang đô thị, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình xây dựng cơ bản,...	96.198	12.934	12.055	9.924	10.081	16.262	10.699	9.441	14.802
7	Hỗ trợ chi hành chính đặc thù huyện xa trung tâm, biên giới giáp Lào	2.000	1.000	1.000						
8	Kinh phí hỗ trợ hàng tháng đối với cán bộ không chuyên trách ở thôn và tổ dân phố	50.785	6.503	7.194	5.728	5.290	2.359	7.009	6.290	10.412
9	Kinh phí tiền lương đối với hợp đồng giáo viên theo Nghị quyết 193/NQ-HĐND ngày 11/07/2024	42.753	4.080	3.372	6.082	4.123	7.821	6.542	4.164	6.569
10	Kinh phí tiền lương và chi hoạt động đối với hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP đối với khối quản lý nhà nước	29.015	4.879	2.649	3.466	2.655	3.883	3.171	3.663	4.648
11	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở năm 2024 theo Nghị quyết 70/2024/NQ-HĐND ngày 20/6/2024	47.058	3.663	4.597	4.618	4.115	9.926	7.651	4.421	8.067
12	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 77/2024 ngày 25/10/2024 về quy định mức hỗ trợ đối với nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản	10.064	615	1.261	1.067	1.120	2.463	1.182	929	1.426
13	Cơ chế đặc thù hỗ trợ thực hiện Nghị quyết 13/-NQ/TU cho thị xã Ba Đồn, đạt đô thị loại III năm 2026	65.000				65.000				
14	Kinh phí chỉnh trang đô thị tại Trung tâm huyện lỵ Quảng Trạch đạt đô thị loại V năm 2025	20.000			20.000					

STT	Chỉ tiêu	Tổng số DT 2025	Minh Hóa DT 2025	Tuyên Hóa DT 2025	Quảng Trạch DT 2025	Ba Đồn DT 2025	Bố Trạch DT 2025	Đồng Hới DT 2025	Quảng Ninh DT 2025	Lệ Thủy DT 2025
15	Hỗ trợ kinh phí triển khai Đề án phát triển hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin	11.600	1.000	1.500	1.500	2.000	2.300	1.000	1.000	1.300
16	Hỗ trợ kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, định giá đất...	4.000	500	500	500	500	500	500	500	500
17	Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án 06 và chuyển đổi số	7.550	750	950	850	800	1.400	750	750	1.300
18	Hỗ trợ kinh phí sắp xếp đơn vị hành chính	3.300	900	0	600	0	1.200	0	600	0

PHỤ LỤC SỐ 5
PHÂN BỐ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Nguồn vốn thực hiện năm 2025			Đơn vị thực hiện
		Tổng cộng	NSTW	NS Tỉnh	
	Tổng số	70.146	35.073	35.073	
A	ĐƠN VỊ CẤP TỈNH	54.646	27.583	27.063	
I	TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CƠ SỞ	4.000	2.000	2.000	
1	Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	4.000	2.000	2.000	Sở Thông tin và Truyền thông
II	TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN	16.267	10.072	6.195	
1	Tiểu mục 1: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hoá đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.	10.767	6.922	3.845	
1.1	Sở Nông nghiệp và PTNT	10.767	6.922	3.845	Sở NN&PTNT
2	Tiểu mục 2: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển cơ giới hoá, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị	3.500	1.950	1.550	Chi Cục Phát triển nông thôn
3	Tiểu mục 3: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với liên kết theo chuỗi giá trị	500	250	250	Chi Cục Phát triển nông thôn
4	Tiểu mục 4: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản, đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ	1.000	650	350	
	- Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại	800	550	250	Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại
	- Sở Công thương	200	100	100	Sở Công thương
5	Chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	500	300	200	Liên minh HTX
III	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ CỦA NGƯỜI DÂN NÔNG THÔN	3.600	1.900	1.700	
1	Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải tạo sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	3.600	1.900	1.700	Sở Y tế
IV	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG; XÂY DỰNG CẢNH QUAN NÔNG THÔN SÁNG - XANH - SẠCH - ĐẸP, AN TOÀN; GIỮ GÌN VÀ KHÔI PHỤC CẢNH QUAN TRUYỀN THỐNG NÔNG THÔN	16.099	8.646	7.453	

TT	Nội dung	Nguồn vốn thực hiện năm 2025			Đơn vị thực hiện
		Tổng cộng	NSTW	NS Tỉnh	
1	Xây dựng và triển khai thí điểm mô hình cung cấp nước sạch quy mô hộ gia đình cho cộng đồng dân cư vùng nông thôn	1.700	850	850	Văn phòng Điều phối NTM tỉnh
2	Tiểu mục 1: Nâng cao chất lượng môi trường (Thực hiện Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn, bao gồm tập huấn)	2.700	1.700	1.000	Trung tâm NS và Vệ sinh MTN/T
3	Tiểu mục 2: Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống - Phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giữ gìn khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn	11.699	6.096	5.603	Văn phòng Điều phối NTM tỉnh
V	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG, HOẠT ĐỘNG CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ; THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NÔNG THÔN MỚI; TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG MINH; BẢO ĐẢM VÀ TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN, GIAI PHÁP BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI.	300	150	150	
1	Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý	300	150	150	Sở Tư Pháp
VI	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	3.150	1.600	1.550	
1	Thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	800	500	300	Ủy ban MTTQVN tỉnh
2	Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả chương trình tri thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM.	600	300	300	Tỉnh Đoàn
3	Chi hỗ trợ triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025"; Chi vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"	800	500	300	Hội LH Phụ nữ
4	Chi triển khai Phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng"	800	300	500	Hội Nông dân
5	Tuyên truyền cho hội viên về XDNTM	150		150	Hội Cựu chiến binh
VII	GIỮ VỮNG QUỐC PHÒNG AN NINH VÀ TRẬT TỰ XÃ HỘI NÔNG THÔN	500	250	250	
1	Chi tuyên truyền, tập huấn, sơ kết, tổng kết	500	250	250	Công an tỉnh
VIII	TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH; NÂNG CAO NĂNG LỰC, TRUYỀN THÔNG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI; THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA CÁN NƯỚC CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	3.230	1.465	1.765	
1,1	BCD các chương trình MTQG tỉnh	150	75	75	Sở KHĐT
1,2	Văn phòng UBND tỉnh	70	35	35	VP UBND tỉnh
1,3	Sở Tài chính	100	50	50	Sở Tài chính
1,4	Cơ quan chủ quản chương trình	100	50	50	Sở NN&PTNT
1,5	Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Bình	400	200	200	Đài PT-TH QB
1,6	Báo Quảng Bình	150	75	75	Báo QB

TT	Nội dung	Nguồn vốn thực hiện năm 2025			Đơn vị thực hiện
		Tổng cộng	NSTW	NS Tỉnh	
1,7	Trung tâm Khuyến nông	200	100	100	Trung tâm KN-KN
1,8	Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG XDNTM tỉnh	2.060	880	1.180	VPDP NTM
-	Chi mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ cho các hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp	90	45	45	
-	Chi kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung thuộc các nội dung thành phần của Chương trình và kiểm tra, giám sát, đánh giá chung Chương trình	70	35	35	
-	Chi tổ chức Hội nghị, hội thảo; chi tổ chức họp triển khai, sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình; công tác phi cho cán bộ đi dự các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn của trung ương, tỉnh, huyện	250	125	125	
-	Chi tổ chức khảo sát, thăm tra, thăm định thôn, xã, cấp huyện, cấp tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu	50	25	25	
-	Truyền thông về xây dựng NTM	500	250	250	
-	Đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực cho cán bộ và người dân về xây dựng nông thôn mới	900	400	500	
-	Học tập kinh nghiệm về xây dựng nông thôn mới	200	0	200	
IX	DUY TU BẢO DƯỠNG, VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH SAU ĐẦU TƯ	1.500	1.500	0	
1	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sạch tập trung.	1.500	1.500		Trung tâm NS và Vệ sinh MTNT
X	KHEN THƯỞNG	6.000	0	6.000	
B	CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ	15.500	7.490	8.010	
1	Huyện Lệ Thủy	2.300	1.100	1.200	
2	Huyện Quảng Ninh	1.700	850	850	
3	TP Đồng Hới	2.300	1.050	1.250	
4	Huyện Bố Trạch	1.850	920	930	
5	Huyện Quảng Trạch	850	420	430	
6	Thị xã Ba Đồn	3.500	1.650	1.850	
7	Huyện Tuyên Hóa	1.700	850	850	
8	Huyện Minh Hóa	1.300	650	650	